

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

Số: 05/2023/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bạc Liêu, ngày 14 tháng 7 năm 2023*

**NGHỊ QUYẾT**

**Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024.**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Xét Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh “Về việc ban hành nghị quyết điều chỉnh, bổ sung bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024”; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh “Về việc thông qua Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024” và Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh “Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024” (đính kèm quy định).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu khóa X, kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH****(Đã ký)****Lữ Văn Hùng**

**QUY ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG**

**Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024**

*(Kèm theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này điều chỉnh, bổ sung một số điều của Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh “Về việc thông qua bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024” và Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh “Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024”.

**Điều 2.** Điều chỉnh, bổ sung một số điều của Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh “Về việc thông qua Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024” và Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh “Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2024”

1. Điều chỉnh, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Vị trí và chiều sâu đất nông nghiệp:

a) Vị trí 1:

Xác định trong 60 mét đầu của những thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường Quốc lộ, đường tỉnh, đường phố tính từ hành lang lộ giới hiện hữu hoặc tính từ mép đường lộ, mép bờ kênh nơi chưa có quy hoạch lộ giới (là ranh giới giữa mái dốc tự nhiên của kênh với mặt đất tự nhiên theo chiều ngang)”.

2. Điều chỉnh, bổ sung tại khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Đất ở nông thôn có mặt tiền tiếp giáp các tuyến đường giao thông chính có tên trong Bảng giá đất trên địa bàn các xã thuộc các huyện, thị xã và thành phố Bạc Liêu đã có hạ tầng tương đối đồng bộ và có khả năng sinh lợi được chia theo vị trí như sau:

a) Vị trí 1: Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly 30 mét tính từ mốc lộ giới đối với Quốc lộ, đường tỉnh và đường huyện đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới, có mức giá bằng 100% mức giá chuẩn quy định cho đoạn đường trong Bảng giá.

b) Vị trí 2: Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly từ trên 30 mét đến 50 mét tính từ mốc lộ giới đối với Quốc lộ, đường tỉnh và đường huyện đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới, có mức giá bằng 70% mức giá chuẩn quy định cho đoạn đường trong bảng giá, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu của khu vực.

c) Vị trí 3: Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly từ trên 50 mét đến 70 mét tính từ mốc lộ giới đối với Quốc lộ, đường tỉnh và đường huyện đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới, có mức giá bằng 50% mức giá chuẩn quy định cho đoạn đường trong bảng giá, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu của khu vực.

d) Vị trí 4: Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly từ trên 70 mét đến 90 mét tính từ mốc lộ giới đối với Quốc lộ, đường tỉnh và đường huyện đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới, có mức giá bằng 20% mức giá chuẩn quy định cho đoạn đường trong bảng giá, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu của khu vực.

đ) Phần đất còn lại ở cự ly từ trên 90 mét tính từ mốc lộ giới đối với Quốc lộ, đường tỉnh và đường huyện đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới, thì được tính bằng giá đất ở tối thiểu của khu vực”.

3. Điều chỉnh, bổ sung tại khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Đất ở nông thôn có mặt tiền tiếp giáp đường liên xã, liên ấp, có mặt lộ trải nhựa, tráng xi măng hoặc tiếp giáp các trục kênh thủy lợi từ cấp 3 trở lên chưa có tên trong Bảng giá đất thì được phân thành 03 vị trí như sau:

a) Vị trí 1: Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly 30 mét tính từ mốc lộ giới đối với đường liên xã, liên ấp, có mặt lộ trải nhựa hoặc tráng xi măng rộng từ 1,5 mét trở lên đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới.

b) Vị trí 2:

- Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly từ trên 30 mét đến 50 mét tính từ mốc lộ giới đối với đường liên xã, liên ấp, có mặt lộ trải nhựa hoặc tráng xi măng rộng từ 1,5 mét trở lên đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới.

- Đất thuộc thửa mặt tiền và các thửa đất tiếp giáp tiếp theo của cùng một chủ sử dụng đất trong phạm vi cự ly 30 mét tính từ mốc lộ giới đối với đường liên xã, liên ấp còn lại hoặc các trục kênh thủy lợi từ cấp 3 trở lên đã có quy hoạch lộ giới, hoặc tính từ mép đường, mép kênh đối với các trường hợp chưa có quy hoạch lộ giới.

c) Vị trí 3: Các vị trí đất còn lại”.

4. Điều chỉnh, bổ sung tại khoản 1 và khoản 6 Điều 10 như sau:

“1. Thửa đất có vị trí góc ngã ba, ngã tư, ngã năm đường, thửa đất tiếp giáp hai mặt tiền đường (hoặc tiếp giáp mặt tiền đường và mặt tiền kênh thủy lợi, nương lộ có tiếp giáp đường giao thông) trở lên thì được xác định theo giá đất ở chuẩn quy định cho vị trí đó nhân với hệ số 1,2 lần.

6. Trong quá trình xác định vị trí đất ở theo các tuyến đường nhánh, hẻm cụt đã hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng, nhưng có khả năng sinh lợi kém hoặc các tuyến đường có cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ (đã hình thành đường sỏi, đường đá, nhưng chưa trải nhựa) thì được tính giảm giá 30% so với giá quy định cho vị trí đó.”

5. Bổ sung khoản 9, khoản 10 vào Điều 10 như sau:

“9. Đối với các thửa đất ở có vị trí không tiếp giáp đường, kênh thủy lợi và không cùng chủ sử dụng với thửa đất có cạnh tiếp giáp thì được tính bằng giá đất ở tối thiểu của khu vực.

10. Đối với các thửa đất nông nghiệp được quy định tại khoản 3 Điều 5 mà trường hợp thửa đất có vị trí 3 và chiều sâu > 70 mét thì giá đất của phần diện tích sau mét thứ 70 được xác định bằng 20% giá đất nông nghiệp ở phạm vi 30 mét đầu, nhưng không được thấp hơn giá đất trồng cây lâu năm tại vị trí 1 được quy định tại khoản 1 Điều 12 của Bảng giá các loại đất; trường hợp, giá đất xác định theo quy định tại điểm này mà thấp hơn giá đất trồng cây lâu năm tại vị trí 1 được quy định tại khoản 1 Điều 12 của Bảng giá các loại đất thì tính bằng giá đất trồng cây lâu năm tại vị trí 1 được quy định tại khoản 1 Điều 12 của Bảng giá các loại đất”.

6. Bổ sung khoản 7 vào Điều 12 như sau:

“7. Đối với đất nông nghiệp khác được quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 10 Luật Đất đai tính bằng mức giá đất nông nghiệp liền kề tương ứng; trường hợp liền kề tương ứng với nhiều loại đất nông nghiệp khác nhau, thì căn cứ vào giá của loại đất có mức giá cao nhất để xác định giá.”

7. Điều chỉnh, bổ sung tại khoản 3 Điều 14 như sau:

“3. Giá đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh; đất phi nông nghiệp khác được xác định theo tỷ lệ phần trăm và bằng 60% giá đất ở liền kề có vị trí tương đương; giá đất này không thấp hơn giá tối thiểu và không vượt quá giá tối đa theo khung giá đất của Chính phủ quy định hiện hành tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long cụ thể đối với thành phố Bạc Liêu là đô thị loại II, thị xã Giá Rai là đô thị loại IV và thị trấn thuộc các huyện là đô thị loại V.

Giá đất xây dựng công trình sự nghiệp được xác định theo tỷ lệ phần trăm và bằng 80% giá đất ở liền kề có vị trí tương đương; giá đất này không thấp hơn giá tối thiểu và không vượt quá giá tối đa theo khung giá đất của Chính phủ quy định hiện hành tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long cụ thể đối với thành phố Bạc Liêu là đô thị loại II, thị xã Giá Rai là đô thị loại IV và thị trấn thuộc các huyện là đô thị loại V.”

8. Điều chỉnh, bổ sung tại khoản 4 Điều 14 như sau:

“4. Căn cứ mức giá cụ thể đã quy định đối với giá các loại đất liền kề để xác định giá cho các loại đất sau, cụ thể:

a) Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan; đất quốc phòng; đất an ninh thì căn cứ giá đất ở liền kề, nếu không có đất ở liền kề thì căn cứ vào giá đất ở khu vực gần nhất để xác định giá.

b) Đối với đất nghĩa trang, nghĩa địa; đất cơ sở tôn giáo; đất cơ sở tín ngưỡng thì căn cứ giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại vị trí liền kề; trường hợp không có đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ liền kề thì căn cứ vào giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại khu vực gần nhất để xác định giá.

c) Đối với đất sông ngòi, kênh rạch, suối; đất có mặt nước chuyên dùng thì căn cứ giá đất phi nông nghiệp liền kề, nếu không có đất phi nông nghiệp liền kề thì căn cứ vào giá đất phi nông nghiệp khu vực gần nhất để xác định giá.”

9. Điều chỉnh, bổ sung Điều 15, như sau:

“Điều 15. Phụ lục giá đất các huyện, thị xã, thành phố

1. Phụ lục giá đất thành phố Bạc Liêu.
2. Phụ lục giá đất huyện Đông Hải.
3. Phụ lục giá đất huyện Hòa Bình.
4. Phụ lục giá đất huyện Hồng Dân.
5. Phụ lục giá đất thị xã Giá Rai.
6. Phụ lục giá đất huyện Phước Long.
7. Phụ lục giá đất huyện Vĩnh Lợi.”

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 01

**Bảng giá đất ở và bảng giá điều chỉnh đất ở các dự án khu dân cư thành phố Bạc Liêu - tỉnh Bạc Liêu**  
(Kèm theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

**A. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở THÀNH PHỐ BẠC LIÊU - TỈNH BẠC LIÊU**

Đơn vị tính: 1000đ/m<sup>2</sup>

| STT | Tên đường       | Đoạn đường            |                                               | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------------------|-----------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                 | Điểm đầu              | Điểm cuối                                     |                        |                       |         |
| 1   | Điện Biên Phủ   | Phòng CSGT đường thủy | Võ Thị Sáu                                    | 7,900                  | 8,500                 |         |
|     |                 | Võ Thị Sáu            | Trần Phú                                      | 11,500                 | 12,000                |         |
|     |                 | Trần Phú              | Lê Hồng Nhi                                   | 16,700                 | 17,300                |         |
|     |                 | Lê Hồng Nhi           | Lê Lợi                                        | 14,000                 | 15,000                |         |
|     |                 | Lê Lợi                | Cuối đường (hết ranh<br>chùa Vĩnh Triều Minh) | 10,600                 | 12,000                |         |
| 2   | Mai Thanh Thế   | Điện Biên Phủ         | Hai Bà Trưng                                  | 16,700                 | 18,000                |         |
| 3   | Phan Đình Phùng | Hoàng Văn Thụ         | Hòa Bình                                      | 16,700                 | 18,000                |         |

| STT | Tên đường                        | Đoạn đường                               |                                  | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                  | Điểm đầu                                 | Điểm cuối                        |                        |                       |         |
| 4   | Lê Lợi                           | Điện Biên Phủ                            | Hòa Bình                         | 14,000                 | 16,000                |         |
|     |                                  | Hòa Bình                                 | Ngô Quang Nhã (sau UBND tỉnh)    | 13,200                 | 14,000                |         |
| 5   | Thủ Khoa Huân                    | Điện Biên Phủ                            | Hai Bà Trưng                     | 10,600                 | 11,500                |         |
| 6   | Trần Văn Thời                    | Ngô Gia Tự                               | Lê Lợi                           | 13,200                 | 14,000                |         |
|     |                                  | Lê Lợi                                   | Phan Đình Phùng                  | 5,300                  | 6,500                 |         |
| 7   | Lê Hồng Nhi (Đỉnh Tiên Hoàng cũ) | Điện Biên Phủ                            | Hai Bà Trưng                     | 7,050                  | 7,500                 |         |
|     |                                  | Hẻm T32 (đối diện chùa Sùng Thiện Đường) | Giáp ranh huyện Vĩnh Lợi         | 2,650                  | 3,000                 |         |
| 8   | Đinh Bộ Lĩnh                     | Nguyễn Huệ                               | Sông Bạc Liêu                    | 7,050                  | 7,500                 |         |
| 9   | Hòa Bình                         | Bắt đầu từ đường Lê Duẩn                 | Bắt đầu từ đường Nguyễn Thái Học |                        | 15,600                | Bổ sung |
|     |                                  | Bắt đầu từ đường Nguyễn Thái Học         | đến đường Tôn Đức Thắng          | 500                    | 13,400                | Bổ sung |
| 10  | Trần Phú                         | Hết ranh bến xe                          | Hết Trạm 24 (Phòng Cảnh          | 16,700                 | 17,000                |         |

| STT | Tên đường                                             | Đoạn đường                                            |                               | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                       | Điểm đầu                                              | Điểm cuối                     |                        |                       |         |
|     |                                                       |                                                       | sát giao thông tỉnh Bạc Liêu) |                        |                       |         |
|     |                                                       | Hết Trạm 24 (Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Bạc Liêu) | Ngã năm vòng xoay             | 12,350                 | 12,500                |         |
| 11  | Đường Nguyễn Hữu Nghĩa (đường vào bến xe (hướng Bắc)) | Trần Phú (QL 1 cũ)                                    | Hết ranh bến xe               | 6,150                  | 6,400                 |         |
| 12  | Đường vào bến xe (hướng Nam)                          | Trần Phú (QL 1 cũ)                                    | Hết ranh bến xe               | 6,150                  | 6,400                 |         |
| 13  | Đường 23 - 8 (Quốc lộ 1 cũ)                           | Hết ranh Công ty Công trình giao thông                | Cầu Sập (cầu Dân Xây)         | 4,400                  | 5,000                 |         |
| 14  | Đường Quốc lộ 1                                       | Ngã năm vòng xoay                                     | Hết ranh Trường Trắng Non     | 7,050                  | 7,500                 |         |
|     |                                                       | Hết ranh Trường Trắng Non                             | Cách ranh Vĩnh Lợi 200m       | 4,400                  | 5,000                 |         |
|     |                                                       | Bắt đầu từ cách ranh Vĩnh Lợi 200m                    | Đến giáp ranh huyện Vĩnh Lợi  |                        | 4,000                 | Bổ sung |
| 15  | Đường Tránh Quốc lộ                                   | Ngã năm vòng xoay                                     | Đường Trà Uôl                 | 1,750                  | 2,600                 |         |

| STT | Tên đường                                                 | Đoạn đường                                      |                                                 | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                           | Điểm đầu                                        | Điểm cuối                                       |                        |                       |         |
|     | 1                                                         |                                                 |                                                 |                        |                       |         |
|     |                                                           | Đường Trà Uôl (giáp ranh giữa P.7 & P.8)        | Cầu Dàn Xây                                     | 1,400                  | 2,000                 |         |
| 16  | Nguyễn Tất Thành                                          | Hẻm đối diện cổng sau Công viên Trần Huỳnh      | Hết ranh DA Công viên Trần Huỳnh (Công Nông cũ) | 4,900                  | 5,700                 |         |
|     |                                                           | Hết ranh DA Công viên Trần Huỳnh (Công Nông cũ) | Trần Phú                                        | 7,050                  | 7,500                 |         |
| 17  | Trần Huỳnh                                                | Tôn Đức Thắng (DA Nam Sông Hậu)                 | Nguyễn Chí Thanh (bờ kênh Tlợi)                 | 7,050                  | 7,500                 |         |
| 18  | Đường Trần Bình Trọng (đường vào nhà máy Toàn Thắng 5 cũ) | Võ Thị Sáu                                      | Sông Bạc Liêu                                   | 4,400                  | 4,800                 |         |
| 19  | Đường Lộc Ninh (đường Nguyễn Thái Học cũ)                 | Trần Huỳnh                                      | Đường Cách Mạng                                 | 5,000                  | 5,500                 |         |
| 20  | Tôn Đức Thắng                                             | Cầu Tôn Đức Thắng                               | đường Nguyễn Thị Minh Khai                      | 5,300                  | 5,800                 |         |

| STT | Tên đường                  | Đoạn đường                  |                               | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                            | Điểm đầu                    | Điểm cuối                     |                        |                       |         |
| 21  | Lê Duẩn (Giao Thông cũ)    | Cách Mạng                   | Hoàng Diệu                    | 7,050                  | 7,500                 |         |
| 22  | Cao Văn Lầu                | Đổng Đa (dạ cầu Kim Sơn)    | Thống Nhất                    | 6,150                  | 6,400                 |         |
|     |                            | Nguyễn Thị Minh Khai        | Đường vào Tịnh xá Ngọc Liên   | 7,050                  | 7,500                 |         |
|     |                            | Đường vào Tịnh xá Ngọc Liên | Miếu Thần Hoàng               | 4,400                  | 4,600                 |         |
|     |                            | Miếu Thần Hoàng             | Trụ sở Bộ đội BP tỉnh         | 3,500                  | 3,800                 |         |
|     |                            | Trụ sở Bộ đội BP tỉnh       | Đường vào Tiểu đoàn 1         | 3,150                  | 3,400                 |         |
| 23  | Bạch Đằng (Cao Văn Lầu cũ) | Kênh Trường Sơn             | Đường Hoàng Sa (đê Biển Đông) | 3,500                  | 3,600                 |         |
| 24  | Nguyễn Thị Minh Khai       |                             |                               |                        |                       |         |
|     | Khu vực Phường 2, Phường 5 | Kênh 30/4                   | Phùng Ngọc Liêm               | 5,300                  | 5,700                 |         |
|     |                            | Phùng Ngọc Liêm             | Nguyễn Du                     | 7,050                  | 7,200                 |         |
|     |                            | Nguyễn Du                   | Lý Văn Lâm                    | 5,300                  | 5,600                 |         |

| STT | Tên đường                                                                | Đoạn đường                                    |                                               | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                                          | Điểm đầu                                      | Điểm cuối                                     |                        |                       |         |
| 25  | Đường Cầu Kè P2                                                          | Kênh 30/4                                     | Trường TH Phường 2A<br>(cuối đường Ngô Quyền) | 1,750                  | 2,000                 |         |
|     |                                                                          | Trường TH Phường 2A<br>(cuối đường Ngô Quyền) | Đường kênh số 04                              | 850                    | 950                   |         |
| 26  | Nguyễn Thị Minh Khai<br>(đường liên Tỉnh lộ 38<br>cũ) (khu vực Phường 5) | Cầu thứ 3                                     | Đường Lò Rèn                                  | 2,650                  | 2,800                 |         |
|     |                                                                          | Đường Lò Rèn                                  | Tôn Đức Thắng                                 | 2,100                  | 2,300                 |         |
|     |                                                                          | Tôn Đức Thắng                                 | Cầu rạch Cần Thẳng<br>(Nam Sông Hậu)          | 1,750                  | 1,900                 |         |
| 27  | Khu vực xã Vĩnh Trạch                                                    | Cầu Rạch Cần Thẳng                            | Đầu đường đi Xiêm Cán                         | 1,300                  | 1,450                 |         |
|     |                                                                          | Đầu đường đi Xiêm Cán                         | Giáp ranh Vĩnh Châu, Sóc<br>Trăng             | 1,050                  | 1,200                 |         |
| 28  | Đổng Đa                                                                  | Kênh 30/4                                     | Lý Văn Lâm                                    | 6,150                  | 6,400                 |         |
| 29  | Nguyễn Du                                                                | Nguyễn Thị Minh Khai                          | Đổng Đa                                       | 6,150                  | 6,400                 |         |
| 30  | Thống Nhất                                                               | Nguyễn Thị Cẩm                                | Lý Văn Lâm                                    | 7,050                  | 7,300                 |         |
| 31  | Hồ Thị Kỷ                                                                | Nguyễn Thị Minh Khai                          | Đổng Đa                                       | 6,150                  | 6,400                 |         |
| 32  | Phạm Ngũ Lão                                                             | Nguyễn Thị Minh Khai                          | Đổng Đa                                       | 5,300                  | 5,500                 |         |

| STT | Tên đường                  | Đoạn đường                            |                                                | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                            | Điểm đầu                              | Điểm cuối                                      |                        |                       |         |
| 33  | Lý Văn Lâm                 | Nguyễn Thị Minh Khai                  | Đồng Đa                                        | 5,300                  | 5,500                 |         |
| 34  | Lê Thị Hồng Gấm            | Rạch Ông Bồn                          | Ngã ba đi chùa Cô Bảy                          | 1,600                  | 1,800                 |         |
| 35  | Lê Thị Hồng Gấm nối dài    | Ngã ba đi chùa Cô Bảy                 | Cuối đường                                     | 1,050                  | 1,200                 |         |
| 36  | Đường hai bên rạch Ông Bồn | cầu số 3 (đường Nguyễn Thị Minh Khai) | Cổng rạch Ông Bồn                              | 1,400                  | 1,550                 |         |
|     |                            | Cổng rạch Ông Bồn                     | đến hết tuyến                                  | 1,000                  | 1,200                 |         |
| 37  | Phan Văn Trị               | Cao Văn Lầu                           | Lê Thị Cẩm Lệ                                  | 7,900                  | 8,200                 |         |
| 38  | Tô Hiến Thành              | Nguyễn Thị Minh Khai                  | Đường Thống Nhất (tên gọi cũ là đường Đồng Đa) | 4,400                  | 4,600                 |         |
| 39  | Nguyễn Trung Trực          | Nguyễn Thị Minh Khai                  | Đường Thống Nhất (tên gọi cũ là đường Đồng Đa) | 4,400                  | 4,600                 |         |
| 40  | Phùng Ngọc Liêm            | Nguyễn Thị Minh Khai                  | Đồng Đa                                        | 6,150                  | 6,300                 |         |
| 41  | Nguyễn Văn Trỗi            | Nguyễn Thị Minh Khai                  | Phan Văn Trị                                   | 6,150                  | 6,300                 |         |
|     |                            | Phan Văn Trị                          | Thống Nhất                                     | 3,500                  | 3,800                 |         |

| STT | Tên đường                                             | Đoạn đường                             |                              | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                       | Điểm đầu                               | Điểm cuối                    |                        |                       |         |
| 42  | Nguyễn Thị Cẩm<br>(đường số 1 cũ (khu Tu<br>Muối cũ)) | Nguyễn Thị Minh Khai                   | Đổng Đa                      | 4,400                  | 4,600                 |         |
| 43  | Nguyễn Văn A                                          | Nguyễn Thị Minh Khai                   | Đổng Đa                      | 4,400                  | 4,600                 |         |
| 44  | Lê Thị Cẩm Lệ                                         | Nguyễn Thị Minh Khai                   | Đổng Đa                      | 4,400                  | 4,600                 |         |
| 45  | Trường Sa (đê biển<br>Đông cũ)                        | Cầu Út Đen (cầu Nhà<br>Mát)            | Hết ranh Trường Bản          | 2,100                  | 2,300                 |         |
|     |                                                       | Hết ranh Trường Bản                    | Giáp ranh huyện Hòa<br>Bình  | 880                    | 950                   |         |
| 46  | Hoàng Sa (đê biển<br>Đông cũ)                         | Cầu Út Đen (cầu Nhà<br>Mát)            | Bạch Đằng                    | 2,100                  | 2,200                 |         |
|     |                                                       | Bạch Đằng                              | Giáp ranh xã Hiệp Thành      | 1,750                  | 1,900                 |         |
|     |                                                       | Ranh xã Hiệp Thành                     | Ranh Sóc Trăng               | 1,000                  | 1,200                 |         |
| 47  | Lộ Chòm Xoài                                          | Giáp ranh Hòa Bình (NT<br>Đông Hải cũ) | Cống số 2                    | 1,400                  | 1,550                 |         |
|     |                                                       | Cống số 2                              | Kênh 30/4                    | 1,750                  | 1,900                 |         |
| 48  | Đường Giồng Nhãn                                      | Kênh 30/4                              | Miếu Cá Ông (Chùa Cá<br>Ông) | 3,500                  | 3,700                 |         |



| STT | Tên đường                             | Đoạn đường                                   |                                 | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                       | Điểm đầu                                     | Điểm cuối                       |                        |                       |         |
|     |                                       | Miếu Cá Ông (chùa cá Ông)                    | Trại điều dưỡng Tỉnh ủy         | 2,000                  | 2,300                 |         |
|     |                                       | Trại Điều dưỡng Tỉnh ủy                      | Ranh xã Hiệp Thành              | 1,500                  | 1,650                 |         |
|     |                                       | Ranh xã Hiệp Thành                           | Qua ngã tư TT xã 200m           | 1,300                  | 1,450                 |         |
|     |                                       | Qua ngã tư TT xã 200m                        | Ranh Vĩnh Châu, Sóc Trăng       | 1,100                  | 1,300                 |         |
| 49  | Bờ bao kênh xáng (Phía Đông)          | Cầu Xáng (đường Cách Mạng)                   | Vào cống thủy lợi               | 2,100                  | 2,300                 |         |
| 50  | Đường Ngô Quyền (bờ Tây kênh 30/4 cũ) | Đường Đặng Văn Tiểu (đường Kinh tế mới - P2) | Kênh Bộ Đội                     | 1,500                  | 1,700                 |         |
|     |                                       | Kênh Bộ Đội                                  | Đường Cầu Kè                    | 1,400                  | 1,550                 |         |
|     |                                       | Đường Đặng Văn Tiểu (đường Kinh tế mới - P2) | Kênh Trường Sơn (cầu Thành đội) | 1,200                  | 1,350                 |         |
| 51  | Đường nội bộ số 01                    | Đường Bạch Đằng                              | Kênh 30/4                       | 1,400                  | 1,550                 |         |
| 52  | Đường kênh xáng (bờ sông BL - CM)     | Kênh Giồng Me                                | Cầu treo Trà Kha                | 1,400                  | 1,550                 |         |
|     |                                       | Cầu treo Trà Kha                             | Giáp ranh Vĩnh Lợi              | 1,050                  | 1,200                 |         |
| 53  | Hẻm bờ sông Bạc Liêu                  | Đoàn Thị Điểm (Phường                        | Hẻm chùa Tịnh Độ                | 1,200                  | 1,350                 |         |

| STT | Tên đường                                       | Đoạn đường                            |                         | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                 | Điểm đầu                              | Điểm cuối               |                        |                       |         |
|     | - Cà Mau                                        | 3)                                    |                         |                        |                       |         |
| 54  | Đường Cầu Sập - Ngan Dừa                        | Cầu Sập (Phường 8)                    | Cổng Cầu Sập (Phường 8) | 1,200                  | 1,350                 |         |
| 55  | Đường Trà Văn                                   | Đầu lộ ngã 5 vòng xoay                | 30m đầu                 | 4,400                  | 4,600                 |         |
|     |                                                 |                                       | 60m tiếp theo           | 2,650                  | 2,900                 |         |
|     |                                                 |                                       | 300m tiếp theo          | 1,750                  | 1,900                 |         |
|     |                                                 |                                       | Đoạn còn lại            | 1,200                  | 1,350                 |         |
| 56  | Đường Lò Rèn                                    | Đập Lớn                               | Nguyễn Thị Minh Khai    | 1,600                  | 1,600                 |         |
| 57  | Đường Đặng Văn Tiểu<br>(đường Kinh tế mới - P2) | Đường Ngô Quyền (bờ Tây kênh 30/4 cũ) | Giáp ranh Hòa Bình      | 880                    | 950                   |         |
| 58  | Đường Trà Kha B<br>(Phường 8)                   | Cầu treo Trà Kha                      | Miếu Ông Bồn            | 1,400                  | 1,550                 |         |
|     |                                                 | Miếu Ông Bồn                          | Chùa Khánh Long An      | 1,050                  | 1,200                 |         |
| 59  | Đường ra chùa Xiêm Cán                          | đường Nguyễn Thị Minh Khai            | Chùa Xiêm Cán           | 1,050                  | 1,200                 |         |
| 60  | Đường VT2                                       | Cầu Vĩnh An                           | Cầu Ông Ghịch           | 880                    | 950                   |         |
|     |                                                 | Cầu Ông Ghịch                         | Giáp ranh VTĐ           | 700                    | 800                   |         |

| STT | Tên đường                                                   | Đoạn đường                                       |                                                         | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                             | Điểm đầu                                         | Điểm cuối                                               |                        |                       |         |
|     |                                                             | Giáp ranh VTĐ                                    | Cách đường Giồng Nhãn<br>200m                           | 700                    | 800                   |         |
|     |                                                             | Cách đường Giồng Nhãn<br>200m                    | Đường Giồng Nhãn                                        | 1,050                  | 1,200                 |         |
| 61  | Đường VT2 (đoạn<br>đường Nguyễn Thị<br>Minh Khai)           | Cầu Vĩnh An (đường<br>Nguyễn Thị Minh Khai )     | Sông Bạc Liêu                                           | 880                    | 950                   |         |
| 62  | Đường VTĐ2                                                  | Kênh rạch Càn Thẳng<br>(giáp ranh xã Hiệp Thành) | Đường đi từ Nguyễn Thị<br>Minh Khai đi chùa Xiêm<br>Cán | 700                    | 800                   |         |
| 63  | Đường nhánh song<br>song kênh Rạch Thẳng<br>(Phường 5)      | Cầu Rạch Thẳng                                   | Kênh Ông Nô                                             | 1,400                  | 1,550                 |         |
|     |                                                             | Kênh Ông Nô                                      | Giáp ranh xã Hiệp Thành                                 | 1,050                  | 1,200                 |         |
|     |                                                             | Cầu Rạch Thẳng                                   | Sông Bạc Liêu                                           | 700                    | 800                   |         |
| 64  | Đường nhánh song<br>song kênh Rạch Thẳng<br>(xã Vĩnh Trạch) | Cầu Rạch Thẳng                                   | Giáp ranh xã Vĩnh Trạch<br>Đông                         | 900                    | 1,000                 |         |
|     |                                                             | Cầu Rạch Thẳng                                   | Sông Bạc Liêu                                           | 700                    | 800                   |         |

| STT | Tên đường                              | Đoạn đường                                            |                                   | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                        | Điểm đầu                                              | Điểm cuối                         |                        |                       |         |
| 65  | Đường dẫn lên cầu Vĩnh An              | đường Nguyễn Thị Minh Khai                            | Kênh Vĩnh An                      | 900                    | 1,000                 |         |
| 66  | Đường Công Điền - Bờ Xáng              | đường Nguyễn Thị Minh Khai                            | Cầu kênh bờ ven sông Bạc Liêu     | 900                    | 1,000                 |         |
|     |                                        | Cầu kênh bờ ven sông Bạc Liêu                         | Cổng Bờ Xáng                      | 580                    | 650                   |         |
| 67  | Hẻm chùa Tam Sơn                       | Cầu Rạch Càn Thăng                                    | Sông Bạc Liêu                     | 1,400                  | 1,550                 |         |
| 68  | Đường Trà Uôl                          | Đường vào Trạm Vật lý Địa cầu (đường số 11 DA bến xe) | Ranh Phường 8                     | 880                    | 950                   |         |
|     |                                        | Đầu đường Trà Uôl                                     | Giáp ranh thị trấn Châu Hưng - VL | 700                    | 770                   |         |
| 69  | Các đoạn hẻm bờ sông Bạc Liêu - Cà Mau | Trần Huỳnh (giáp Phường 3)                            | Cầu treo Trà Kha                  | 1,400                  | 1,550                 |         |
|     |                                        | Cầu treo Trà Kha                                      | Cầu Dàn Xây                       | 1,200                  | 1,350                 |         |
| 70  | Chùa Khomer                            | Cầu chùa Khomer                                       | Giáp ranh Phường 7                | 1,400                  | 1,500                 |         |
| 71  | Đường Tân Tạo                          |                                                       |                                   |                        |                       |         |
| 72  | Phía Bắc đường tránh                   | Cách đường tránh thành                                | Giáp ranh huyện Vĩnh Lợi          | 1,050                  | 1,200                 |         |

| STT | Tên đường                            | Đoạn đường                                    |                                | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                      | Điểm đầu                                      | Điểm cuối                      |                        |                       |         |
|     | thành phố                            | phố 30m                                       |                                |                        |                       |         |
| 73  | Đường Dân Xây (Trà Kha B)            | Vàm Dân Xây                                   | Giáp ranh Phường 2             | 880                    | 950                   |         |
| 74  | Tuyến lộ Nhà Kho                     | Đường Cao Văn Lầu                             | Đường đê Lò Rèn                | 1,000                  | 1,150                 |         |
|     |                                      | Đường đê Lò Rèn                               | Giáp ranh xã Vĩnh Trạch Đông   | 700                    | 770                   |         |
| 75  | Tuyến lộ Du lịch sinh thái           | Đường Giồng Nhãn                              | Đường VT2                      | 700                    | 770                   |         |
| 76  | Đường cầu Thảo Lạng ra sông Bạc Liêu | Từ cầu Thảo Lạng (đường Nguyễn Thị Minh Khai) | Đến sông Bạc Liêu              | 580                    | 650                   |         |
| 77  | Đường đi Xóm Làng An Trạch Đông      | đường Nguyễn Thị Minh Khai                    | Đến cầu Xóm Làng An Trạch Đông | 580                    | 650                   |         |
| 78  | Đường đi ấp Thảo Lạng và Bờ Xáng     | đường Nguyễn Thị Minh Khai                    | Trường Tiểu học Vĩnh Trạch     | 790                    | 850                   |         |
|     |                                      | Trường Tiểu học Vĩnh Trạch                    | Sông Bạc Liêu                  | 620                    | 700                   |         |
| 79  | Đường đi chùa Kim Cầu                | Đường Nguyễn Thị Minh Khai                    | Chùa Kim Cầu                   | 880                    | 950                   |         |

| STT | Tên đường                                    | Đoạn đường           |                                           | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                              | Điểm đầu             | Điểm cuối                                 |                        |                       |         |
| 80  | Đường đi ấp Công<br>Điền và An Trạch<br>Đông | Từ cầu Tư Cái        | Đến lộ An Trạch Đông (lộ<br>Xóm Làng)     | 580                    | 650                   |         |
| 81  | Lộ Giồng Nhãn (giáp<br>ranh Sóc Trăng)       | Đường Giồng Nhãn     | Hoàng Sa (đê Biển Đông)                   | 880                    | 950                   |         |
| 82  | Đường Giồng Me                               | Kênh 30/4            | Vào 500m                                  | 1,200                  | 1,300                 |         |
|     |                                              | Đoạn còn lại         | Giáp ranh xã Vĩnh Hậu A<br>huyện Hòa Bình | 700                    | 770                   |         |
| 83  | Đường Võ Thị Chính<br>(đường Bà Chủ Cũ)      | Nguyễn Thị Minh Khai | Đường vào Tịnh xá Ngọc<br>Liên            | 1,400                  | 1,500                 |         |
| 84  | Lộ Trà Khứa                                  | Cầu Đúc              | Giáp ranh huyện Vĩnh Lợi                  | 1,200                  | 1,300                 |         |
| 85  | Đường kênh số 4                              | Đường Giồng Me       | Đường Đặng Văn Tiểu<br>(Sáu Huân)         | 700                    | 770                   |         |
| 86  | Đường Tập Đoàn 1<br>(tạm gọi )               | Kênh số 4            | Lộ Bờ Tây                                 | 700                    | 770                   |         |
| 87  | Đường Bộ Đội (tạm<br>gọi)                    | Kênh số 4            | Lộ Bờ Tây                                 | 700                    | 770                   |         |
| 88  | Đường Hứa Hòa Hưng                           | Đường Cao Văn Lầu    | Khu du lịch sinh thái                     | 1,600                  | 1,700                 |         |

| STT | Tên đường                                     | Đoạn đường            |                         | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                               | Điểm đầu              | Điểm cuối               |                        |                       |         |
|     | (Ba Hưng) (đường vào sân chim cũ)             |                       | Vườn Chim               |                        |                       |         |
| 89  | Đường Tạ Thị Hai                              | Lộ Giồng Nhãn         | Hoàng Sa (đê biển Đông) | 1,200                  | 1,300                 |         |
| 90  | Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (phía Bắc kênh Hở cũ) | Kênh 30/4             | Cao Văn Lầu             | 2,650                  | 2,800                 |         |
| 91  | Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (phía Nam kênh Hở cũ) | Đường Ninh Bình       | Cao Văn Lầu             | 2,650                  | 2,800                 |         |
| 92  | Đường dọc theo kênh Hở (P5) hướng Bắc kênh    | Cao Văn Lầu           | Hết đường nhựa          | 2,100                  | 2,200                 |         |
| 93  | Đường Xóm Lá (tạm gọi)                        | Giáp ranh Phường 8    | Đường Giồng Me          | 700                    | 770                   |         |
| 94  | Đường cầu Tràng An (nối dài) Phường 2         | Đường Ngô Quyền       | Kênh 30/4               | 1,050                  | 1,200                 |         |
| 95  | Đường kênh xương cá, Phường 2                 | Đường Giồng Me        | Đường Xóm Lá            | 700                    | 770                   |         |
| 96  | Đường dẫn 2 bên cầu                           | Đường Lê Thị Hồng Gấm | Đường Tôn Đức Thắng     | 1,050                  | 1,200                 |         |

| STT | Tên đường                                         | Đoạn đường                    |                       | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                   | Điểm đầu                      | Điểm cuối             |                        |                       |         |
|     | Tôn Đức Thắng,<br>Phường 5                        |                               |                       |                        |                       |         |
| 97  | Đường dẫn 2 bên cầu<br>Tôn Đức Thắng,<br>Phường 1 | Đường Cách Mạng               | Sông Bạc Liêu         | 1,800                  | 1,900                 |         |
| 98  | Đường mòn nhựa<br>(Phường 1)                      | Bắt đầu từ đường 3/2          | Đến cuối đường        |                        | 2,300                 | Bổ sung |
| 99  | Đường Khu trung tâm<br>Thương mại (Phường<br>2)   | Hết tuyến                     |                       |                        | 4,500                 | Bổ sung |
| 100 | Đường kênh Ông Bồn -<br>Cao Văn Lầu (Phường<br>5) | Bắt đầu từ kênh Ông Bồn       | Đến Đường Cao Văn Lầu |                        | 2,000                 | Bổ sung |
| 101 | Đường Kênh 1                                      | Bắt đầu từ đường Ngô<br>Quyền | Đến kênh Nam Định     |                        | 750                   | Bổ sung |
| 102 | Đường Kênh 2                                      | Bắt đầu từ đường Ngô<br>Quyền | Đến kênh Nam Định     |                        | 750                   | Bổ sung |
| 103 | Đường Kênh Tập Đoàn<br>7                          | Bắt đầu từ đường Ngô<br>Quyền | Đến nhà ông Sơn Hà    |                        | 750                   | Bổ sung |



| STT | Tên đường               | Đoạn đường                                |                                            | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                         | Điểm đầu                                  | Điểm cuối                                  |                        |                       |         |
| 104 | Đường Bùi Thị Xưa       | Bắt đầu từ đường Nguyễn Văn A             | Đến đường Nguyễn Thị Cẩm Lệ                |                        | 4,000                 | Bổ sung |
| 105 | Đường Ngô Quyền nối dài | Bắt đầu từ cầu Thành đội (cầu Trường Sơn) | Đến đường Trường Sa (khóm Bờ Tây, Nhà Mát) |                        | 750                   | Bổ sung |

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

B. BẢNG GIÁ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở CÁC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ THÀNH PHỐ BẠC LIÊU - TỈNH BẠC LIÊU

| STT | Tên đường trong dự án                                                        | Chỉ giới<br>xây dựng (m) | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
| I   | DỰ ÁN BẮC TRẦN HUỖNH                                                         |                          |                        |                       |         |
| 1   | Đường Nguyễn Công Tộc (trước chợ Phường 1, đoạn: Trần Huỳnh - Châu Văn Đặng) | 26.5                     | 7,940                  | 8,800                 |         |
| 2   | Đường Nguyễn Thái Học (đoạn: Trần Huỳnh                                      | 26.5                     | 6,700                  | 7,400                 |         |

| STT | Tên đường trong dự án                                       | Chỉ giới xây dựng (m) | Giá đất 2020 - 2024 | Giá đất điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|---------|
|     | đến Khu Đô thị mới)                                         |                       |                     |                    |         |
| 3   | Đường Châu Văn Đặng (đoạn: Lê Duẩn - hết ranh chợ)          | 19.0                  | 5,300               | 5,900              |         |
| 4   | Đường Châu Văn Đặng (đoạn: Hết ranh chợ - Nguyễn Thái Học)  | 19.0                  | 4,400               | 4,800              |         |
| 5   | Đường Châu Văn Đặng (đoạn: Nguyễn Thái Học - Tôn Đức Thắng) | 19.0                  | 4,400               | 4,800              |         |
| 6   | Đường Nguyễn Chí Thanh                                      | 17.0                  | 3,170               | 4,400              |         |
| 7   | Đường Trần Văn Tấn                                          | 17.0                  | 3,170               | 4,400              |         |
| 8   | Đường Nguyễn Thị Mười                                       | 17.0                  | 3,170               | 4,400              |         |
| 9   | Đường Dương Thị Sáu                                         | 17.0                  | 3,170               | 4,400              |         |
| 10  | Đường Lê Thị Hương                                          | 17.0                  | 3,170               | 4,400              |         |
| 11  | Đường số 5, số 13                                           | 15.0                  | 2,650               | 4,000              |         |
| 12  | Đường Nguyễn Thị Minh (đường số 1-N2 cũ)                    | 14.0                  | 2,650               | 4,400              |         |
| 13  | Đường Trương Thu Hà (đường số 2-N2 cũ)                      | 15.0                  | 2,650               | 4,000              |         |

| STT | Tên đường trong dự án                                 | Chỉ giới xây dựng (m) | Giá đất 2020 - 2024 | Giá đất điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|---------|
| 14  | Đường Trương Văn An                                   | 10.0                  | 2,700               | 3,800              |         |
| 15  | Đường Trần Hồng Dân                                   | 13.0                  | 2,700               | 3,900              |         |
| 16  | Đường Nguyễn Văn Uông (Trần Huỳnh - Châu Văn Đặng)    | 15.0                  | 2,900               | 4,000              |         |
| 17  | Đường Nguyễn Văn Uông (Châu Văn Đặng - Tôn Đức Thắng) |                       | 2,700               | 3,800              |         |
| 18  | Đường Ninh Thạnh Lợi (Trần Huỳnh - Châu Văn Đặng)     | 10.0                  | 2,900               | 3,500              |         |
| 19  | Đường Ninh Thạnh Lợi (Châu Văn Đặng - Tôn Đức Thắng)  |                       | 2,700               | 3,200              |         |
| 20  | Đường Phạm Thị Lan (đường số 14 cũ)                   | 10.0                  | 2,470               | 3,800              |         |
| 21  | Đường Huỳnh Văn Xã                                    | 10.0                  | 2,470               | 3,800              |         |
| 22  | Đường số 17                                           | 10.0                  | 2,470               | 3,800              |         |
| 23  | Đường Trần Văn Ôn (đường số 11 cũ)                    | 15.0                  | 2,650               | 4,000              |         |
| II  | <b>DỰ ÁN KHU NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN</b>                    |                       |                     |                    |         |
| 1   | Đường Nguyễn Công Tộc (Châu Văn Đặng - Tôn Đức Thắng) | 26.5                  | 5,300               | 6,400              |         |

| STT        | Tên đường trong dự án                                    | Chỉ giới xây dựng (m) | Giá đất 2020 - 2024 | Giá đất điều chỉnh | Ghi chú |
|------------|----------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|---------|
| 2          | Đường Nguyễn Công Tộc (Tôn Đức Thắng - Nguyễn Chí Thanh) | 11.0                  | 2,470               | 3,800              |         |
| 3          | Đường Châu Văn Đặng (Lê Duẩn - Trương Văn An)            | 19.0                  | 5,300               | 6,200              |         |
| 4          | Đường Nguyễn Văn Uông (nối dài) (số 4 cũ)                | 15.0                  | 2,650               | 4,000              |         |
| 5          | Đường Hồ Minh Luông (nối dài) (số 2 cũ)                  | 13.0                  | 2,470               | 3,900              |         |
| 6          | Đường Trương Văn An (nối dài) (số 3 cũ)                  | 13.0                  | 2,470               | 3,900              |         |
| 7          | Đường Nguyễn Chí Thanh (nối dài) (số 5 cũ)               | 17.0                  | 2,470               | 4,400              |         |
| 8          | Đường Đinh Thị Tùng (số 7 cũ)                            | 13.0                  | 2,470               | 3,900              |         |
| 9          | Đường Phan Thị Phép (số 9 cũ)                            | 10.0                  | 2,470               | 3,800              |         |
| 10         | Đường Lê Thị Thành (số 10 cũ)                            | 10.0                  | 2,470               | 3,800              |         |
| 11         | Đường Lư Hòa Nghĩa (số 08 cũ)                            | 10.0                  | 2,470               | 3,800              |         |
| <b>III</b> | <b>DỰ ÁN BÊN XE - BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG</b>                  |                       |                     |                    |         |
| 1          | Đường Nguyễn Thông                                       | 28.0                  | 5,300               | 5,800              |         |
| 2          | Đường Lê Thị Riêng (số 8 cũ)                             | 28.0                  | 5,300               | 5,800              |         |
| 3          | Đường Nguyễn Trường Tộ                                   | 21.0                  | 4,400               | 4,900              |         |

| STT       | Tên đường trong dự án                  | Chỉ giới xây dựng (m) | Giá đất 2020 - 2024 | Giá đất điều chỉnh | Ghi chú |
|-----------|----------------------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|---------|
| 4         | Đường Mậu Thân (số 7 cũ)               | 21.0                  | 4,400               | 4,900              |         |
| 5         | Đường Ung Văn Khiêm (số 12 cũ)         | 21.0                  | 4,400               | 4,900              |         |
| 6         | Đường Nguyễn Hồng Khanh                | 17.0                  | 3,170               | 3,600              |         |
| 7         | Đường Nguyễn Hữu Nghĩa                 | 17.0                  | 3,170               | 3,600              |         |
| 8         | Đường Lê Đại Hành nối dài              | 11.0                  | 2,300               | 2,900              |         |
| 9         | Đường Nguyễn Văn Kinh (số 3 cũ)        | 11.0                  | 2,300               | 2,900              |         |
| 10        | Đường Bế Văn Đàn                       | 11.0                  | 2,300               | 2,900              |         |
| 11        | Đường Kim Đồng                         | 11.0                  | 2,300               | 2,900              |         |
| 12        | Đường Trần Bình Khuôl (số 11 cũ)       | 11.0                  | 2,300               | 2,900              |         |
| <b>IV</b> | <b>DỰ ÁN KHU CƠ ĐIỆN CŨ (PHƯỜNG 1)</b> |                       |                     |                    |         |
| 1         | Đường Nguyễn Chí Thanh                 | 17.0                  | 4,400               | 5,200              |         |
| 2         | Đường Lê Thiết Hùng                    | 17.0                  | 3,500               | 4,500              |         |
| 3         | Đường Nguyễn Thị Thủ                   | 15.0                  | 3,000               | 4,000              |         |
| 4         | Đường Tô Minh Luyến                    | 15.0                  | 3,000               | 4,000              |         |
| 5         | Đường Trần Văn Hộ                      | 15.0                  | 3,000               | 4,000              |         |
| 6         | Đường Hòa Bình nối dài                 | 15.0                  | 3,000               | 4,000              |         |

| STT       | Tên đường trong dự án                                                                           | Chỉ giới xây dựng (m) | Giá đất 2020 - 2024 | Giá đất điều chỉnh | Ghi chú |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|---------|
| <b>V</b>  | <b>DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHÍA NAM KHU HÀNH CHÍNH</b>                                            |                       |                     |                    |         |
| 1         | Đường Ngô Quang Nhã (đường sau trụ sở UBND tỉnh)                                                | 17.0                  | 7,000               | 8,000              |         |
| 2         | Đường Huỳnh Quảng                                                                               | 15.0                  | 5,000               | 6,000              |         |
| 3         | Đường Quách Thị Kiều                                                                            | 10.0                  | 4,000               | 5,000              |         |
| 4         | Đường Lương Định Của                                                                            | 10.0                  | 4,000               | 5,000              |         |
| 5         | Đường Trần Thị Khéo                                                                             | 10.0                  | 4,000               | 5,000              |         |
| 6         | Đường Lâm Thành Mậu                                                                             | 15.0                  | 4,000               | 5,000              |         |
| 7         | Đường Ngô Thời Nhiệm                                                                            | 15.0                  | 4,000               | 5,000              |         |
| 8         | Đường Nguyễn Bình Khiêm                                                                         | 15.0                  | 4,000               | 5,000              |         |
| 9         | Đường Trần Văn Sớm                                                                              | 15.0                  | 4,000               | 5,000              |         |
| 10        | Đường Hùng Vương (02 tuyến bên Quảng trường Hùng Vương, đoạn từ Trần Huỳnh đến Nguyễn Tất Thành | 15.0                  | 4,000               | 5,000              |         |
| 11        | Đường Cù Chính Lan                                                                              | 10.0                  | 4,000               | 5,000              |         |
| 12        | Các tuyến đường nội bộ còn lại trong dự án                                                      | 10.0                  | 4,000               | 5,000              |         |
| <b>VI</b> | <b>DỰ ÁN KHU LÊ VĂN TÁM (PHƯỜNG 1)</b>                                                          |                       |                     |                    |         |

| STT        | Tên đường trong dự án                | Chỉ giới xây dựng (m) | Giá đất 2020 - 2024 | Giá đất điều chỉnh | Ghi chú |
|------------|--------------------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|---------|
| 1          | Các tuyến đường nội bộ trong dự án   |                       | 6,700               | 7,300              |         |
| <b>VII</b> | <b>DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ MỚI PHƯỜNG 1</b> |                       |                     |                    |         |
| 1          | Đường Nguyễn Văn Linh                | 42.0                  | 7,900               | 9,000              |         |
| 2          | Đường 3 tháng 2                      | 35.0                  | 6,700               | 7,600              |         |
| 3          | Đường Nguyễn Thái Học (nội dài)      | 26.5                  | 5,300               | 6,200              |         |
| 4          | Đường 19-5                           | 26.5                  | 5,300               | 6,200              |         |
| 5          | Đường Bùi Thị Xuân                   | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 6          | Đường Trần Quang Diệu                | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 7          | Đường Cao Triều Phát                 | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 8          | Đường Nguyễn Thị Định                | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 9          | Đường Phan Đình Giót                 | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 10         | Đường Lê Khắc Xương                  | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 11         | Đường Lê Trọng Tấn                   | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 12         | Đường Lâm Văn Thê                    | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 13         | Đường Thích Hiên Giác                | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 14         | Đường Phan Ngọc Sến                  | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |

| STT         | Tên đường trong dự án            | Chỉ giới xây dựng (m) | Giá đất 2020 - 2024 | Giá đất điều chỉnh | Ghi chú |
|-------------|----------------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|---------|
| 15          | Đường Nguyễn Việt Hồng           | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 16          | Đường Nguyễn Thái Bình           | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 17          | Đường Phạm Hồng Thám             | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 18          | Đường Văn Tiến Dũng              | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 19          | Đường Trần Văn Ôn                | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 20          | Đường Trần Đại Nghĩa             | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 21          | Đường Phạm Ngọc Thạch            | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 22          | Đường Tăng Hồng Phúc             | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 23          | Đường Hoàng Cầm                  | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| 24          | Các tuyến đường còn lại lộ giới  | 15.0                  | 4,000               | 4,800              |         |
| <b>VIII</b> | <b>DỰ ÁN KHU DÂN CƯ PHƯỜNG 5</b> |                       |                     |                    |         |
| 1           | Đường Hàm Nghi                   | 34.0                  | 5,300               | 6,000              |         |
| 2           | Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa          | 30.0                  | 4,400               | 5,000              |         |
| 3           | Đường Đồng Khởi                  | 26.5                  | 4,600               | 5,300              |         |
| 4           | Đường Bùi Thị Trường             | 22.5                  | 4,400               | 5,000              |         |
| 5           | Đường Lê Quý Đôn                 | 22.5                  | 4,400               | 5,000              |         |



| STT | Tên đường trong dự án               | Chỉ giới<br>xây dựng (m) | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
| 6   | Đường Lê Đại Hành                   | 22.5                     | 4,400                  | 5,000                 |         |
| 7   | Đường Nguyễn Trung Trực             | 19.0                     | 3,500                  | 4,200                 |         |
| 8   | Đường Tôn Thất Tùng                 | 17.0                     | 3,170                  | 3,600                 |         |
| 9   | Đường Trần Văn Trà                  | 17.0                     | 3,170                  | 3,600                 |         |
| 10  | Đường Duy Tân                       | 15.0                     | 2,800                  | 3,300                 |         |
| 11  | Đường Nguyễn Viết Xuân              | 15.0                     | 2,800                  | 3,300                 |         |
| 12  | Đường Nhạc Khi                      | 15.0                     | 2,800                  | 3,300                 |         |
| 13  | Đường 6A                            | 15.0                     | 2,800                  | 3,300                 |         |
| 14  | Đường Phạm Văn Kiết                 | 15.0                     | 2,800                  | 3,300                 |         |
| 15  | Đường Nguyễn Thị Thơm               | 15.0                     | 2,800                  | 3,300                 |         |
| 16  | Đường Lê Thị Sáu                    | 15.0                     | 2,800                  | 3,300                 |         |
| 17  | Đường Nguyễn Bình (đường số 11B cũ) | 15.0                     | 2,800                  | 3,300                 |         |
| 18  | Đường Hồ Minh Luông                 | 15.0                     | 2,800                  | 3,300                 |         |
| 19  | Đường Bông Văn Dĩa                  | 15.0                     | 2,800                  | 3,300                 |         |
| 20  | Đường Phó Đức Chính                 | 15.0                     | 2,800                  | 3,300                 |         |
| 21  | Đường Mười Chức (Nọc Nạng cũ)       | 15.0                     | 2,800                  | 3,300                 |         |

| STT       | Tên đường trong dự án                                     | Chỉ giới xây dựng (m) | Giá đất 2020 - 2024 | Giá đất điều chỉnh | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|---------|
| 22        | Đường Nguyễn Tri Phương                                   | 15.0                  | 2,800               | 3,300              |         |
| 23        | Đường Lê Thị Thê                                          | 15.0                  | 2,800               | 3,300              |         |
| <b>IX</b> | <b>DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ ĐÀI PHÁT THANH CŨ (PHƯỜNG 7)</b> |                       |                     |                    |         |
| 1         | Đường Lâm Thị Anh (số 13 cũ)                              | 10.0 - 17.0           | 7,050               | 7,600              |         |
| 2         | Đường Dương Văn Diệp (số 10 cũ)                           | 10.0 - 17.0           | 7,050               | 7,600              |         |
| 3         | Đường số 11                                               | 10.0                  | 6,150               | 6,800              |         |
| 4         | Đường số 4                                                | 7.0                   | 5,300               | 5,800              |         |
| <b>X</b>  | <b>DỰ ÁN KHU DU LỊCH NHÀ MÁT</b>                          |                       |                     |                    |         |
| 1         | Đường C và C1 (đường Bạch Đằng nối dài ra biển)           | 42.0                  | 3,500               | 4,500              |         |
| 2         | Đường số 2, số 4 (vuông góc đường Bạch Đằng)              | 17.0                  | 2,100               | 3,000              |         |
| 3         | Các đường nội bộ còn lại trong dự án                      | 15.0                  | 1,750               | 2,500              |         |
| <b>XI</b> | <b>DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ (02 HA) TẠI PHƯỜNG 8</b>         |                       |                     |                    |         |
| 1         | Đường số 5 và đường số 11, đường số 9                     | 11.5                  | 1,900               | 2,600              |         |
| 2         | Đường số 12, đường số 6                                   | 15.0                  | 2,100               | 3,200              |         |
| 3         | Đường số 1                                                | 17.0                  | 2,650               | 3,600              |         |

| STT        | Tên đường trong dự án                                                                            | Chỉ giới<br>xây dựng (m) | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
| <b>XII</b> | <b>DỰ ÁN KHU DÂN CƯ PHƯỜNG 2</b>                                                                 |                          |                        |                       |         |
| 1          | Đường Phan Văn Xoàn (số 6 cũ)                                                                    | 34.5                     | 6,750                  | 7,500                 |         |
| 2          | Đường Nguyễn Vĩnh Nghiệp (số 11 cũ)                                                              | 24.0                     | 5,300                  | 6,000                 |         |
| 3          | Đường Ninh Bình (Trung tâm Phường 2)                                                             | 24.0                     | 7,200                  | 8,000                 |         |
| 4          | Đường Nguyễn Thị Bùi (số 3 cũ)                                                                   | 15.0                     | 4,200                  | 5,000                 |         |
| 5          | Đường Nguyễn Bá Tội (số 13 cũ)                                                                   | 14.0                     | 3,800                  | 4,400                 |         |
| 6          | Đường Trần Văn Mẫn (số 3A cũ)                                                                    | 13.0                     | 3,200                  | 4,000                 |         |
| 7          | Đường Đoàn Thị Huê (số 3B cũ)                                                                    | 13.0                     | 3,200                  | 4,000                 |         |
| 8          | Đường Lê Văn Năm (số 1B cũ)                                                                      | 10.5                     | 2,800                  | 3,600                 |         |
| 9          | Đường Phạm Thị Út (số 1E cũ)                                                                     | 10.5                     | 2,800                  | 3,600                 |         |
| 10         | Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (đường đối diện<br>Kinh Hồ cũ, đoạn từ kênh 30/4 đến đường<br>Ninh Bình) | 14.0                     | 4,000                  | 4,800                 |         |
| 11         | Đường Lê Hồng Phong (số 8 + 14 cũ)                                                               | 24.0                     | 6,400                  | 7,300                 |         |
| 12         | Đường Trần Thanh Viêt (số 1D cũ)                                                                 | 13.0                     | 3,200                  | 4,000                 |         |
| 13         | Đường Nguyễn Lương Bằng (số 12 cũ)                                                               | 24.0                     | 6,400                  | 7,300                 |         |

| STT | Tên đường trong dự án               | Chỉ giới xây dựng (m) | Giá đất 2020 - 2024 | Giá đất điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|---------|
| 14  | Đường Trần Văn Bình (số 1A cũ)      | 13.0                  | 3,200               | 4,000              |         |
| 15  | Đường Trần Hồng Dân (số 1 cũ)       | 16.0                  | 4,900               | 5,700              |         |
| 16  | Đường Nguyễn Thị Nho (số 5 cũ)      | 16.0                  | 5,300               | 6,000              |         |
| 17  | Đường Trương Hán Siêu (số 4 cũ)     | 15.0                  | 4,900               | 5,600              |         |
| 18  | Đường Trần Văn Đại (số 8A cũ)       | 24.0                  | 6,400               | 7,300              |         |
| 19  | Đường Châu Thị Tám (số 2 cũ)        | 15.0                  | 4,900               | 5,600              |         |
| 20  | Đường Hoa Lư (số 7 cũ)              | 13.0                  | 3,200               | 4,000              |         |
| 21  | Đường Phan Thị Khá (số 6A cũ)       | 13.0                  | 3,200               | 4,000              |         |
| 22  | Đường Nguyễn Công Thượng (số 6B cũ) | 13.0                  | 3,200               | 4,000              |         |
| 23  | Đường Nguyễn Hồng Khanh (số 6C cũ)  | 13.0                  | 3,200               | 4,000              |         |
| 24  | Đường Tào Văn Tỵ (số 1C cũ)         | 10.5                  | 2,800               | 3,600              |         |
| 25  | Đường Tạ Thị Huê (số 11A cũ)        | 13.0                  | 3,200               | 4,000              |         |
| 26  | Đường Lê Thị Huỳnh (số 11B cũ)      | 13.0                  | 3,200               | 4,000              |         |
| 27  | Đường Lê Thị Mười (số 9 cũ)         | 13.0                  | 3,200               | 4,000              |         |
| 28  | Đường số 10                         | 16.0                  |                     | 6,000              | Bổ sung |
| 29  | Đường 9A                            | 16.0                  |                     | 6,000              | Bổ sung |

| STT         | Tên đường trong dự án                                                                                | Chỉ giới xây dựng (m) | Giá đất 2020 - 2024 | Giá đất điều chỉnh | Ghi chú |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|---------|
| 30          | Đường 5B                                                                                             | 16.0                  |                     | 6,000              | Bổ sung |
| 31          | Đường 4B                                                                                             | 16.0                  |                     | 6,000              | Bổ sung |
| <b>XIII</b> | <b>DỰ ÁN KHU DÂN CƯ GIÁP KHU TÁI ĐỊNH CƯ BẾN XE BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG PHƯỜNG 7 (KHU DÂN CƯ TRÀNG AN)</b> |                       |                     |                    |         |
| 1           | Đường số 8; 11                                                                                       | 28                    | 6,000               | 7,500              |         |
| 2           | Đường Đỗ Thị Bông (đường số 6A cũ)                                                                   | 12                    | 3,400               | 4,000              |         |
| 3           | Đường Thạch Thị Nương (đường số 8A cũ)                                                               | 12                    | 3,400               | 4,000              |         |
| 4           | Đường Hồ Thị Nghi (đường số 8B cũ)                                                                   | 12                    | 3,400               | 4,000              |         |
| 5           | Đường Ngô Thị Ba (đường số 10 cũ)                                                                    | 14                    | 3,800               | 4,300              |         |
| 6           | Đường Trần Văn Lắm (đường số 12 cũ)                                                                  | 14                    | 3,800               | 4,300              |         |
| 7           | Đường Nguyễn Thị Đẹt (đường số 16 cũ)                                                                | 12                    | 3,800               | 4,300              |         |
| 8           | Đường Lê Thị Mạnh (đường số 13A cũ)                                                                  | 12                    | 3,400               | 4,000              |         |
| 9           | Đường Hứa Thị Quán (đường số 14 cũ)                                                                  | 15                    | 3,900               | 4,300              |         |
| 10          | Đường Nguyễn Thị Lượm (đường số 15 cũ)                                                               | 12                    | 3,400               | 4,000              |         |
| 11          | Đường Lý Thị Hui (đường số 13 cũ)                                                                    | 12                    | 3,400               | 4,000              |         |
| 12          | Đường Nguyễn Việt Khái (đường số 17 cũ)                                                              | 12                    | 3,400               | 4,000              |         |

| STT | Tên đường trong dự án                             | Chỉ giới xây dựng (m) | Giá đất 2020 - 2024 | Giá đất điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|---------|
| 13  | Đường Huỳnh Thị Búp (đường số 18 cũ)              | 14                    | 3,800               | 4,300              |         |
| 14  | Đường Tô Vĩnh Diện (đường số 19, số 04 và 04B cũ) | 14                    | 3,800               | 4,300              |         |
| 15  | Đường Nguyễn Thị Dân (đường số 19A cũ)            | 12                    | 3,400               | 4,000              |         |
| 16  | Đường Trần Thị Viên (đường số 19B cũ)             | 12                    | 3,400               | 4,000              |         |
| 17  | Đường Huỳnh Thị Hoa (đường số 19C cũ)             | 12                    | 3,400               | 4,000              |         |
| 18  | Đường Nguyễn Thị Tiên (đường số 19D cũ)           | 16                    | 3,400               | 4,000              |         |
| 19  | Đường Nguyễn Thị Tròn (đường số 23 cũ)            | 16                    | 4,000               | 4,300              |         |
| 20  | Đường Hoàng Thế Thiện (đường số 25 cũ)            | 13                    | 3,700               | 4,200              |         |
| 21  | Đường Ngô Văn Ngộ (đường số 27 cũ)                | 13                    | 3,700               | 4,200              |         |
| 22  | Đường Lê Thị Đối (đường số 29 cũ)                 | 12                    | 3,400               | 4,000              |         |
| 23  | Đường Nguyễn Thị Nở (đường số 31 cũ)              | 14                    | 3,800               | 4,300              |         |
| 24  | Đường Lương Thị Tài (đường số 31A cũ)             | 14                    | 3,800               | 4,300              |         |
| 25  | Đường Mạc Thị Nhân (đường số 33 cũ)               | 12                    | 3,400               | 4,000              |         |
| 26  | Đường Nguyễn Thị Hoa (đường số 33A cũ)            | 12                    | 3,400               | 4,000              |         |
| 27  | Đường số 2; 6                                     | 14                    | 3,800               | 4,300              |         |

| STT        | Tên đường trong dự án                                                                  | Chỉ giới<br>xây dựng (m) | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
| 28         | Đường số 14A, 14B                                                                      | 14                       | 3,180                  | 4,300                 |         |
| 29         | Đường Ung Văn Khiêm                                                                    | 21                       | 3,180                  | 4,900                 |         |
| 30         | Đường số 5, 5A, 7                                                                      | 12                       | 3,180                  | 4,000                 |         |
| 31         | Các tuyến đường Khu nhà ở xã hội                                                       | 11                       | 3,180                  | 4,000                 |         |
| <b>XIV</b> | <b>DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ TẬP TRUNG VÀ NHÀ Ở<br/>XÃ HỘI ĐÔNG CAO VĂN LẦU (PHƯỜNG 5)</b> |                          |                        |                       |         |
| 1          | Đường số 11                                                                            | 10.0                     | 1,600                  | 2,500                 |         |
| 2          | Đường số 12                                                                            | 10.0                     | 1,600                  | 2,500                 |         |
| 3          | Đường số 13                                                                            | 10.0                     | 1,600                  | 2,500                 |         |
| 4          | Đường số 14                                                                            | 10.0                     | 1,600                  | 2,500                 |         |
| 5          | Đường số 15                                                                            | 10.0                     | 1,600                  | 2,500                 |         |
| 6          | Đường số 01                                                                            | 10.0                     | 1500                   | 2300                  |         |
| 7          | Đường số 02                                                                            | 10.0                     | 1500                   | 2300                  |         |
| 8          | Đường số 03                                                                            | 10.0                     | 1500                   | 2300                  |         |
| 9          | Đường số 07                                                                            | 10.0                     | 1500                   | 2300                  |         |
| 10         | Đường số 08                                                                            | 10.0                     | 1500                   | 2300                  |         |

| STT       | Tên đường trong dự án                     | Chỉ giới xây dựng (m) | Giá đất 2020 - 2024 | Giá đất điều chỉnh | Ghi chú |
|-----------|-------------------------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|---------|
| <b>XV</b> | <b>DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HOÀNG PHÁT</b>        |                       |                     |                    |         |
| 1         | Đường Thị Chậm (đường D1 cũ)              | 15                    | 3,000               | 4,200              |         |
| 2         | Đường Huỳnh Thị Lãnh (đường D2 cũ)        | 15                    | 3,000               | 4,200              |         |
| 3         | Đường Nguyễn Khuyến (đường D3 cũ)         | 28                    | 4,400               | 5,200              |         |
| 4         | Đường Lê Thị Bảy (đường D4 cũ)            | 15                    | 3,000               | 4,200              |         |
| 5         | Đường Hồ Tùng Mậu (đường D5 cũ)           | 26.6                  | 4,300               | 5,000              |         |
| 6         | Đường Trương Thị Phụng (đường D6 cũ)      | 15                    | 3,000               | 4,200              |         |
| 7         | Đường Võ Thị Tư (đường D7 cũ)             | 15                    | 3,000               | 4,200              |         |
| 8         | Đường Lê Thị Nhơn (đường D8 cũ)           | 13                    | 3,000               | 4,000              |         |
| 9         | Đường Đào Thị Thanh (đường D9 cũ)         | 13                    | 3,000               | 4,000              |         |
| 10        | Đường Trần Thị Chính (đường D11 cũ)       | 15                    | 3,000               | 4,200              |         |
| 11        | Đường Trần Thị Lang (đường D13 cũ)        | 15                    | 3,000               | 4,200              |         |
| 12        | Đường D12                                 | 15                    | 3,000               | 4,200              |         |
| 13        | Đường Trần Thị Thanh Hương (đường D14 cũ) | 15                    | 3,000               | 4,200              |         |
| 14        | Đường Huỳnh Thị Đê (đường D15 cũ)         | 15                    | 3,000               | 4,200              |         |



| STT | Tên đường trong dự án                 | Chỉ giới<br>xây dựng (m) | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
| 15  | Đường Nguyễn Thị Dương (đường D16 cũ) | 15                       | 3,000                  | 4,200                 |         |
| 16  | Đường Nguyễn Thị Sen (đường D17 cũ)   | 15                       | 3,000                  | 4,200                 |         |
| 17  | Đường Nguyễn Thị Huệ (đường D18 cũ)   | 15                       | 3,000                  | 4,200                 |         |
| 18  | Đường Nguyễn Thị Hải (đường D19 cũ)   | 15                       | 3,000                  | 4,200                 |         |
| 19  | Đường Nguyễn Thị Cầu (đường D20 cũ)   | 15                       | 3,000                  | 4,200                 |         |
| 20  | Đường Trần Thị Hạnh (đường D21 cũ)    | 15                       | 3,000                  | 4,200                 |         |
| 21  | Đường Phạm Thị Chữ (đường N2 cũ)      | 15                       | 3,000                  | 4,200                 |         |
| 22  | Đường Nguyễn Thị Thiên (đường N3 cũ)  | 15                       | 3,000                  | 4,200                 |         |
| 23  | Đường Mai Thị Đáng (đường N4 cũ)      | 15                       | 3,000                  | 4,200                 |         |
| 24  | Đường Nguyễn Tiệm (đường N5 cũ)       | 15                       | 3,000                  | 4,200                 |         |
| 25  | Đường Nguyễn Thị Đủ (đường N6 cũ)     | 15                       | 3,000                  | 4,200                 |         |
| 26  | Đường Hồ Xuân Hương (đường N7 cũ)     | 15                       | 3,000                  | 4,200                 |         |
| 27  | Đường Trương Thị Cương (đường N8 cũ)  | 15                       | 3,000                  | 4,200                 |         |
| 28  | Đường Lê Thị Đồng (đường N9 cũ)       | 15                       | 3,000                  | 4,200                 |         |
| 29  | Đường Nguyễn Thị Cúc (đường N10 cũ)   | 15                       | 3,000                  | 4,200                 |         |
| 30  | Đường Lê Thị Nga (đường N11 cũ)       | 15                       | 3,000                  | 4,200                 |         |

| STT        | Tên đường trong dự án                                                   | Chỉ giới xây dựng (m) | Giá đất 2020 - 2024 | Giá đất điều chỉnh | Ghi chú |
|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|---------|
| 31         | Đường Nguyễn Minh Nhựt (đường N12 cũ)                                   | 15                    | 3,000               | 4,200              |         |
| 32         | Đường Lê Thị Quý (đường N13 cũ)                                         | 15                    | 3,000               | 4,200              |         |
| 33         | Đường Dương Thị Hai (đường N14 cũ)                                      | 15                    | 3,000               | 4,200              |         |
| 34         | Đường Nguyễn Chánh Tâm (đường N15 cũ)                                   | 15                    | 3,000               | 4,200              |         |
| 35         | Đường 19 tháng 5 (Đường 19/5)                                           | 26.5                  | 4,300               | 5,000              |         |
| 36         | Đường Nguyễn Văn Cừ (đường Vành đai cũ)                                 | 33                    | 5,200               | 6,100              |         |
| 37         | Đường Võ Chí Công (đường A cũ)                                          | 35                    | 6,700               | 7,500              |         |
| 38         | Đường 3 tháng 2 (đường 3/2)                                             | 35                    | 5,500               | 6,300              |         |
| 39         | Đường Nguyễn Văn Linh                                                   | 42                    | 7,900               | 8,500              |         |
| 40         | Các đường nội bộ trong dự án (đã hoàn thiện hạ tầng)                    | 15                    | 3,000               | 4,200              |         |
| <b>XVI</b> | <b>DỰ ÁN KHU DÂN CƯ VINCOM (PHƯỜNG 7)</b>                               |                       |                     |                    |         |
| 1          | Đường D2 (đường đầu nối ra đường Trần Huỳnh và đường Nguyễn Đình Chiểu) | 13                    |                     | 10,000             | Bổ sung |
| 1          | Đường D1 và D4 (đường đầu nối ra đường Trần Huỳnh)                      | 11-13                 |                     | 8,750              | Bổ sung |
| 2          | Đường nội bộ khu dân cư                                                 | 11-13                 |                     | 6,200              | Bổ sung |

| STT          | Tên đường trong dự án                                                              | Chỉ giới xây dựng (m) | Giá đất 2020 - 2024 | Giá đất điều chỉnh | Ghi chú |
|--------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|---------|
| <b>XVII</b>  | <b>DỰ ÁN KDC CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ GÓC ĐƯỜNG HAI BÀ TRƯNG - VÕ THỊ SÁU (PHƯỜNG 3)</b> |                       |                     |                    |         |
| 1            | Đường số 01, đường 02 và đường số 03                                               | 9                     |                     | 6,000              | Bổ sung |
| <b>XVIII</b> | <b>DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP TRÀ KHA</b>                                               |                       |                     |                    |         |
| 1            | Đường D1 (đường đầu nối ra đường Quốc lộ 1A và tuyến tránh)                        |                       |                     | 3,600              | Bổ sung |
| 1            | Đường N1 và đường N2 (đường đầu nối ra đường D1)                                   |                       |                     | 3,200              | Bổ sung |
| 2            | Đường nội bộ đã hoàn thiện hạ tầng                                                 |                       |                     | 2,800              | Bổ sung |
| <b>XIX</b>   | <b>DỰ ÁN KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO PHÁT TRIỂN TÔM BẠC LIÊU</b>        |                       |                     |                    |         |
| 1            | Đường N1 và đường N2 (đường trục giao thông chính)                                 | 28                    |                     | 1,600              | Bổ sung |
| 2            | Đường N3, đường N5 và đường N6 (đường trục giao thông đầu nối)                     | 11                    |                     | 1,100              | Bổ sung |
| 1            | Đường nội bộ đã hoàn thiện hạ tầng                                                 | 5.5                   |                     | 750                | Bổ sung |

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**PHỤ LỤC 02**

**Bảng giá điều chỉnh đất ở thị trấn, đầu mối giao thông, trung tâm xã huyện Đông Hải - tỉnh Bạc Liêu**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu)*

*Đơn vị tính: 1000 đồng/m<sup>2</sup>*

| STT | Tên đường         | Đoạn đường                                                       |                                       | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                   | Điểm đầu                                                         | Điểm cuối                             |                           |                       |         |
| I   | THỊ TRẤN GÀNH HÀO |                                                                  |                                       |                           |                       |         |
| 1   | Phan Ngọc Hiển    | Bắt đầu từ Xí nghiệp Đông lạnh (đoạn bờ kè)                      | Đến bến phà Rạch Cóc                  | 500                       | 800                   |         |
|     |                   | Bắt đầu giáp đường Lê Thị Riêng (tuyến trụ sở ấp I)              | Đến cầu Rạch Dước Giữa                | 1,500                     | 2,700                 |         |
|     |                   | Bắt đầu từ cầu Rạch Dước Giữa                                    | Đến ngã ba cây xăng (giáp đường 19/5) | 3,000                     | 4,200                 |         |
|     |                   | Bắt đầu từ ngã ba cây xăng (giáp đường 19/5) (nhà ông Tô Văn Bé) | Đến cầu Chà Là                        | 3,000                     | 4,200                 |         |
|     |                   | Bắt đầu từ cầu Chà Là (trên lộ)                                  | Đến bến phà Rạch Cóc                  | 2,000                     | 3,200                 |         |

| STT | Tên đường             | Đoạn đường                                                 |                                                         | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                       | Điểm đầu                                                   | Điểm cuối                                               |                           |                       |         |
| 2   | Đường Ngọc Điền       | Bắt đầu từ giáp Lê Thị Riêng (Biên phòng Gành Hào)         | Đến ngã 4 Huyện ủy                                      | 2,500                     | 3,700                 |         |
|     |                       | Bắt đầu từ ngã 4 Huyện ủy                                  | Đến sông Gành Hào                                       | 3,100                     | 4,500                 |         |
| 3   | Đường Lê Thị Riêng    | Bắt đầu từ ngã 3 Mũi Dùi                                   | Đến bờ kè (giáp nhà ông Nguyễn Văn Cây)                 | 1,100                     | 1,800                 |         |
| 4   | Đường 19 tháng 5      | Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiền (ngã ba cây xăng Kim Tiến) | Đến đường Lê Thị Riêng (ngã 3 Mũi Dùi)                  | 3,000                     | 4,500                 |         |
| 5   | Đường 1 tháng 3       | Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiền (ngã ba Cảng Cá)           | Đến giáp đường Ngọc Điền (cặp nhà ông Phạm Văn Đà)      | 1,200                     | 1,900                 |         |
| 6   | Đường số 2            | Bắt đầu từ ngã ba (Sáu Thoàng)                             | Đến ngã ba (nhà may Duy Phan)                           | 1,500                     | 2,150                 |         |
|     |                       | Bắt đầu từ ngã ba (nhà may Duy Phan)                       | Đến giáp đường Ngọc Điền (nhà Sơn hớt tóc)              | 2,500                     | 4,200                 |         |
| 7   | Đường số 4            | Đường hai bên nhà lồng chợ thị trấn                        |                                                         | 2,600                     | 4,500                 |         |
| 8   | Đường số 8 (Hương lộ) | Bắt đầu từ đường Lê Thị Riêng (ngã 3 Mũi Dùi)              | Đến giáp ranh xã Long Điền Tây (mé bên bờ kênh lộ làng) | 600                       | 1,000                 |         |

| STT | Tên đường                                        | Đoạn đường                                                             |                                                | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                  | Điểm đầu                                                               | Điểm cuối                                      |                           |                       |         |
| 9   | Đường số 10 (lò heo)                             | Bắt đầu từ giáp đường Ngọc Điền                                        | Đến kênh Liên Doanh                            | 550                       | 830                   |         |
| 10  | Khu Trung tâm<br>Thương mại thị trấn<br>Gành Hào | Hai bên dãy nhà đối diện nhà lồng chợ Trung tâm<br>Thương mại Gành Hào |                                                | 3,200                     | 5,200                 |         |
| 11  | Đường giáp ranh trụ<br>sở UBND huyện             | Bắt đầu từ giáp đường Phan<br>Ngọc Hiển (quán nước Điểm<br>Hẹn)        | Đến giáp đường bê tông                         | 2,700                     | 4,000                 |         |
| 12  | Đường đối diện nhà<br>các hộ dân                 | Bắt đầu từ giáp đường Phan<br>Ngọc Hiển (nhà May Thi)                  | Đến giáp đường bê tông                         | 2,700                     | 4,000                 |         |
|     |                                                  | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà<br>Trương Thị Thúy                          | Đến hết ranh đất nhà bà<br>Huỳnh Thị Bích      | 1,800                     | 2,650                 |         |
| 13  | Đường ấp 4                                       | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà<br>Nguyễn Thị Chạy (dốc cầu<br>Liên Doanh)  | Đến hết ranh đất nhà ông<br>Trần Văn Sáu       | 650                       | 850                   |         |
| 14  | Đường ấp 1                                       | Bắt đầu từ ranh đất chùa Hải<br>Tĩnh                                   | Đến ngã tư trụ sở cũ                           | 650                       | 850                   |         |
|     |                                                  | Bắt đầu từ ngã tư trụ sở cũ                                            | Đến hết ranh đất Trường<br>Tiểu học Chu Văn An | 900                       | 1,280                 |         |

| STT | Tên đường            | Đoạn đường                                   |                                                     | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                      | Điểm đầu                                     | Điểm cuối                                           |                           |                       |         |
|     |                      | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Lụa    | Đến hết ranh đất nhà ông Trần Quốc Tuấn             | 650                       | 850                   |         |
|     |                      | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Hoàng Mến   | Đến hết ranh đất nhà bà Văn Thị Bắc                 | 650                       | 850                   |         |
|     |                      | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đọt   | Đến hết ranh đất nhà ông Tiêu Phong Kim             | 650                       | 850                   |         |
|     |                      | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phong | Đến hết ranh đất nhà ông Trần Hết                   | 650                       | 850                   |         |
| 15  | Đường số 5           | Bắt đầu từ cầu Rạch Dước Ngoài               | Đến đường Phan Ngọc Hiền (ngã 3 cầu Rạch Dước Giữa) | 1,300                     | 1,700                 |         |
| 16  | Đường ông Sắc (ấp 2) | Bắt đầu cách đường Ngọc Điền 30m             | Đến ranh đất nhà ông Lê Văn Hải                     | 2,500                     | 3,650                 |         |
| 17  | Đường ấp 2           | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trần Ngọc Bích    | Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Thát              | 500                       | 700                   |         |
|     |                      | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Phú         | Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Sáu              | 500                       | 700                   |         |
|     |                      | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Bàng      | Đến ranh đất nhà bà Mai Thị Chi                     | 500                       | 700                   |         |

| STT | Tên đường              | Đoạn đường                                                                                          |                                                   | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                        | Điểm đầu                                                                                            | Điểm cuối                                         |                           |                       |         |
| 18  | Đường ấp 3 (dãy trước) | Bắt đầu từ hồ nước cũ của Xí nghiệp Đông lạnh                                                       | Đến ngã 4 Huyện ủy                                | 900                       | 1,270                 |         |
| 19  | Đường ấp 3 (dãy sau)   | Bắt đầu từ hồ nước cũ của Xí nghiệp Đông lạnh                                                       | Đến ngã 4 Huyện ủy                                | 600                       | 800                   |         |
|     |                        | Bắt đầu từ ngã 4 cửa hàng xe Thành Mỹ                                                               | Đến sông Gành Hào                                 | 2,200                     | 3,000                 |         |
| 20  | Đường ấp 1 đến ấp 3    | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Cây (đường Lê Thị Riêng, điểm bờ kè tiếp giáp sông Gành Hào) | Đến Xí nghiệp Đông lạnh                           | 1,400                     | 1,900                 |         |
| 21  | Đường ấp 5             | Bắt đầu từ ngã ba Mũi Dùi                                                                           | Đến giáp ranh xã Long Điền Tây (đường Hương lộ 9) | 600                       | 800                   |         |
| 22  | Đường ấp 3             | Bắt đầu từ khu sản xuất tôm giống (giáp Đồn Biên phòng Gành Hào)                                    | Đến kênh Liên Doanh                               | 800                       | 1,050                 |         |
| 23  | Đường ấp 4             | Khu tái định cư 2ha giáp ranh Chi cục Thi hành án, Công an huyện                                    |                                                   | 600                       | 800                   |         |
| 24  | Đường 2                | Bắt đầu từ hai bên dãy nhà lồng cũ (nhà bà Nguyễn Thị Chạy và bà Trần Thị Dung)                     | Đến tiếp giáp bờ kè                               | 1,000                     | 1,400                 |         |



| STT | Tên đường                                            | Đoạn đường                                                    |                                                           | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                      | Điểm đầu                                                      | Điểm cuối                                                 |                           |                       |         |
| 25  | Đường ấp 4 (tiếp giáp sông Gành Hào)                 | Bắt đầu từ tiếp giáp bên phà Tân Thuận                        | Đến cầu Gạch Cóc                                          | 500                       | 700                   |         |
| 26  | Đường ấp 4 giáp đường Phan Ngọc Hiên                 | Bắt đầu từ ngã 3 vật liệu xây dựng Hữu Lộc                    | Đến vòng xoay Cảng cá Gành Hào                            | 1,000                     | 1,370                 |         |
| 27  | Đường ấp 4 giáp đường 19/5                           | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Hồng (giáp đường 19/5) | Đến hết ranh đất của ông Lê Văn Trắng                     | 800                       | 1,050                 |         |
|     |                                                      | Bắt đầu từ ranh đất bà Huỳnh Kim Hoa (giáp đường 19/5)        | Đến hết ranh đất của ông Lê Văn Trắng                     | 800                       | 1,050                 |         |
| 28  | Đường ấp 3 (01)                                      | Bắt đầu từ đất ông Khuu Minh Luân (giáp đường Ngọc Điền)      | Đến kênh Liên Doanh (đất ông Huỳnh Thanh Nguyên)          | 300                       | 500                   |         |
| 29  | Đường ấp 2 (tiếp giáp dãy nhà phía sau chợ Gành Hào) | Bắt đầu từ bà Huỳnh Ngọc Liên (ngã ba đường số 12)            | Đến nhà bà Trịnh Ngọc Diệp (tiếp giáp đường kênh ông Sắt) | 1,000                     | 1,300                 |         |
| 30  | Đường ấp 2 (02): 02 hẻm giáp 02 mặt                  | Bắt đầu tiếp giáp đường số 13                                 | Đến tiếp giáp bờ kè                                       | 1,000                     | 1,300                 |         |

| STT | Tên đường                                         | Đoạn đường                                                                      |                                                                                   | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                   | Điểm đầu                                                                        | Điểm cuối                                                                         |                           |                       |         |
|     | hướng Bắc và hướng<br>Nam của trụ sở<br>UBND ấp 2 |                                                                                 |                                                                                   |                           |                       |         |
| 31  | Đường ấp 2                                        | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông<br>Trương Văn Lũy                                   | Đến hết ranh đất nhà ông<br>Trần Minh Tâm                                         | 700                       | 950                   |         |
|     |                                                   | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông<br>Đặng Văn Khuôn                                   | Đến hết ranh đất nhà ông<br>Hồ Dũng (tiếp giáp<br>đường kênh ông Sắt)             | 500                       | 700                   |         |
| 32  | Đường ấp 1                                        | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà<br>Dương Ánh Phan (giáp bờ<br>kè)                    | Hết ranh đất Trường Tiểu<br>học Chu Văn An                                        | 900                       | 1,150                 |         |
|     |                                                   | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông<br>Trần Văn Cội (giáp đường<br>23)                  | Đến hết ranh đất nhà ông<br>Phan Minh Đức (giáp<br>đường số 50, đường bổ<br>sung) | 600                       | 800                   |         |
|     |                                                   | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông<br>Nguyễn Văn Đợi                                   | Đến hết ranh đất nhà bà<br>Lê Thị Liên (giáp đường<br>số 28)                      | 400                       | 630                   |         |
| 33  | Tuyến đường nhà ông<br>Bền Đồn Biên phòng<br>ấp 1 | Bắt đầu từ giáp đường từ nhà<br>ông Huỳnh Văn Lụa đến nhà<br>ông Trần Quốc Tuấn | Đến giáp đường từ chùa<br>Hải Tịnh đến nhà trụ sở<br>ấp 1 cũ                      |                           | 280                   | Bổ sung |

| STT | Tên đường                               | Đoạn đường                                                                |                                                   | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                         | Điểm đầu                                                                  | Điểm cuối                                         |                           |                       |         |
| 34  | Tuyến hẻm dãy nhà khu dân cư ấp 1       | Bắt đầu từ giáp đường từ nhà ông Huỳnh Văn Lụa đến nhà ông Trần Quốc Tuấn | Đến nhà ông Nguyễn Hồng Nhựt                      |                           | 280                   | Bổ sung |
| 35  | Tuyến đường nhà ông Nguyễn Ngọc Ân ấp 1 | Bắt đầu từ giáp đường từ nhà ông Huỳnh Văn Lụa đến nhà ông Trần Quốc Tuấn | Đến đường từ chùa Hải Tịnh đến nhà Trụ sở ấp 1 cũ |                           | 280                   | Bổ sung |
| 36  | Tuyến hẻm nhà ông Ba Đức, ấp 1          | Bắt đầu từ giáp đường lộ làng (trụ sở ấp 1 cũ)                            | Đến nhà ông Phan Văn Đức                          |                           | 280                   | Bổ sung |
| 37  | Tuyến hẻm nhà bà Quý, ấp 1              | Bắt đầu từ đường từ nhà cầu Rạch Vượt Giữa đến cầu Rạch Vượt Ngoài        | Đến nhà ông Đỗ Kim Phụng                          |                           | 280                   | Bổ sung |
| 38  | Tuyến hẻm nhà Bé Sáu ấp 1               | Bắt đầu từ đường từ nhà cầu Rạch Vượt Giữa đến cầu Rạch Vượt Ngoài        | Đến sau Trường Chu Văn An                         |                           | 280                   | Bổ sung |
| 39  | Tuyến hẻm nhà bà Mỹ, ấp 1               | Bắt đầu từ đường từ nhà cầu Rạch Vượt Giữa đến cầu Rạch Vượt Ngoài        | Đến sau Trường Chu Văn An                         |                           | 280                   | Bổ sung |
| 40  | Tuyến hẻm giáp bờ kè ấp 2               | Bắt đầu từ đường bờ kè cầu Rạch Vượt Ngoài đến bến phà Tân Thuận          | Đến nhà ông Nguyễn Văn Định                       |                           | 280                   | Bổ sung |

| STT | Tên đường                               | Đoạn đường                                                  |                                               | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                         | Điểm đầu                                                    | Điểm cuối                                     |                           |                       |         |
| 41  | Tuyến đường nhà ông Lê Phước Dũng, ấp 2 | Bắt đầu từ đường Ngọc Điền                                  | Đến đường Mai Thị Kim Chi - Lê Văn Bàng       |                           | 280                   | Bổ sung |
| 42  | Tuyến hẻm nhà ông Trần Lợi, ấp 2        | Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiển (cầu Rạch Vượt Giữa)        | Đến đường 6 Thoàng - Duy Phan                 |                           | 280                   | Bổ sung |
| 43  | Tuyến hẻm nhà ông Nguyễn Văn Út, ấp 2   | Bắt đầu từ nhà ông Trần Lợi đến nhà ông Nguyễn Văn Mười Hai | Đến nhà ông Ngô Văn Cường                     |                           | 280                   | Bổ sung |
| 44  | Tuyến hẻm nhà ông Huỳnh Văn Song, ấp 2  | Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiển (cầu Rạch Vượt Giữa)        | Đến đường kênh ông Sắc                        |                           | 280                   | Bổ sung |
| 45  | Tuyến hẻm nhà trọ Phú Xuân, ấp 2        | Bắt đầu từ đường Trần Ngọc Bích đến đập ông Phạm Văn Thất   | Đến đường từ kênh ông Sắc đến nhà ông 5 Cu Le |                           | 280                   | Bổ sung |
| 46  | Tuyến hẻm nhà ông Quyền, ấp 2           | Bắt đầu từ đường Ngọc Điền                                  | Đến cuối hẻm                                  |                           | 280                   | Bổ sung |
| 47  | Tuyến hẻm nhà ông 8 Mẫn, ấp 2           | Bắt đầu từ đường Ngọc Điền                                  | Đến đường Ngọc Điền                           |                           | 280                   | Bổ sung |
| 48  | Tuyến hẻm khu tập thể giáo viên, ấp 3   | Bắt đầu từ đường Ngọc Điền                                  | Đến cuối hẻm                                  |                           | 280                   | Bổ sung |

| STT | Tên đường                            | Đoạn đường                                                         |                                                      | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                      | Điểm đầu                                                           | Điểm cuối                                            |                           |                       |         |
| 49  | Tuyến hẻm, ấp 3                      | Bắt đầu từ đường hồ nước cũ Xí nghiệp Đông lạnh đến ngã 4 Huyện ủy | Đến giáp nhà ông Phan Minh Nhứt                      |                           | 280                   | Bổ sung |
| 50  | Tuyến hẻm cầu Liên Doanh, ấp 3       | Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiên (cầu Liên Doanh)                   | Đến đường bờ kè Gành Hào từ phà Tân Thuận - Rạch Cốc |                           | 280                   | Bổ sung |
| 51  | Tuyến hẻm Xóm Đảo Lớn, ấp 4          | Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiên (cầu Chà Là)                       | Đến nhà ông Lý Thanh Phương                          |                           | 280                   | Bổ sung |
| 52  | Tuyến hẻm Xóm Đảo Nhỏ, ấp 4          | Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiên (cầu Chà Là)                       | Đến nhà bà Hồ Kim Anh                                |                           | 280                   | Bổ sung |
| 53  | Tuyến hẻm trụ sở ấp 4 cũ, ấp 4       | Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiên (cầu Liên Doanh)                   | Đến đường bờ kè Gành Hào từ phà Tân Thuận - Rạch Cốc |                           | 280                   | Bổ sung |
| 54  | Tuyến hẻm nhà ông 6 Đáng, ấp 4       | Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiên (cầu Chà Là)                       | Đến giáp đường 1 tháng 3 (đối diện TAND)             |                           | 280                   | Bổ sung |
| 55  | Tuyến hẻm nhà ông Đặng Văn Hải, ấp 4 | Bắt đầu từ đường 1 tháng 3                                         | Đến giáp nhà ông Đặng Văn Hải                        |                           | 280                   | Bổ sung |
| 56  | Tuyến hẻm, ấp 4                      | Bắt đầu từ đường Huỳnh Kim Hoa đến Lê Văn Trắng                    | Đến đường nhà ông Quách Văn Túc                      |                           | 280                   | Bổ sung |

| STT | Tên đường                                                                                               | Đoạn đường                                                  |                                     | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                                                                         | Điểm đầu                                                    | Điểm cuối                           |                           |                       |         |
| 57  | Tuyến hẻm, ấ4                                                                                           | Bắt đầu từ đường 19 tháng 5                                 | Đến đường Phan Ngọc<br>Hiển         |                           | 280                   | Bổ sung |
| 58  | Tuyến hẻm khu dân<br>cư, ấp 5                                                                           | Bắt đầu từ đường Lộ Làng<br>đến kênh 3, xã Long Điền<br>Tây | Đến giáp nhà ông Lâm<br>Văn Đông    |                           | 280                   | Bổ sung |
| 59  | Tuyến đường Lô 8, ấp<br>5                                                                               | Bắt đầu từ đường lộ 19<br>tháng 5                           | Đến giáp nhà ông<br>Nguyễn Ngọc Thơ |                           | 280                   | Bổ sung |
| 60  | Tuyến đường kênh<br>Chệt, ấp 5                                                                          | Bắt đầu từ cầu kênh Chệt                                    | Đến giáp nhà ông Phạm<br>Văn Thiều  |                           | 280                   | Bổ sung |
| 61  | Tuyến đường Bờ Giá<br>ấp 5                                                                              | Bắt đầu từ đường Lộ Làng<br>đến kênh 3, xã Long Điền<br>Tây | Đến giáp nhà ông Đoàn<br>Văn Hồ     |                           | 280                   | Bổ sung |
| 62  | Tuyến đường kênh 3,<br>ấp 5                                                                             | Bắt đầu từ đường Lộ Làng<br>đến kênh 3, xã Long Điền<br>Tây | Đến kênh Chệt                       |                           | 280                   | Bổ sung |
| 63  | Các tuyến đường Khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ thị trấn Gành Hào (đã<br>hoàn thiện hạ tầng đường) |                                                             |                                     |                           |                       |         |
|     | Đường số 14A                                                                                            |                                                             |                                     |                           | 3,800                 | Bổ sung |
|     | Đường số 13                                                                                             |                                                             |                                     |                           | 4,000                 | Bổ sung |

| STT       | Tên đường                           | Đoạn đường                                      |                                                      | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----------|-------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|           |                                     | Điểm đầu                                        | Điểm cuối                                            |                           |                       |         |
|           | Các tuyến đường còn lại             |                                                 |                                                      |                           | 1,900                 | Bổ sung |
| 64        | Các tuyến đường khu dân cư Gành Hào |                                                 |                                                      |                           |                       |         |
|           | Đường số 03                         |                                                 |                                                      |                           | 4,500                 | Bổ sung |
|           | Các tuyến đường còn lại             |                                                 |                                                      |                           | 4,000                 | Bổ sung |
| <b>II</b> | <b>XÃ LONG ĐIỀN ĐÔNG</b>            |                                                 |                                                      |                           |                       |         |
| 1         | Ấp Bửu II                           | Bắt đầu từ ngã tư chợ Cống Xĩa                  | Đến 200m hướng về cầu Trường Diên (hộ Mã Thanh Đoàn) | 1,000                     | 1,800                 |         |
|           |                                     | 200m hướng về cầu Trường Diên (hộ Trần Văn Tâm) | Đến cầu Trường Diên                                  | 600                       | 950                   |         |
|           |                                     | Bắt đầu từ ranh đất hộ Mã Thanh Đoàn            | Đến hết ranh đất hộ Trần Văn Tâm                     | 700                       | 1,100                 |         |
|           |                                     | Bắt đầu từ cầu Trường Diên                      | Đến cầu Phước Diên                                   | 400                       | 600                   |         |
| 2         | Ấp Bửu Đông                         | Bắt đầu từ cầu Trường Diên                      | Đến quý Diên (Bửu Đông)                              | 300                       | 500                   |         |
|           |                                     | Bắt đầu từ cống Tư Đàn                          | Đến đê Biền Đông                                     | 400                       | 600                   |         |

| STT | Tên đường                                    | Đoạn đường                                     |                                               | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                              | Điểm đầu                                       | Điểm cuối                                     |                           |                       |         |
| 3   | Ấp Bửu I, ấp Bửu Đông                        | Bắt đầu từ cầu Hai Được                        | Đến giáp lộ Xóm Lung Cái Cùng                 | 350                       | 530                   |         |
|     |                                              | Bắt đầu từ ranh đất Trường THCS Lê Quý Đôn     | Đến giáp lộ nhựa Bửu I                        | 400                       | 600                   |         |
| 3   | Đường Cống Xĩa - Kinh Tư                     | Bắt đầu từ ngã tư Cống Xĩa                     | Đến 200m hướng về Kinh Tư (hộ Phạm Thanh Hải) | 1,000                     | 1,800                 |         |
|     |                                              | Từ 200m hướng về Kinh Tư (hộ Phạm Thanh Hải)   | Đến giáp ranh xã Điện Hải                     | 600                       | 950                   |         |
|     |                                              | Bắt đầu từ cầu qua UBND xã                     | Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Thành Được        | 600                       | 900                   |         |
|     |                                              | Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Thành Được      | Đến đê biển Đông                              | 400                       | 600                   |         |
| 4   | Ấp Bửu II, ấp Trường Điện                    | Bắt đầu từ cầu Trường Điện                     | Đến cầu Đầu Bờ                                | 250                       | 280                   |         |
| 5   | Ấp Minh Điện, ấp Trung Điện                  | Bắt đầu giáp ranh xã Long Điện                 | Đến cầu Lầm Thiệt - cầu Trung Điện (cũ)       | 250                       | 280                   |         |
| 6   | Ấp Cái Cùng - Vĩnh Điện, Bửu II, Trường Điện | Bắt đầu giáp ranh xã Vĩnh Thịnh (đê biển Đông) | Đến giáp ranh xã Điện Hải                     | 400                       | 520                   |         |



| STT | Tên đường                                     | Đoạn đường                                  |                                           | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                               | Điểm đầu                                    | Điểm cuối                                 |                           |                       |         |
| 7   | Ấp Bửu I, Bửu II                              | Bắt đầu từ ngã 4 chợ Cống Xĩa               | Đến cầu Hai Được                          | 650                       | 850                   |         |
| 8   | Ấp Bửu II                                     | Bắt đầu từ ngã tư Cống Xĩa                  | Đến cầu qua Ủy ban xã                     | 650                       | 900                   |         |
| 9   | Hòa Đông (ấp Trung Điền)                      | Bắt đầu từ cầu Phước Điền (ấp Trung Điền)   | Đến giáp ranh xã Long Điền                | 330                       | 420                   |         |
| 10  | Lộ nhựa Xóm Lung - 2 Được                     | Bắt đầu từ lộ nhựa                          | Đến đê Trường Sơn                         | 250                       | 280                   |         |
| 11  | Đường Đào (ấp Cái Cù - Bửu 1)                 | Bắt đầu từ cầu Tám Hồng (cấp lộ nhựa)       | Đến đê Trường Sơn                         | 250                       | 280                   |         |
| 12  | Tuyến đập đá Lầm Thiệt (ấp Bửu 1 - Minh Điền) | Bắt đầu từ cầu Lầm Thiệt                    | Đến cầu Trường Điền                       | 320                       | 380                   |         |
| 13  | Đường Năm Lén (ấp Bửu Đông)                   | Bắt đầu từ cầu Năm Lén                      | Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiêu | 250                       | 280                   |         |
| 14  | Tuyến ông Đàn - Út Chiêu (ấp Bửu Đông)        | Bắt đầu từ cầu ông Đàn                      | Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiêu     | 250                       | 280                   |         |
| 15  | Đường Kinh Giữa (ấp Bửu 1)                    | Bắt đầu từ cầu Kinh Giữa (ấp Bửu 1 - Bửu 2) | Đến hết ranh đất nhà ông Ngô Văn Nững     | 250                       | 280                   |         |

| STT | Tên đường                                                      | Đoạn đường                                           |                                                     | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                                | Điểm đầu                                             | Điểm cuối                                           |                           |                       |         |
| 16  | Đường Trại mới (ấp Trường Điền)                                | Bắt đầu từ đê biển Đông                              | Đến cầu đê Trường Sơn                               | 250                       | 280                   |         |
|     |                                                                | Bắt đầu từ cầu đầu bờ (lộ nhựa)                      | Đến đê Trường Sơn                                   | 250                       | 280                   |         |
| 17  | Đường đê Trường Sơn (ấp Cái Cù, Vĩnh Điền, Bửu 2, Trường Điền) | Bắt đầu giáp ranh kinh xáng xã Vĩnh Thịnh            | Đến giáp ranh xã Điền Hải                           | 400                       | 530                   |         |
| 18  | Tuyến Trung Điền cũ - cầu Phước Điền                           | Bắt đầu từ cầu Phước Điền (ấp Trung Điền - Bửu Đông) | Đến giáp đường đản nhà ông Nguyễn Văn Chiêu         | 250                       | 280                   |         |
| 19  | Đường Hai Vũ                                                   | Bắt đầu từ cầu Hai Vũ                                | Đến cầu Kinh Ngang Hòa Đông                         | 300                       | 340                   |         |
| 20  | Tuyến Kênh Ngang - Hòa Đông                                    | Bắt đầu từ cầu Kênh Ngan                             | Đến lộ Hòa Đông                                     | 250                       | 280                   |         |
| 21  | Tuyến cầu Lầm Thiét                                            | Bắt đầu từ cầu Lầm Thiét                             | Đến cầu Kênh Ngan                                   | 250                       | 280                   |         |
| 22  | Tuyến đầu cầu Phước Điền                                       | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Khiêm                    | Đến hết ranh đất nhà ông Sơn Văn Ký (ấp Trung Điền) | 250                       | 280                   |         |

| STT        | Tên đường                                                       | Đoạn đường                              |                                           | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|            |                                                                 | Điểm đầu                                | Điểm cuối                                 |                           |                       |         |
| 23         | Đường Đập đá - Lâm Thiết (ấp Minh Điền - Trung Điền - ấp Bửu I) | Bắt đầu từ cầu Trường Điền              | Đến hết ranh đất Trường THCS Lê Quý Đôn   | 300                       | 340                   |         |
| 24         | Tuyến đường Ao Lớn                                              | Bắt đầu từ cầu Ao Lớn                   | Đến giáp kênh Đập Đá                      | 250                       | 280                   |         |
| 25         | Tuyến đường Kênh Giữa (2 Minh) ấp Vĩnh Điền                     | Bắt đầu từ cầu nhà Liều ấp Bửu I        | Đến cầu Đường Đào (2 Lâm)                 | 250                       | 280                   |         |
| 26         | Tuyến đường số 3 lớn ấp Bửu II                                  | Bắt đầu từ đê biển Đông                 | Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thuận | 250                       | 280                   |         |
| 27         | Tuyến đường ruộng muối ấp Trường Điền                           | Bắt đầu từ cầu Dầu Bờ (Nguyễn Sơn Lợi)  | Đến hết ranh đất nhà bà Lê Trúc Phương    | 250                       | 280                   |         |
| <b>III</b> | <b>XÃ LONG ĐIỀN ĐÔNG A</b>                                      |                                         |                                           |                           |                       |         |
| 1          | Ấp Mỹ Điền                                                      | Bắt đầu từ ngã ba Ngân Điền             | Đến cầu Mỹ Điền                           | 600                       | 800                   |         |
|            |                                                                 | Bắt đầu từ cầu Mỹ Điền                  | Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Út      | 700                       | 870                   |         |
|            |                                                                 | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Út | Đến hết ranh đất nhà mò                   | 400                       | 520                   |         |

| STT | Tên đường         | Đoạn đường                                         |                                   | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                   | Điểm đầu                                           | Điểm cuối                         |                           |                       |         |
|     |                   | Bắt đầu từ cầu Mỹ Điền                             | Đến cầu ông Đốc                   | 300                       | 350                   |         |
|     |                   | Bắt đầu từ ranh chợ Mỹ Điền                        | Đến ba Ngựa áp 1                  | 250                       | 280                   |         |
| 2   | Tuyên miếu Ông Tà | Bắt đầu từ ranh đất miếu Ông Tà                    | Đến cầu Mỹ Điền 3                 | 250                       | 280                   |         |
| 3   | Áp Hiệp Điền      | Bắt đầu từ cổng Tư Đàn                             | Đến đầu voi Xóm Lung              | 400                       | 460                   |         |
|     |                   | Bắt đầu từ cảng Bà Cồng                            | Đến mũi giá giáp Long Điền        | 250                       | 280                   |         |
|     |                   | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đàn                    | Đến Hòa Đông - Long Điền          | 250                       | 280                   |         |
| 4   | Áp 1              | Bắt đầu từ đầu voi Xóm Lung                        | Đến rạch Bà Già                   | 250                       | 280                   |         |
| 5   | Áp 2              | Bắt đầu từ cầu ông Chiến                           | Đến hết ranh đất Nhà máy Sáu Luôn | 250                       | 280                   |         |
|     |                   | Bắt đầu từ cầu Đực Thịnh                           | Đến cầu Hai Cầm                   | 250                       | 280                   |         |
| 6   | Áp 3              | Bắt đầu từ đầu lộ nhựa áp III - bến phà Việt Trung | Đến lộ nhựa ngã 3 Ngân Điền       | 250                       | 280                   |         |

| STT       | Tên đường                      | Đoạn đường                                       |                                                  | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----------|--------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|           |                                | Điểm đầu                                         | Điểm cuối                                        |                           |                       |         |
| 7         | Ấp 4                           | Bắt đầu từ ranh Trường Tiểu học 4A               | Đến hết ranh Trường Tiểu học 4B - trụ sở ấp 4    | 250                       | 280                   |         |
|           |                                | Bắt đầu từ cầu lộ cũ - đường Chín Tém            | Đến rạch Bà Già                                  | 250                       | 280                   |         |
| 8         | Tuyến 2 Phụng - Trịnh Văn Tám  | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 2 Phụng              | Đến hết ranh đất nhà ông Trịnh Văn Tám           | 250                       | 280                   |         |
| 9         | Ấp Châu Điền - Ngân Điền       | Bắt đầu giáp ranh xã Long Điền                   | Đến ngã ba Ngân Điền                             | 400                       | 450                   |         |
| 10        | Ấp Châu Điền - Phước Điền      | Bắt đầu từ ngã ba Châu Điền                      | Đến cầu Phước Điền                               | 400                       | 450                   |         |
|           |                                | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hoàn                 | Đến Chà Là - Long Điền, ra cầu 6 Nghiệp          | 250                       | 280                   |         |
| 11        | Tuyến Xóm Chùa (ấp Phước Điền) | Bắt đầu từ ranh đất Trường THCS Long Điền Đông B | Đến hết ranh đất nhà ông 5 Chơ                   | 250                       | 280                   |         |
| <b>IV</b> | <b>XÃ LONG ĐIỀN</b>            |                                                  |                                                  |                           |                       |         |
| 1         | Khu vực chợ Cây Giang          | Bắt đầu từ Trạm cấp nước sạch                    | Đến Đình Thần (giáp Trường TH Nguyễn Bình Khiêm) | 1,200                     | 1,700                 |         |

| STT | Tên đường                      | Đoạn đường                                                          |                                      | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                | Điểm đầu                                                            | Điểm cuối                            |                           |                       |         |
| 2   | Cây Giang - Châu<br>Điền       | Bắt đầu từ Đình Thần (giáp<br>Trường TH Nguyễn Bình<br>Khiêm)       | Đến đầu cầu Chín Bình                | 800                       | 1,200                 |         |
|     |                                | Bắt đầu từ cầu Chín Bình                                            | Đến giáp ranh xã Long<br>Điền Đông A | 500                       | 730                   |         |
| 3   | Hương lộ Giá Rai -<br>Gành Hào | Bắt đầu từ cầu Rạch Rắn<br>(giáp ranh Phường 1)                     | Đến cầu Rạch Giồng                   | 750                       | 1,100                 |         |
|     |                                | Bắt đầu từ cầu Rạch Giồng                                           | Đến cầu Tư Cồ                        | 700                       | 1,000                 |         |
|     |                                | Bắt đầu từ cầu Tư Cồ                                                | Đến giáp ranh xã Điền<br>Hải         | 1,500                     | 1,800                 |         |
| 4   | Cầu Rạch Rắn - cầu<br>Vịnh     | Bắt đầu từ cầu cầu Rạch Rắn                                         | Đến cầu Vịnh                         | 500                       | 700                   |         |
| 5   | Ấp Rạch Rắn - Thạnh<br>Trị     | Bắt đầu từ cầu Vịnh                                                 | Đến kinh xáng Hộ Phòng               | 400                       | 600                   |         |
| 6   | Thạnh An - Cây<br>Dương        | Bắt đầu từ cầu miếu Bà<br>Thủy                                      | Đến cầu Đường Đào                    | 300                       | 340                   |         |
| 7   | Đường Long Điền<br>Tiền        | Bắt đầu từ đầu đường Long<br>Điền Tiến (giáp Giá Rai -<br>Gành Hào) | Đến cầu Ngã Tư                       | 400                       | 450                   |         |

| STT | Tên đường                         | Đoạn đường                               |                                         | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                   | Điểm đầu                                 | Điểm cuối                               |                           |                       |         |
| 8   | Thanh II - Cây Dương              | Bắt đầu từ cầu Ngã Tư                    | Đến cầu Đường Đào                       | 350                       | 400                   |         |
| 9   | Hòa I - Đại Điền                  | Bắt đầu từ đầu đường Giá Rai - Gành Hào  | Đến cầu Thanh Niên                      | 250                       | 280                   |         |
| 10  | Đại Điền - Công Điền              | Bắt đầu từ cầu Thanh Niên                | Đến cầu Trường THCS Phan Ngọc Hiển      | 250                       | 280                   |         |
| 11  | Đường lộ Cây Dương A - Kênh Tư Cồ | Bắt đầu từ cầu 5 Duyên                   | Đến giáp lộ Gành Hào - Hộ Phòng         | 250                       | 280                   |         |
| 12  | Đường Giá Càn Bảy                 | Bắt đầu từ đầu đường Giá Rai - Gành Hào  | Đến giáp ranh Phường 1                  | 250                       | 280                   |         |
| 13  | Đường lộ khóm 6                   | Bắt đầu từ ranh đất miếu Bà Thủy         | Đến giáp phường Hộ Phòng                | 250                       | 280                   |         |
| 14  | Đường Chà Là                      | Bắt đầu từ giáp lộ chợ Cây Giang         | Đến đường cống Chín Tài                 | 250                       | 280                   |         |
|     |                                   | Bắt đầu từ đường cống Chín Tài           | Đến giáp xã Long Điền Đông              | 250                       | 280                   |         |
| 15  | Đường Cầu Đình                    | Bắt đầu từ giáp lộ chợ Cây Giang         | Đến giáp ranh ấp 4, xã Long Điền Đông A | 250                       | 280                   |         |
| 16  | Tuyên Thọ Điền                    | Bắt đầu từ giáp đường Giá Rai - Gành Hào | Đến giáp co nhà Ba Trưỡng               | 250                       | 280                   |         |

| STT      | Tên đường                                           | Đoạn đường                                      |                                                                | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|----------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|          |                                                     | Điểm đầu                                        | Điểm cuối                                                      |                           |                       |         |
| 17       | Đường GTNT Công<br>Điền - Mười Xứ, xã<br>Long Điền  | Bắt đầu từ ngã ba 10 Xứ                         | Đến giáp ranh nhà ông<br>Bảy Xù                                | 250                       | 280                   |         |
| 18       | Đường GTNT Hòa<br>Thạnh - Thạnh II, xã<br>Long Điền | Bắt đầu từ cầu Hòa Thạnh                        | Đến Long Điền Tiến, lộ<br>nhựa                                 | 250                       | 280                   |         |
| 19       | Tuyến Đan Thạnh 2                                   | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông<br>Châu Thanh Đồi   | Đến ngã 3 sông Công<br>Điền                                    | 250                       | 280                   |         |
| 20       | Đường Hộ Phòng -<br>Gành Hào                        | Bắt đầu từ ấp Dầu Lá                            | Đến cầu kênh chùa ấp<br>Cây Dương A                            | 500                       | 900                   | Bổ sung |
| <b>V</b> | <b>XÃ ĐIỀN HẢI</b>                                  |                                                 |                                                                |                           |                       |         |
| 1        | Tuyến Giá Rai - Gành<br>Hào                         | Bắt đầu từ giáp ranh xã Long<br>Điền            | Hết ranh đất cây xăng<br>Phương Hùng (hai bên)                 | 2,000                     | 2,500                 |         |
|          |                                                     | Bắt đầu từ hết ranh đất cây<br>xăng Phương Hùng | Đến hết ranh đất trường<br>mẫu giáo                            | 2,500                     | 3,500                 |         |
|          |                                                     | Bắt đầu từ hết ranh đất<br>trường mẫu giáo      | Đến cầu Trại Sò                                                | 1,500                     | 2,500                 |         |
|          |                                                     | Bắt đầu từ cầu Trại Sò                          | Đến hết ranh đất nhà Bia<br>tưởng niệm xã Điền Hải<br>(Gò Cát) | 1,500                     | 2,500                 |         |



| STT | Tên đường                   | Đoạn đường                                                            |                                            | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                             | Điểm đầu                                                              | Điểm cuối                                  |                           |                       |         |
|     |                             | Bắt đầu từ hết ranh đất Nhà<br>bia tường niệm xã Điện Hải<br>(Gò Cát) | Đến hết ranh khu đất<br>Điện lực Đông Hải  | 1,500                     | 2,000                 |         |
|     |                             | Bắt đầu từ hết ranh khu đất<br>Điện lực Đông Hải                      | Đến giáp ranh xã Long<br>Điền Tây          | 500                       | 1,000                 |         |
| 2   | Long Hà - Khâu              | Bắt đầu từ đầu lộ HTX ấp<br>Long Hà                                   | Đến giáp ranh xã Long<br>Điền Tây          | 300                       | 500                   |         |
| 3   | Kinh Tư - Khâu              | Bắt đầu từ tiếp giáp lộ Giá<br>Rai - Gành Hào                         | Đến hết ranh đất nhà bà<br>Tô Thị Khiếm    | 1,700                     | 2,500                 |         |
|     |                             | Bắt đầu từ hết ranh đất nhà<br>bà Tô Thị Khiếm                        | Đến đầu lộ mới                             | 1,500                     | 2,000                 |         |
|     |                             | Bắt đầu tiếp giáp lộ Giá Rai<br>- Gành Hào                            | Đến hết ranh đất nhà ông<br>Lâm Hoàng Điệp | 2,000                     | 3,000                 |         |
|     |                             | Bắt đầu từ hết ranh đất nhà<br>ông Lâm Hoàng Điệp                     | Đến tiếp giáp lộ cũ Kinh<br>Tư - Khâu      | 1,500                     | 2,500                 |         |
|     |                             | Tiếp giáp lộ cũ Kinh Tư -<br>Khâu                                     | Đến giáp ranh xã Long<br>Điền Tây          | 1,000                     | 1,300                 |         |
| 4   | Kinh Tư - Long Điền<br>Đông | Bắt đầu từ giáp Hương lộ                                              | Đến cầu Kinh Tư 2                          | 1,200                     | 1,800                 |         |

| STT | Tên đường                                          | Đoạn đường                                        |                                             | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                    | Điểm đầu                                          | Điểm cuối                                   |                           |                       |         |
|     |                                                    | Bắt đầu từ cầu Kinh Tư 2                          | Đến giáp ranh xã Long<br>Điền Đông          | 600                       | 1,050                 |         |
| 5   | Ấp Bờ Càng - Doanh<br>Điền                         | Bắt đầu từ giáp ranh đường<br>Giá Rai - Gành Hào  | Đến hết ranh đất nhà 5<br>Vinh              | 320                       | 380                   |         |
|     |                                                    | Bắt đầu từ hết ranh đất nhà 5<br>Vinh             | Đến hết ranh đất nhà bà<br>Hường            | 280                       | 300                   |         |
| 6   | Đường dự án muối                                   | Bắt đầu từ kinh Dân Quân                          | Đến trạm bơm số 3                           | 300                       | 350                   |         |
| 7   | Đê Trường Sơn (ấp<br>Gò Cát)                       | Bắt đầu từ ngã 3 chùa Linh<br>Ứng (đê Trường Sơn) | Đến giáp ranh xã Long<br>Điền Đông          | 400                       | 480                   |         |
| 8   | Ấp Gò Cát                                          | Bắt đầu từ Công ty Tôm<br>giống số 1              | Đến cầu Gò Cát (nhà ông<br>Nguyễn Hoàng Vũ) | 500                       | 680                   |         |
| 9   | Đường dự án muối                                   | Bắt đầu từ cầu Trại Sò                            | Đến chùa Linh Ứng                           | 330                       | 390                   |         |
| 10  | Đê Trường Sơn - Gò<br>Cát - Long Điền Đông         | Bắt đầu từ giáp ranh xã Long<br>Điền Đông         | Đến kênh Huyện Kệ                           | 400                       | 540                   |         |
| 11  | Đường trước UBND<br>huyện (mới)                    | Bắt đầu từ vòng xoay nhà<br>ông Trục              | Đến vòng xoay nhà bà<br>Tuyết               | 2,000                     | 2,800                 |         |
| 12  | Đường 2 dãy nhà thu<br>nhập thấp (nhà ở xã<br>hội) | Hết tuyến                                         |                                             | 1,000                     | 1,850                 |         |

| STT       | Tên đường                            | Đoạn đường                                                    |                                                    | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|           |                                      | Điểm đầu                                                      | Điểm cuối                                          |                           |                       |         |
| 13        | Đường Cầu Cháy                       | Bắt đầu từ giáp ranh đường<br>Giá Rai - Gành Hào              | Đến giáp ranh xã Long<br>Điền Tây                  | 300                       | 380                   |         |
| 14        | Đường tránh Tư Cồ -<br>chùa Linh Ứng | Bắt đầu từ giáp đường Giá<br>Rai - Gành Hào (ấp Diêm<br>Điền) | Đến sông Kênh Tư -<br>Khâu                         |                           | 1,500                 | Bổ sung |
|           |                                      | Bắt đầu từ giáp sông Kênh<br>Tư - Khâu                        | Đến kênh Trại Sò                                   |                           | 800                   | Bổ sung |
|           |                                      | Bắt đầu từ kênh Trại Sò                                       | Đến đường Giá Rai -<br>Gành Hào (ấp Long Hà)       |                           | 500                   | Bổ sung |
| <b>VI</b> | <b>XÃ LONG ĐIỀN TÂY</b>              |                                                               |                                                    |                           |                       |         |
| 1         | Ấp Thuận Điền                        | Bắt đầu từ cầu Treo                                           | Đến hết ranh đất Trường<br>THCS Võ Thị Sáu         | 1,000                     | 1,300                 |         |
|           |                                      | Bắt đầu từ hết ranh đất<br>Trường THCS Võ Thị Sáu             | Đến giáp ranh xã Điền<br>Hải                       | 650                       | 740                   |         |
|           |                                      | Bắt đầu từ lộ Long Hà (Cầu<br>Khâu cũ)                        | Đến giáp ranh xã Điền<br>Hải                       | 300                       | 330                   |         |
|           |                                      | Bắt đầu từ giáp với lộ nhựa<br>Khâu - Kinh Tư                 | Hết ranh đất nhà bà Lâm<br>Thị Vân (vịnh Hóc Ráng) | 300                       | 330                   |         |

| STT | Tên đường                    | Đoạn đường                                      |                                                        | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                              | Điểm đầu                                        | Điểm cuối                                              |                           |                       |         |
| 2   | Ấp Canh Điền                 | Bắt đầu từ cầu treo                             | Đến cầu Vinh Cậu                                       | 500                       | 550                   |         |
|     |                              | Bắt đầu từ cầu treo                             | Đến cầu Trung ương Đoàn                                | 400                       | 450                   |         |
| 3   | Ấp An Điền - Bình Điền       | Bắt đầu từ đường Giá Rai - Gành Hào             | Đến kinh 3 (giáp ranh thị trấn Gành Hào)               | 1,050                     | 1,300                 |         |
| 4   | Ấp Canh Điền                 | Bắt đầu từ phà Rạch Cóc (giáp ranh TT Gành Hào) | Đến phà Vàm Xáng (giáp ranh xã An Phúc)                | 1,000                     | 1,250                 |         |
|     |                              | Bắt đầu từ cầu Vinh Cậu                         | Đến hết ranh đất Trường Tiểu học Trần Đại Nghĩa        | 300                       | 350                   |         |
| 5   | Tuyến Kinh 2 (ấp Thanh Hải)  | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Mười       | Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Viễn                   | 250                       | 280                   |         |
| 6   | Tuyến Kinh 3 (ấp Thanh Hải)  | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đức                 | Đến hết ranh đất nhà ông Độ (cầu TW Đoàn ấp Thanh Hải) | 300                       | 330                   |         |
| 7   | Tuyến Kinh 1 (ấp Thanh Hải)  | Bắt đầu từ cầu Kinh (ấp Bình Điền)              | Đến hết ranh đất Trường TH Kinh I (ấp Thanh Hải)       | 300                       | 330                   |         |
| 8   | Tuyến Hai Liêm (ấp An Điền ) | Bắt đầu từ Trường Tiểu học Bình Điền            | Đến hết ranh đất nhà ông Vũ Bình                       | 250                       | 280                   |         |

| STT | Tên đường                    | Đoạn đường                                |                                         | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                              | Điểm đầu                                  | Điểm cuối                               |                           |                       |         |
| 9   | Tuyến ông Nham (ấp An Điền)  | Bắt đầu từ ranh đất trại giống Dương Hùng | Đến cầu TW Đoàn ấp An Điền              | 250                       | 280                   |         |
| 10  | Tuyến nách ông Tường         | Bắt đầu từ cầu Khâu (trạm y tế)           | Đến hết ranh đất nhà ông Hai Tòng       | 250                       | 280                   |         |
| 11  | Tuyến Xóm Lá                 | Bắt đầu từ cầu Xóm Lá                     | Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Nghị | 250                       | 280                   |         |
| 12  | Tuyến An Điền                | Bắt đầu từ cầu Mười Chiến                 | Giáp ranh ấp Long Hà - Điền Hải         | 300                       | 330                   |         |
| 13  | Tuyến Xóm Rẫy                | Bắt đầu từ cầu Xóm Lá                     | Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Sự    | 250                       | 280                   |         |
| 14  | Tuyến Lập Điền               | Bắt đầu từ cầu ông Hai Dẫn                | Đến hết ranh đất nhà ông Trí Cụt        | 250                       | 280                   |         |
| 15  | Tuyến Cây Mét                | Bắt đầu từ cầu nhà ông Lớn                | Đến hết ranh đất nhà ông Tám Nhỏ        | 250                       | 280                   |         |
| 16  | Tuyến Kinh Giữa              | Bắt đầu từ cầu Trung ương Đoàn Canh Điền  | Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Lực | 300                       | 330                   |         |
| 17  | Tuyến Kênh Ngang - Vườn Chim | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bùi Nhật Nam  | Đến hết ranh đất nhà ông 6 Màu          | 300                       | 330                   |         |

| STT | Tên đường                                 | Đoạn đường                                             |                                             | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                           | Điểm đầu                                               | Điểm cuối                                   |                           |                       |         |
| 18  | Tuyến Khai Hoang                          | Bắt đầu từ đường Giá Rai -<br>Gành Hào                 | Đến hết ranh đất nhà ông<br>Nguyễn Văn Thái | 250                       | 280                   |         |
| 19  | Tuyến Kinh 1 (ấp<br>Thanh Hải)            | Bắt đầu từ ranh đất Trường<br>TH Kinh 1 (ấp Thanh Hải) | Đến hết ranh đất nhà ông<br>Tạ Văn Thiều    | 250                       | 280                   |         |
| 20  | Tuyến Canh Điền                           | Bắt đầu từ cầu Trung ương<br>Đoàn                      | Đến cầu Vinh Cẩu (Xóm<br>Lá )               | 350                       | 380                   |         |
| 21  | Nách ông Tường<br>(đoạn cuối)             | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông<br>La Văn Tòng             | Đến hết ranh đất nhà ông<br>La Văn Bá       | 250                       | 280                   |         |
| 22  | Tuyến Ô Rô                                | Bắt đầu từ cầu Trung ương<br>Đoàn Canh Điền            | Đến cầu Huyện đoàn                          | 250                       | 280                   |         |
| 23  | Gạch Cóc - Khâu<br>Giồng                  | Bắt đầu từ cầu Gạch Cóc                                | Đến cầu Khâu Giồng                          | 250                       | 280                   |         |
| 24  | Trường TH Trần Đại<br>Nghĩa - BP Lam Điền | Bắt đầu từ ranh đất Trường<br>TH Trần Đại Nghĩa        | Đến bến phà Kênh Xáng                       | 250                       | 280                   |         |
| 25  | Lô 6 - Tập đoàn dừa                       | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông<br>Nguyễn Văn Hội          | Hết ranh đất nhà ông<br>Nguyễn Văn Đạt      | 250                       | 280                   |         |
| 26  | Cầu Huyện đoàn - BP<br>Vàm Xáng           | Bắt đầu từ cầu Huyện đoàn                              | Bến phà Vàm Xáng                            | 250                       | 280                   |         |

| STT | Tên đường                              | Đoạn đường                                  |                                        | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                        | Điểm đầu                                    | Điểm cuối                              |                           |                       |         |
| 27  | Đồng cóc, ấp Vinh Điền                 | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lớn             | Đến hết ranh đất nhà ông Vui           | 250                       | 280                   |         |
| 28  | Kênh Hội đồng Ty - cầu Rau Muống       | Bắt đầu từ kênh Hội đồng Ty                 | Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Cứ     | 250                       | 280                   |         |
| 29  | Nách nhà ông Tường - kênh thầy 5 Vi Rô | Bắt đầu từ cầu nách ông Tường               | Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Minh Đầu   | 250                       | 280                   |         |
| 30  | Nhà ông 6 Màu - nhà ông Sĩ             | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Màu           | Đến hết ranh đất nhà ông 6 Sĩ          | 250                       | 280                   |         |
| 31  | Hóc Ráng - Huy Điền                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Xuân            | Đến Huy Điền                           | 250                       | 280                   |         |
| 32  | Tuyến Bà Tham                          | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Hên   | Đến hết ranh đất nhà ông 9 Hữu         | 250                       | 280                   |         |
| 33  | Tuyến Lập Điền - Công Điền             | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Tấn Đức  | Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Tặng | 250                       | 280                   |         |
| 34  | khu vực 11 nhà                         | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Dũng | Đến hết ranh đất nhà bà Vưu Thị Hương  | 250                       | 280                   |         |
| 35  | Tuyến 7 Tho - Hăng nước đá ông Sơn     | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 7 Tho           | Đến hết ranh đất Hăng nước đá ông Sơn  | 250                       | 280                   |         |

| STT        | Tên đường                           | Đoạn đường                                                                            |                                                      | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|            |                                     | Điểm đầu                                                                              | Điểm cuối                                            |                           |                       |         |
| 36         | Kinh Trà Côn                        | Bắt đầu từ cầu Trà Cuôn                                                               | Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Bình             | 250                       | 280                   |         |
| 37         | Tuyến Vàm kinh Chệt - nhà ông Sơn   | Bắt đầu từ Vàm kinh Chệt                                                              | Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Sơn               | 250                       | 280                   |         |
| 38         | Tuyến nhà ông 6 Sĩ - kênh chùa      | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Sĩ                                                      | Đến bến phà kênh chùa                                | 250                       | 280                   |         |
| 39         | Đường Hộ Phòng - Gành Hào           | Bắt đầu từ cầu kênh chùa giáp ranh xã Long Điền                                       | Đến phà Vàm Xáng (giáp ranh xã An Phước)             |                           | 900                   | Bổ sung |
| <b>VII</b> | <b>XÃ AN TRẠCH</b>                  |                                                                                       |                                                      |                           |                       |         |
| 1          | Thành Thưởng - Thành Thưởng A       | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Luyến giáp lộ nhựa tuyến An Trạch - Định Thành | Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Dũng (Vàm Bộ Buổi)   | 420                       | 490                   |         |
| 2          | Văn Đức A - Văn Đức B - Anh Dũng    | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tính                                           | Đến hết ranh Trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh        | 300                       | 330                   |         |
| 3          | Văn Đức B Hoàng Minh A - Hoàng Minh | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Dũng                                               | Đến hết ranh Trường Tiểu học Hiệp Thành (Hoàng Minh) | 300                       | 330                   |         |



| STT         | Tên đường                                          | Đoạn đường                                        |                                         | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|             |                                                    | Điểm đầu                                          | Điểm cuối                               |                           |                       |         |
| 5           | Văn Đức A - Văn Đức B - Hiệp Vinh                  | Bắt đầu từ ranh đất Trường THCS Võ Nguyên Giáp    | Đến kênh Điền Cô Ba                     | 250                       | 280                   |         |
| 6           | Ấp Hoàng Minh A                                    | Bắt đầu từ cầu nhà bà Tạ Thị Gấm                  | Đến kênh Hiệp Thành                     | 250                       | 280                   |         |
| 7           | Thành Thương - Văn Đức A                           | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Ca Thị Bảnh            | Đến giáp ranh Cây Thẻ, xã Định Thành    | 500                       | 570                   |         |
| 8           | Ấp Hiệp Vinh                                       | Bắt đầu từ ngã ba ấp Anh Dũng                     | Đến cầu treo giáp ranh xã An Trạch A    | 250                       | 280                   |         |
| 9           | Đường GTNT Văn Đức A, xã An Trạch                  | Bắt đầu từ giáp lộ nhựa 3m5 (nhà ông Tạ Văn Sáng) | Đến cầu ngã 3 Lầu                       | 300                       | 340                   |         |
| 10          |                                                    | Bắt đầu từ cầu ngã 3 Lầu                          | Đến ấp Lung Xình                        | 250                       | 280                   |         |
| <b>VIII</b> | <b>XÃ AN TRẠCH A</b>                               |                                                   |                                         |                           |                       |         |
| 1           | Đường liên ấp Thành Thương B đến ấp Thành Thương C | Bắt đầu từ cầu Vàm Bộ Buối (ấp Thành Thương B)    | Đến cầu kênh Bảy Gõ (ấp Thành Thương C) | 350                       | 480                   |         |
| 2           | Đường liên ấp Thành Thương B đến ấp Ba Mến         | Từ Đình Nguyễn Trung Trực (Thành Thương B)        | Đến cầu ngã ba kênh Tây (Ba Mến)        | 300                       | 400                   |         |

| STT | Tên đường                                        | Đoạn đường                                    |                                                    | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                  | Điểm đầu                                      | Điểm cuối                                          |                           |                       |         |
| 3   | Ấp Ba Mến A                                      | Bắt đầu từ cầu treo (Ba Mến A)                | Đến hết ranh đất nhà ông Ngô Văn Sở (Ba Mến A)     | 250                       | 280                   |         |
| 4   | Ấp 1, đường kênh Giáo Quang                      | Bắt đầu từ Trường Tiểu học Giáo Quang         | Đến cầu 10 Nghĩa                                   | 250                       | 300                   |         |
| 5   | Đường liên ấp Ba Mến đến ấp 2                    | Bắt đầu từ trụ sở UBND xã                     | Đến kênh Nhà Nước                                  | 250                       | 350                   |         |
| 6   | Ấp 2, kênh Nhà Nước                              | Bắt đầu từ kênh 6 thước (nhà ông Lý Văn Mến)  | Đến cầu Láng Đước (nhà ông Võ Văn Lén)             | 250                       | 280                   |         |
| 7   | Ấp Ba Mến đến ấp Quyết Chiến, Quyết Thắng        | Bắt đầu từ đầu Họa Đồ                         | Đến xóm Trà Thê, Gạch Ông qua trường học kênh xáng | 250                       | 300                   |         |
| 8   | Tuyến kênh xáng Hộ Phòng - Gành Hào              | Bắt đầu từ giáp ranh Khóm 3 - phường Hộ Phòng | Đến cây xăng ấp 2                                  | 250                       | 300                   |         |
| 9   | Đường GTNT Vàm Bộ Buổi - kênh Tây, xã An Trạch A | Bắt đầu từ lộ nhựa                            | Đến cầu kênh Tây                                   | 350                       | 370                   |         |
| 10  | Tuyến Kênh Giữa                                  | Bắt đầu từ lộ đal giáp đường bê tông 3,5 mét  | Đến nhà ông Đường Văn Thừa                         | 300                       | 320                   |         |

| STT | Tên đường                         | Đoạn đường                          |                                                         | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                   | Điểm đầu                            | Điểm cuối                                               |                           |                       |         |
| 11  | Chệt Khọt - Bùng Binh - Giá Rít   | Bắt đầu từ cầu Chệt Thọt            | Đến ngã ba nhà ông Lê Minh Đáng, nhà ông Huỳnh Văn Tánh | 300                       | 320                   |         |
| 12  | Tuyến Gạch Ong - Trà Thê          | Bắt đầu từ nhà ông Trần Văn Nghiệp  | Đến nhà ông Tạ Văn Ngọc                                 |                           | 280                   | Bổ sung |
| 13  | Ấp Thành Thương B, kinh Lung Nhất | Bắt đầu từ nhà bà Trần Bé Hai       | Đến nhà ông Đào Văn Khởi                                |                           | 280                   | Bổ sung |
| 14  | Ấp Ba Mến A, phía Bắc kinh Tây    | Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Khởi  | đến nhà bà Nguyễn Thị Chín                              |                           | 280                   | Bổ sung |
| 15  | Ấp 1, kinh sáu thước nhỏ          | Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Cuôi  | Đến nhà bà Lê Ngọc Thắm                                 |                           | 280                   | Bổ sung |
| 16  | Ấp 1, kinh Ba Tỉnh                | Bắt đầu từ nhà ông Đào Văn Út       | Đến nhà ông Nguyễn Minh Vương                           |                           | 280                   | Bổ sung |
| 17  | Ấp Quyết Chiến, Kinh Ba Tỉnh      | Bắt đầu từ miếu Ba Tỉnh             | Đến cầu vòm kinh Ba Tỉnh                                |                           | 280                   | Bổ sung |
| 18  | Ấp 2, kinh Trà Ké                 | Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Dương | Đến nhà ông Lê Văn Chính                                |                           | 280                   | Bổ sung |
| 19  | Ấp 2, Kinh Thanh Niên             | Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Cường  | Đến nhà ông Võ Văn Cận                                  |                           | 280                   | Bổ sung |

| STT       | Tên đường                  | Đoạn đường                            |                                                    | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----------|----------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|           |                            | Điểm đầu                              | Điểm cuối                                          |                           |                       |         |
| 20        | Áp Ba Mến                  | Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Nghét   | Đến nhà ông Huỳnh Văn Rợ nối dài ấp Thành Thưởng B |                           | 280                   | Bổ sung |
| 21        | Áp Ba Mến, tuyến Kinh Cùg  | Bắt đầu từ nhà bà Nguyễn Thị Luyến    | Đến nhà bà Giả Thị Ảnh                             |                           | 280                   | Bổ sung |
| 22        | Tuyến Chệt Bắc             | Bắt đầu từ trụ sở ấp Ba Mến A         | Đến nhà ông Trần Thanh Sơn                         |                           | 280                   | Bổ sung |
| 23        | Áp 2                       | Bắt đầu từ Trường Tiểu học Giáo Quang | Đến kênh sáu thước lớn                             |                           | 280                   | Bổ sung |
| 24        | Áp Quyết Thắng, Giá Rít    | Bắt đầu từ nhà ông Lương Văn Út       | Đến tạp hóa xanh Ngọc Lan                          |                           | 280                   | Bổ sung |
| <b>IX</b> | <b>XÃ ĐỊNH THÀNH</b>       |                                       |                                                    |                           |                       |         |
| 1         | Tuyến Lung Xình            | Bắt đầu từ cống Sáu Tiều              | Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Đẩu                |                           | 260                   | Bổ sung |
|           |                            | Bắt đầu từ cống chào ấp Lung Xình     | Đến cống chào ấp Cây Thè                           |                           | 260                   | Bổ sung |
| 2         | Tuyến Xóm Chùa - Lung Chim | Bắt đầu từ Thánh tịnh Hắc Long Môn    | Đến cầu Hai Sang, ấp Cây Giá                       |                           | 300                   | Bổ sung |

| STT      | Tên đường                                  | Đoạn đường                                                                                   |                                                                                        | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|----------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|          |                                            | Điểm đầu                                                                                     | Điểm cuối                                                                              |                           |                       |         |
|          |                                            | Bắt đầu từ nhà ông Lê Văn Toàn                                                               | Đến trụ sở ấp Lung Chim                                                                |                           | 300                   | Bổ sung |
| 3        | Tuyến Kinh Xáng - Chòi Mòi                 | Bắt đầu từ cầu Ba Tòa (giáp ranh xã An Phúc)                                                 | Đến cầu Xã Thàng (ngã ba Long Phú)                                                     |                           | 280                   | Bổ sung |
| 4        | Tuyến Trạm cấp nước - Xóm Chùa - Lung Chim | Bắt đầu từ giáp đường An Trạch - Định Thành - An Phúc                                        | Đến tiếp giáp tuyến Xóm Chùa - Lung Chim (nhà ông Lê Văn Toàn đến trụ sở ấp Lung Chim) |                           | 600                   | Bổ sung |
| <b>X</b> | <b>XÃ ĐỊNH THÀNH A</b>                     |                                                                                              |                                                                                        |                           |                       |         |
| 1        | Kinh Xáng Cống                             | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ba Nhạc - ấp Lung Rong (giáp ấp 4, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau) | Đến ngã 3 đầu xáng cống, ấp Kinh Xáng                                                  | 300                       | 420                   |         |
| 2        | Đường Lung Lá - Cây Sộp, xã Định Thành A   | Bắt đầu từ UBND xã Định Thành A                                                              | Đến cầu BT (ngã 3 Cây Sộp)                                                             | 250                       | 310                   |         |
| 3        | Tuyến Đầu Xáng Cống - Phân Màu - Cái Xu    | Bắt đầu từ miếu Bà                                                                           | Đến cống Cái Xu                                                                        | 250                       | 300                   |         |

| STT       | Tên đường                                                 | Đoạn đường                                      |                                          | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|           |                                                           | Điểm đầu                                        | Điểm cuối                                |                           |                       |         |
| 4         | Tuyến kênh sáng -<br>kênh ngang                           | Bắt đầu từ đầu kênh sáng                        | Đến hết kênh ngang                       |                           | 280                   | Bổ sung |
| 5         | Tuyến kênh Phan Mẫu<br>- Lung Lá                          | Bắt đầu từ đầu cầu Phan<br>Mẫu                  | Đến rạch Lung Lá                         |                           | 280                   | Bổ sung |
| 6         | Tuyến rạch Láng Xéo                                       | Bắt đầu từ cầu Lung Rong                        | Đến cầu Hùng Liễu                        |                           | 280                   | Bổ sung |
| <b>XI</b> | <b>XÃ AN PHÚC</b>                                         |                                                 |                                          |                           |                       |         |
| 1         | An Trạch - Định<br>Thành - An Phúc -<br>Gành Hào (ĐT.982) | Bắt đầu từ cầu Cái Keo<br>(mới)                 | Đến ranh đất nhà ông<br>Nguyễn Văn Phước | 600                       | 720                   |         |
|           |                                                           | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông<br>Nguyễn Văn Phước | Đến cầu Bà Tòa                           | 500                       | 600                   |         |
|           |                                                           | Bắt đầu từ cầu Cái Keo                          | Đến Vàm Xáng                             | 500                       | 600                   |         |
| 2         | An Phúc - Định Thành<br>ĐH.55                             | Bắt đầu từ cầu Cái Keo                          | Đến cầu Hai Miên                         | 500                       | 600                   |         |
|           |                                                           | Bắt đầu từ cầu Hai Miên                         | Đến cầu Xã Thành                         | 250                       | 375                   | Bổ sung |
| 3         | Đông Cái Keo                                              | Bắt đầu từ cầu Cái Keo<br>(mới)                 | Đến hết ranh đất nhà ông<br>Tô Văn Giàu  | 300                       | 340                   |         |
|           |                                                           | Bắt đầu từ hết ranh đất nhà<br>ông Tô Văn Giàu  | Đến nhà ông Trần Liên<br>An              |                           | 280                   | Bổ sung |

| STT | Tên đường                                 | Đoạn đường                                                                |                                             | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                           | Điểm đầu                                                                  | Điểm cuối                                   |                           |                       |         |
| 4   | Tuyến Xã Thàng -<br>Mười Chì              | Bắt đầu từ cầu Xã Thàng                                                   | Đến ranh đất ông Trần<br>Văn Sơn            | 250                       | 280                   |         |
|     |                                           | Bắt đầu từ ranh đất ông Trần<br>Văn Sơn                                   | Cầu Mười Chì                                | 250                       | 375                   |         |
| 5   | Đường Kênh Đê xã<br>An Phúc               | Bắt đầu từ cầu Rạch Bần                                                   | Đến kinh 773 Phước<br>Thắng                 | 250                       | 375                   |         |
| 6   | Vàm Sáng - 6 Thước                        | Bắt đầu từ đường nhựa<br>ĐT.982                                           | Đến kênh Sáu Thước                          | 250                       | 280                   |         |
| 7   | Đầu kênh Cái Keo -<br>hết kênh Huyện Tịnh | Từ đầu kênh Cái Keo                                                       | Đến hết kênh Huyện Tịnh                     | 250                       | 280                   |         |
| 8   | Kênh Hai Nhiệm                            | Bắt đầu từ cầu Phước Thắng<br>A                                           | Đến hết ranh đất nhà ông<br>Hà Hồng Thanh   | 250                       | 280                   |         |
|     |                                           | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông<br>Bùi Văn Năm                                | Đến ranh đất nhà ông<br>Tống Văn Thái       |                           | 250                   | Bổ sung |
| 9   | Kênh số 1                                 | Bắt đầu từ ranh Trường<br>THCS Lương Thế Vinh<br>(điểm lẻ - ấp Minh Thìn) | Đến hết ranh đất nhà ông<br>Trần Văn Lực    | 250                       | 280                   |         |
| 10  | Cống Đá                                   | Bắt đầu từ cầu Trung ương<br>Đoàn                                         | Đến hết ranh đất nhà ông<br>Nguyễn Văn Linh | 250                       | 280                   |         |

| STT | Tên đường                               | Đoạn đường                    |                                                             | Giá đất<br>2020 -<br>2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                         | Điểm đầu                      | Điểm cuối                                                   |                           |                       |         |
| 11  | Cự Gà (đường An Phúc - An Trạch: ĐH.53) | Bắt đầu từ cầu Cự Gà          | Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thức (giáp xã An Trạch) | 250                       | 280                   |         |
| 12  | Tuyến Khúc Chéo - Giếng Sen - 5 Quờn    | Bắt đầu từ cầu Khúc Tréo      | Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Quờn                    | 250                       | 280                   |         |
| 13  | Kênh Góc Khai                           | Bắt đầu từ cầu Góc Khai       | Đến cầu Ba Hòa                                              | 250                       | 375                   |         |
|     |                                         | Bắt đầu từ cầu Ba Hòa         | Đến Chùa Lá                                                 | 250                       | 280                   |         |
| 14  | Lung Su                                 | Bắt đầu từ cầu Lung Su        | Đến kênh Nhà nước (giáp xã An Trạch)                        | 250                       | 280                   |         |
| 15  | Ngã Tư Lung Su - kênh số 1              | Bắt đầu từ cầu Hội Đồng Hương | Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khởi                    | 250                       | 280                   |         |
| 16  | Lợi Điền                                | Bắt đầu từ cầu Lợi Điền       | Đến bến phà ông Trần Văn Hiền                               | 250                       | 280                   |         |
| 17  | Ngã tư Lợi Điền - kênh số 1             | Bắt đầu từ cầu Bắc Lợi Điền   | Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Quấn                      | 250                       | 375                   |         |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 03

Bảng giá điều chỉnh đất ở thị trấn, đầu mối giao thông, trung tâm xã huyện Hòa Bình - tỉnh Bạc Liêu  
(Kèm theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m<sup>2</sup>

| STT | Tên đường                             | Đoạn đường                                            |                                               | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                       | Điểm đầu                                              | Điểm cuối                                     |                        |                       |         |
| I   | THỊ TRẤN HÒA BÌNH                     |                                                       |                                               |                        |                       |         |
| 1   | Đường Lê Thị Riêng<br>(trung tâm chợ) | Quốc lộ 1 (chốt đèn đỏ)                               | Đến cầu Hòa Bình 2<br>(phía TT thương mại)    | 4,500                  | 6,500                 |         |
|     |                                       | Quốc lộ 1 (chốt đèn đỏ)                               | Đến hết cầu Hòa Bình 2<br>(phía nhà 2 Nghiêm) | 4,500                  | 6,500                 |         |
| 2   | Quốc lộ 1                             | Bắt đầu từ cầu Cái Tràm<br>(giáp ranh huyện Vĩnh Lợi) | Đến đường Trần Huỳnh<br>(nhà ông Hồng Đông)   | 2,900                  | 3,700                 |         |
|     |                                       | Bắt đầu từ đường Trần<br>Huỳnh (nhà ông Hồng<br>Đông) | Đến đường Trần Văn<br>Lắm (nhà ông Tôn Khoa)  | 3,800                  | 5,200                 |         |
|     |                                       | Bắt đầu từ đường Trần Văn                             | Đến đường Lê Thị Riêng                        | 4,500                  | 5,700                 |         |

| STT | Tên đường                                       | Đoạn đường                                       |                                | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                 | Điểm đầu                                         | Điểm cuối                      |                        |                       |         |
|     |                                                 | Lầm (nhà ông Tôn Khoa)                           | (đèn xanh, đèn đỏ)             |                        |                       |         |
|     |                                                 | Bắt đầu từ đường Lê Thị Riêng (đèn xanh, đèn đỏ) | Đến cầu Đìa Chuối              | 3,800                  | 5,200                 |         |
|     |                                                 | Bắt đầu từ qua cầu Đìa Chuối                     | Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ B     | 2,300                  | 3,400                 |         |
| 3   | Hẻm 1 (đường nhà ông Đoàn Thanh Bắc)            | Quốc lộ 1A                                       | Bờ sông kênh Bạc Liêu - Cà Mau | 300                    | 400                   |         |
| 4   | Đường Nhạc Khi (đường vào Láng Giải)            | Quốc lộ 1A lộ dưới                               | Đến cầu Láng Giải              | 400                    | 550                   |         |
| 5   | Đường Bàu Sen                                   | Bắt đầu từ trụ sở ấp Láng Giải                   | Đến giáp ranh xã Minh Diệu     | 300                    | 400                   |         |
| 6   | Đường Nguyễn Trung Trực (đường vào Láng Giải A) | Quốc lộ 1A lộ trên                               | Đến cầu Láng Giải              | 400                    | 550                   |         |
| 7   | Hẻm 3 (nhà ông Suốt)                            | Quốc lộ 1A                                       | Bờ sông kênh Bạc Liêu - Cà Mau | 300                    | 400                   |         |
| 8   | Đường 30/4 (đường Trại tạm giam)                | Quốc lộ 1A                                       | Đến Trại tạm giam              | 800                    | 1,200                 |         |

| STT | Tên đường                                                     | Đoạn đường |                                              | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                               | Điểm đầu   | Điểm cuối                                    |                        |                       |         |
| 9   | Đường Trần Huỳnh                                              | Quốc lộ 1A | Đến bờ sông kênh xáng<br>Cà Mau - Bạc Liêu   | 800                    | 1,200                 |         |
| 10  | Đường Trần Huỳnh<br>(Nội Ô Khu dân cư)                        | Quốc lộ 1A | Đến bờ sông kênh xáng<br>Cà Mau - Bạc Liêu   | 800                    | 1,200                 |         |
| 11  | Đường cấp Huyện ủy                                            | Quốc lộ 1A | Đến chùa cũ                                  | 600                    | 1,000                 |         |
| 12  | Đường Lê Quý Đôn<br>(đường Trường Tiểu<br>học Hòa Bình A)     | Quốc lộ 1A | Đến bờ sông kênh xáng<br>Cà Mau - Bạc Liêu   | 800                    | 1,200                 |         |
| 13  | Hẻm 2 (lộ nhà ông Tư<br>Thắng) ấp Thị Trấn<br>A1              | Quốc lộ 1A | Kênh chùa cũ- hẻm nhà<br>ông thầy Ngô Hán Uý | 320                    | 380                   |         |
| 14  | Đường Trần Văn Lắm<br>- đường sân vận động<br>(ấp Thị Trấn A) | Quốc lộ 1A | Đến bờ sông kênh xáng<br>Bạc Liêu - Cà Mau   | 550                    | 850                   |         |
| 15  | Hẻm 4 (lộ tẻ cấp bưu<br>điện) ấp Thị Trấn A1                  | Quốc lộ 1A | Đến hết ranh đất nhà<br>ông Sơn Lợi          | 400                    | 600                   |         |
| 16  | Đường cấp Hội Đồng<br>y ấp Thị Trấn A                         | Quốc lộ 1A | Đến bờ sông kênh xáng<br>Bạc Liêu - Cà Mau   | 750                    | 1,000                 |         |

| STT | Tên đường                                         | Đoạn đường                              |                                 | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                   | Điểm đầu                                | Điểm cuối                       |                        |                       |         |
| 17  | Hẻm 6 (hẻm Phòng Tài chính cũ) ấp Thị Trấn A1     | Bắt đầu từ Phòng Tài chính cũ           | Đến hết ranh đất nhà ông Quận   | 300                    | 420                   |         |
| 18  | Hẻm 8 (đường nhà ông Bùi Huy Chúc) ấp Thị Trấn A1 | Quốc lộ 1A                              | Đến kênh chùa cũ                | 300                    | 400                   |         |
| 19  | Hẻm nhà bà Ky                                     | Quốc lộ 1A                              | Đến hết ranh đất nhà ông Trường | 300                    | 400                   |         |
| 20  | Hẻm 10 (đường Hòa Bình - Minh Diệu)               | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Chấn     | Đến giao lộ                     | 400                    | 800                   |         |
| 21  | Đường Trần Văn Hộ (lộ Hòa Bình - Minh Diệu)       | Quốc lộ 1A (đèn xanh, đèn đỏ)           | Đến giao lộ                     | 800                    | 3,000                 |         |
|     |                                                   | Bắt đầu từ giao lộ (ngã ba nhà ông Hào) | Đến cầu Hàng Bần                | 620                    | 1,800                 |         |
|     |                                                   | Cầu Hàng Bần                            | Đến giáp ranh xã Minh Diệu      | 350                    | 1,000                 |         |
| 22  | Đường 19/5 (đường quây hàng thanh niên)           | Quốc lộ 1A                              | Đến kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu | 3,500                  | 4,000                 |         |
| 23  | Đường 1/5 (đường                                  | Bắt đầu từ ranh đất nhà thầy            | Đến cổng chợ mới                | 3,500                  | 4,000                 |         |

| STT | Tên đường                                | Đoạn đường                                          |                                                         | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                          | Điểm đầu                                            | Điểm cuối                                               |                        |                       |         |
|     | chợ giữa)                                | Quý (Quốc lộ 1)                                     |                                                         |                        |                       |         |
| 24  | Hẻm 7 (đường nhà Bác sĩ Lầu)             | Bắt đầu từ ranh đất nhà Bác sĩ Lầu (Quốc lộ 1)      | Đến hết ranh đất nhà ông 6 Phước (lộ kênh xáng CM - BL) | 350                    | 400                   |         |
| 25  | Hẻm 9 (đường cấp Chùa Mới) ấp Thị Trấn B | Quốc lộ 1A                                          | Đến kênh xáng Bạc Liêu - Cà Mau                         | 350                    | 450                   |         |
| 26  | Đường cấp bệnh viện                      | Quốc lộ 1A                                          | Đến hết ranh đất nhà ông Bùi Văn Tươi                   | 300                    | 600                   |         |
| 27  | Hẻm 12 (cầu Đìa Chuối) ấp Thị Trấn B1    | Quốc lộ 1A                                          | Đến giáp ranh ấp 15, xã Vĩnh Mỹ B                       | 280                    | 320                   |         |
| 28  | Hẻm 16 (đường nhà ông Bành Út)           | Quốc lộ 1A                                          | Đến hết ranh đất nhà bà Thạch Thị Phước                 | 280                    | 320                   |         |
| 29  | Đường 3/2 (đường cấp kênh xáng)          | Bắt đầu từ cầu chợ Hòa Bình                         | Đến chùa Hòa Bình mới                                   | 750                    | 900                   |         |
|     |                                          | Bắt đầu từ cầu chợ Hòa Bình                         | Đến sân vận động (ngã ba đường Trần Văn Lắm)            | 750                    | 900                   |         |
|     |                                          | Bắt đầu từ sân vận động (ngã ba đường Trần Văn Lắm) | Đến hết ranh Khu dân cư ven sông                        | 520                    | 650                   |         |

| STT | Tên đường                     | Đoạn đường                                  |                                        | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                               | Điểm đầu                                    | Điểm cuối                              |                        |                       |         |
|     |                               | Bắt đầu hết ranh Khu dân cư ven sông        | Đến vừa cát đá ông Hiệp                | 400                    | 500                   |         |
| 30  | Đường nhà Ba Công             | Bắt đầu từ ranh đất Trường Mầm non Hoa Hồng | Đến đường Lò Gạch (nhà Sáu Giáo)       | 500                    | 800                   |         |
| 31  | Lộ giáp khu Lò Gạch           | Bắt đầu từ ranh đất nhà Hai Niên            | Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Công Giả | 400                    | 480                   |         |
| 32  | Đường nhà ông Liêu Tài Ngóanh | Bắt đầu từ sân vận động                     | Đầu lộ vào chợ Hòa Bình (nhà ông Bắc)  | 400                    | 550                   |         |
| 33  | Bảy Tập Kết                   | Bắt đầu từ sông kênh xáng Bạc Liêu - Cà Mau | Đến hết ranh đất nhà ông Cao Cũ        | 480                    | 600                   |         |
| 34  | Đường Đông Thắng              | Bắt đầu giáp đường Nguyễn Trung Trực        | Đến hết ranh đất nhà ông Nhàn          | 300                    | 400                   |         |
| 35  | Đường Cựa Gà                  | Bắt đầu giáp đường Nguyễn Trung Trực        | Đến hết ranh đất nhà ông Vũ            | 280                    | 350                   |         |
| 36  | Lộ nhà ông Phước              | Bắt đầu giáp đường Nguyễn Trung Trực        | Đến hết ranh đất nhà ông Một           | 280                    | 400                   |         |
| 37  | Đường nhà ông Năm Thanh       | Bắt đầu giáp đường Trần Văn Hộ              | Đến hết ranh đất ấp Thị Trán A1        | 300                    | 500                   |         |
|     |                               | Bắt đầu hết ranh đất ấp Thị                 | Đến cầu Đoàn Thanh                     | 300                    | 400                   |         |

| STT | Tên đường                              | Đoạn đường                                          |                                            | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                        | Điểm đầu                                            | Điểm cuối                                  |                        |                       |         |
|     |                                        | Trần A1                                             | Niên Láng Giải                             |                        |                       |         |
| 38  | Tuyến đường sau chùa cũ                | Bắt đầu từ cầu Sơn Lợi                              | Đến chùa cũ                                | 300                    | 350                   |         |
| 39  | Đường chùa cũ- Láng Giải               | Bắt đầu từ cầu Lâm Út                               | Đến đường Nhạc Khì (Láng Giải)             | 400                    | 600                   |         |
| 40  | Ấp Thị Trần B                          | Bắt đầu giáp hẻm 9                                  | Đến hết ranh đất nhà ông Lượ (QL1)         | 350                    | 400                   |         |
| 41  | Đường vào trụ sở ấp Thị Trần B         | Bắt đầu giáp đường Trần Văn Hộ                      | Đến trụ sở ấp Thị Trần B                   | 300                    | 800                   |         |
| 42  | Hẻm cặp nhà ông Hai Nghiêm             | Bắt đầu giáp đường Lê Thị Riêng                     | Đến hết ranh đất nhà bà Diệp               | 320                    | 400                   |         |
| 43  | Đường kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu      | Bắt đầu từ giáp ranh xã Long Thạnh (huyện Vĩnh Lợi) | Đến kênh 6 Tập (xã giáp ranh xã Vĩnh Mỹ A) | 450                    | 550                   |         |
| 44  | Đường kênh 30/4                        | Bắt đầu từ ranh đất Trại cây Năm Hiển               | Đến ấp Toàn Thắng - Vĩnh Hậu               | 300                    | 500                   |         |
| 45  | Đường Lê Thị Riêng (đường đi Vĩnh Hậu) | Bắt đầu từ cầu Hòa Bình 2                           | Đến hết ranh đất Điện lực                  | 460                    | 3,000                 |         |
|     |                                        | Bắt đầu hết ranh đất Điện lực                       | Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ A                 | 400                    | 1,200                 |         |

| STT       | Tên đường                                       | Đoạn đường                                 |                                            | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|           |                                                 | Điểm đầu                                   | Điểm cuối                                  |                        |                       |         |
| 46        | Đường Phan Thị Tư<br>(lộ Hòa Bình - Vĩnh Mỹ A)  | Bắt đầu từ ngã ba đường Lê Thị Riêng       | Đến hết ranh đất Trường Mầm non Hoàng Oanh | 400                    | 2,000                 |         |
|           |                                                 | Đến hết ranh đất Trường Mầm non Hoàng Oanh | Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ A                 | 400                    | 1,000                 |         |
| 47        | Áp Chùa Phật                                    | Bắt đầu từ cầu Dương Châu                  | Đến kênh ông Bầu                           | 300                    | 380                   |         |
| 48        | Tuyến Xóm Chạy                                  | Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Mỹ A         | Đến hết ranh đất nhà ông Sơn Xưa           | 300                    | 380                   |         |
| 49        | Rạch Miếu Bà                                    | Bắt đầu từ cầu Cái Tràm                    | Đến kênh Cái Phóc                          | 300                    | 400                   |         |
| 50        | Kênh 18 Thước (ấp Thị Trấn A1 ấp Láng Giải)     | Bắt đầu từ ranh đất nhà Cô Hạnh            | Đến hết ranh đất nhà Cô Ba                 | 250                    | 300                   |         |
|           |                                                 | Bắt đầu từ kênh 18 thước                   | Đến giáp ấp 21, xã Minh Diệu               |                        | 280                   | Bổ sung |
| 51        | Tuyến đường ấp Láng Giải A - giáp xã Long Thạnh | Bắt đầu từ nhà ông Sáu Nhỏ                 | Đến hết ranh đất nhà ông Tám Quý           |                        | 280                   | Bổ sung |
| <b>II</b> | <b>XÃ MINH DIỆU</b>                             |                                            |                                            |                        |                       |         |
| 1         | Tuyến đường ấp 21                               | Bắt đầu từ giáp ranh thị trấn Hòa Bình     | Đến nhà ông Nghiêm                         | 500                    | 800                   |         |



| STT | Tên đường                   | Đoạn đường                                  |                                                                          | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                             | Điểm đầu                                    | Điểm cuối                                                                |                        |                       |         |
|     |                             | Bắt đầu từ nhà ông Nghiêm                   | Đến nhà ông Thông                                                        | 700                    | 1,000                 |         |
|     |                             | Bắt đầu từ cầu xã Minh Diệu                 | Đến chùa Đìa Chuối<br>đường đi xã Vĩnh Bình                              | 320                    | 450                   |         |
| 2   | Tuyến đường ấp Ninh Lợi     | Bắt đầu từ nhà ông Thông                    | Đến cầu Đoàn Thanh niên                                                  | 450                    | 800                   |         |
| 3   | Đường Trảng Bèo             | Bắt đầu từ cầu nhà ông Dương Văn Thạch      | Đến hết ranh đất nhà Ngô Thị Út Hồng (giáp ranh xã Vĩnh Hưng - Vĩnh Lợi) | 250                    | 280                   |         |
| 4   | Tuyến đường ấp 21           | Bắt đầu từ cầu giữa (nhà ông Nguyễn Văn Kỳ) | Đến cầu Thanh Niên (nhà ông Trang Văn Út)                                | 250                    | 280                   |         |
|     |                             | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm             | Đến giáp ấp Thị Trấn B - thị trấn Hòa Bình                               | 250                    | 280                   |         |
| 5   | Tuyến đường ấp 33           | Bắt đầu từ cầu xã Minh Diệu                 | Đến cầu Cẩm Vân                                                          | 320                    | 450                   |         |
| 6   | Tuyến Xóm Trại              | Đầu cầu nhà ông 3 Oai                       | Đến vàm Xã Xín (nhà ông Nhường)                                          | 250                    | 280                   |         |
| 7   | Đường cầu Miếu ấp 33, ấp 36 | Bắt đầu từ cầu Miếu ấp 33                   | Đến cầu nhà bà Lù                                                        | 250                    | 280                   |         |
| 8   | Lộ Cầu Sập - Ninh           | Bắt đầu từ cầu Bảy Phát                     | Đến cống nhà ông Bảo                                                     | 500                    | 800                   |         |

| STT | Tên đường                   | Đoạn đường                          |                                  | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                             | Điểm đầu                            | Điểm cuối                        |                        |                       |         |
|     | Quới                        |                                     | (giáp ranh xã Vĩnh Hưng)         |                        |                       |         |
| 9   | Tuyến ấp 36                 | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ba Được | Đến ấp 38 giáp Láng Giải         | 250                    | 350                   |         |
| 10  | Tuyến ấp 33                 | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Kiều    | Đến ngã tư Trà Co (nhà ông Kía)  | 250                    | 500                   |         |
| 11  | Tuyến cầu Ba Bồi            | Bắt đầu từ cầu Bà Bồi               | Đến hết ranh đất nhà bà Tú Anh   | 250                    | 300                   |         |
| 12  | Tuyến ấp Trà Co             | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chiến   | Đến đầu cầu Tư Quân              | 250                    | 280                   |         |
| 13  | Tuyến Ninh Lợi              | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 3 Huy   | Đến hết ranh đất nhà ông Chêl    | 250                    | 280                   |         |
| 14  | Tuyến ấp Cá rô - 37         | Bắt đầu từ cầu ông Cảnh             | Đến hết ranh đất nhà ông 3 Thiện | 250                    | 280                   |         |
| 15  | Tuyến ấp Trà Co - Hậu Bồi   | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chiến   | Đến hết ranh đất nhà ông 6 Huân  | 250                    | 280                   |         |
| 16  | Tuyến Hậu Bồi 1 - Hậu Bồi 2 | Bắt đầu từ đầu cầu nhà Sáu Lương    | Đến đầu cầu nhà ông Mạnh         | 250                    | 280                   |         |
| 17  | Tuyến Hậu Bồi 2             | Bắt đầu từ đầu cầu nhà ông          | Đến đầu cầu nhà ông              | 250                    | 280                   |         |

| STT | Tên đường                 | Đoạn đường                                           |                                                           | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                           | Điểm đầu                                             | Điểm cuối                                                 |                        |                       |         |
|     |                           | Mạnh                                                 | Trường                                                    |                        |                       |         |
| 18  | Tuyến ấp 37               | Bắt đầu từ cầu nhà Sơn Đình                          | Đến cầu nhà ông Tùng,<br>giáp xã Long Thạnh<br>(Vĩnh Lợi) | 250                    | 280                   |         |
| 19  | Tuyến ấp 38               | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông<br>Chót (ngã tư Bàu Sen) | Đến hết ranh đất nhà ông<br>Đèo                           | 250                    | 280                   |         |
| 20  | Đường ấp Hậu Bồi I        | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông<br>Bộ                    | Đến hết ranh đất nhà<br>ông Út Chiến                      | 250                    | 280                   |         |
| 21  | Đường ấp 37               | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông<br>Sơn                   | Đến hết ranh đất nhà<br>ông Lộc                           | 250                    | 280                   |         |
| 22  | Ấp Nam Hưng               | Bắt đầu từ cầu nhà ông Oai                           | Đến hết ranh đất nhà<br>ông Đoàn Văn Thanh                | 250                    | 280                   |         |
| 23  | Ấp Nam Hưng - ấp Cá<br>Rô | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông<br>Hậu                   | Đến cầu ông Phạm<br>Thanh Hải                             | 250                    | 280                   |         |
| 24  | Ấp Hậu Bồi 1              | Bắt đầu từ cầu Đoàn                                  | Đến hết ranh đất nhà<br>ông Gọn                           | 200                    | 260                   |         |
| 25  | Ấp 36                     | Bắt đầu từ Miếu ấp 36                                | Đến hết ranh đất nhà bà<br>Chín Hiệm                      | 200                    | 260                   |         |

| STT        | Tên đường                          | Đoạn đường                             |                                 | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|------------|------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|            |                                    | Điểm đầu                               | Điểm cuối                       |                        |                       |         |
| 26         | Ấp Cá rô - ấp 36                   | Bắt đầu từ cầu Chùa                    | Đến cầu ông Ân                  | 200                    | 260                   |         |
| 27         | Tuyến đường Cui, ấp 37 - 38        | Bắt đầu từ cầu ông Ba Thành            | Đến nhà ông Long                | 200                    | 260                   |         |
| 28         | Ấp 37 - ấp 36                      | Bắt đầu từ cầu Tư Khiêu                | Đến cầu ông Sung                | 300                    | 400                   |         |
| 29         | Ấp Trà Co                          | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ứng        | Đến hết ranh đất nhà ông Dũng   | 200                    | 260                   |         |
| 30         | Tuyến đường ấp Trà Co - Hậu Bồi II | Bắt đầu từ nhà Bà Màu                  | Đến nhà Bà Út                   |                        | 280                   | Bổ sung |
| 31         | Tuyến đường Cá rô, ấp Cá rô        | Bắt đầu từ cầu nhà ông Tư Hanh         | Đến nhà ông Khởi (cầu Từ Thiện) |                        | 260                   | Bổ sung |
| 32         | Tuyến đường ấp Trà Co - Cá rô      | Bắt đầu từ cầu Xà Nâu                  | Đến nhà ông Đường               |                        | 260                   | Bổ sung |
| <b>III</b> | <b>XÃ VĨNH MỸ B</b>                |                                        |                                 |                        |                       |         |
| 1          | Quốc lộ 1                          | Bắt đầu từ giáp ranh thị trấn Hòa Bình | Đến hết ranh đất nhà thờ        | 2,100                  | 3,000                 |         |
|            |                                    | Bắt đầu từ hết ranh đất nhà thờ        | Đến Cầu Số 2                    | 2,300                  | 2,800                 |         |

| STT | Tên đường                  | Đoạn đường                      |                              | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                            | Điểm đầu                        | Điểm cuối                    |                        |                       |         |
|     |                            | Bắt đầu từ Cầu Số 2             | Đến Cầu Số 3                 | 2,500                  | 3,000                 |         |
|     |                            | Bắt đầu từ Cầu Số 3             | Đến cầu Xóm Lung             | 1,800                  | 2,400                 |         |
| 2   | Lộ tẻ tránh dốc Cầu Số 2   | Quốc lộ 1                       | Đến giao lộ (ngã 3)          | 3,000                  | 3,800                 |         |
| 3   | Lộ cũ                      | Quốc lộ 1                       | Đến giao lộ (ngã 3)          | 1,000                  | 1,400                 |         |
| 4   | Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long | Bắt đầu từ giao lộ (ngã 3)      | Đến cổng Tư Lù               | 900                    | 1,200                 |         |
|     |                            | Bắt đầu từ cổng Tư Lù           | Đến giáp xã Vĩnh Bình        | 750                    | 900                   |         |
| 6   | An Khoa - An Thành         | Quốc lộ 1                       | Đến cầu ông Ớt               | 400                    | 520                   |         |
| 7   | An Khoa - An Thành         | Bắt đầu từ cầu ông Ớt           | Đến hết ranh đất nhà ông Tới | 250                    | 300                   |         |
|     |                            | Bắt đầu từ cầu ông Ngươn        | Đến cầu ông Kim              | 250                    | 300                   |         |
|     |                            | Bắt đầu từ cầu ông Kim          | Đến giáp thị trấn Hòa Bình   | 250                    | 300                   |         |
|     |                            | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tới | Đến kênh ông Đơn             | 250                    | 300                   |         |
|     |                            | Bắt đầu từ kênh ông Đơn         | Đến cầu nhà ông 6 Hoài       | 250                    | 300                   |         |

| STT | Tên đường                         | Đoạn đường                   |                              | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                   | Điểm đầu                     | Điểm cuối                    |                        |                       |         |
|     |                                   | Bắt đầu từ cầu nhà ông Thắng | Đến cầu Thanh Niên           | 250                    | 300                   |         |
| 8   | Đường xóm Lung -<br>Đồng Lớn 1    | Bắt đầu từ cầu xóm Lung      | Đến cầu Tư Chứa              | 250                    | 300                   |         |
| 9   | Đường Chệt Niêu -<br>Đồng Lớn 2   | Bắt đầu từ cầu Chệt Niêu     | Đến cầu Vĩnh Phong 21        | 350                    | 440                   |         |
|     |                                   | Bắt đầu từ cầu Vĩnh Phong 21 | Đến giáp ranh thị xã Giá Rai | 250                    | 300                   |         |
|     |                                   | Bắt đầu từ cầu nhà ông Thi   | Giáp ranh thị xã Giá Rai     | 250                    | 300                   |         |
| 10  | Đường Đài Loan                    | Quốc lộ 1                    | Đến kênh HB 24               | 300                    | 360                   |         |
| 11  | Bờ Đông kinh Vĩnh Mỹ - Phước Long | Quốc lộ 1                    | Đến cống Cầu Số 2            | 300                    | 400                   |         |
|     |                                   | Bắt đầu từ cống Cầu Số 2     | Đến giáp ranh xã Vĩnh Bình   | 250                    | 400                   |         |
|     |                                   | Bắt đầu từ cống chào HB24    | Đến cầu nhà ông Đồi          | 250                    | 300                   |         |
| 12  | Đường Cày                         | Bắt đầu từ cầu 3 Cuối        | Đến cầu Cây Dương            | 250                    | 300                   |         |
|     |                                   | Bắt đầu từ cầu nhà ông Tùng  | Đến cầu nhà ông Ngươn        | 250                    | 300                   |         |

| STT | Tên đường                            | Đoạn đường                                    |                                             | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                      | Điểm đầu                                      | Điểm cuối                                   |                        |                       |         |
|     |                                      | Bắt đầu từ cầu nhà ông Việt                   | Đến hết ranh trụ sở HTX<br>Vĩnh Cường       | 250                    | 300                   |         |
| 13  | Tuyến Hàng Me                        | Bắt đầu từ Cầu Số 3                           | Đến cầu Út Duy                              | 250                    | 300                   |         |
|     |                                      | Bắt đầu từ cầu Út Duy                         | Đến cầu Cây Dương                           | 250                    | 300                   |         |
|     |                                      | Quốc lộ 1                                     | Đến hết ranh đất nhà<br>ông Huỳnh Công Tiến | 250                    | 300                   |         |
|     |                                      | Quốc lộ 1                                     | Đến hết ranh đất nhà<br>ông Hải             | 250                    | 300                   |         |
| 14  | Đồng Lớn 1                           | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông<br>Tư Thuyền      | Đến cầu nhà bà Sương                        | 250                    | 300                   |         |
| 15  | Tuyến bờ kinh Vĩnh<br>Phong 21       | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông<br>Hưng           | Đến cầu Hàng Me                             | 250                    | 300                   |         |
| 16  | Tuyến đường cày                      | Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn<br>Văn Thát         | Đến nhà ông Huỳnh Văn<br>Khuôl              |                        | 300                   | Bổ sung |
| 17  | Tuyến kênh Vĩnh<br>Phong 21 (bờ Nam) | Bắt đầu từ cầu Út Duy                         | Đến nhà ông Lý Văn<br>Chạy                  |                        | 300                   | Bổ sung |
| 18  | Tuyến sau nhà thờ                    | Bắt đầu từ giáp Quốc lộ 1A<br>(nhà ông Chính) | Đến giáp Quốc lộ 1A<br>(nhà ông Tuấn)       |                        | 300                   | Bổ sung |

| STT       | Tên đường                         | Đoạn đường                          |                              | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|           |                                   | Điểm đầu                            | Điểm cuối                    |                        |                       |         |
| 19        | Tuyến An Khoa - An Thành          | Bắt đầu giáp lộ An Khoa - An Thành  | Đến nhà ông Võ Văn Nam       |                        | 280                   | Bổ sung |
| 20        |                                   | Bắt đầu từ cầu ông Kim              | Đến nhà ông Danh Khel        |                        | 280                   | Bổ sung |
| 21        | Tuyến cây Dương - Đồng Lớn 1      | Bắt đầu từ cầu nhà ông Ngô Đồng Xia | Đến kênh 900                 |                        | 280                   | Bổ sung |
| 22        | Tuyến Đồng Lớn 1                  | Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Thanh Sang | Đến nhà ông Huỳnh Minh Điền  |                        | 280                   | Bổ sung |
| 23        | Tuyến Đồng Lớn 2                  | Bắt đầu từ cầu trường học           | Đến nhà bà Đặng Thị Lựa      |                        | 280                   | Bổ sung |
| 24        | Tuyến đường Xóm Lung - Đồng Lớn 1 | Bắt đầu từ cầu Láng Tranh           | Đến nhà ông Nguyễn Ngọc Tinh |                        | 280                   | Bổ sung |
| 25        | Tuyến NT                          | Bắt đầu từ cầu Ba Châu              | Đến kênh TNNĐ                |                        | 280                   | Bổ sung |
| 26        | Tuyến Hàng Me                     | Bắt đầu giáp cầu ông Te             | Đến cầu nhà ông Thành        |                        | 280                   | Bổ sung |
| 27        | Tuyến NT                          | Bắt đầu từ cầu nhà ông Thành        | Đến giáp kênh Vĩnh Phong 17  |                        | 280                   | Bổ sung |
| <b>IV</b> | <b>XÃ VĨNH BÌNH</b>               |                                     |                              |                        |                       |         |
| 1         | Vĩnh Mỹ - Phước                   | Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh        | Đến hết ranh đất nhà bà      | 700                    | 880                   |         |



| STT | Tên đường                   | Đoạn đường                                |                                   | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                             | Điểm đầu                                  | Điểm cuối                         |                        |                       |         |
|     | Long                        | Mỹ B                                      | Dương Ánh Tuyết                   |                        |                       |         |
|     |                             | Từ hết ranh đất nhà bà<br>Dương Ánh Tuyết | Đến lộ tẻ 18 - 19                 | 1,000                  | 1,250                 |         |
|     |                             | Bắt đầu từ lộ tẻ 18 - 19                  | Đến giáp ranh huyện<br>Phước Long | 700                    | 880                   |         |
| 2   | Lộ tẻ                       | Bắt đầu từ lộ Vĩnh Mỹ -<br>Phước Long     | Đến hết ranh đất nhà<br>ông Cường | 700                    | 800                   |         |
| 3   | Lộ tẻ                       | Bắt đầu từ cầu Bàu Sàng                   | Đến cổng Bảy Quân                 | 700                    | 800                   |         |
| 4   | Lộ tẻ đi Minh Diệu          | Bắt đầu từ cầu Bàu Sàng 2                 | Đến cầu chùa Địa Chuối            | 310                    | 380                   |         |
| 5   | Lộ Ké Phòng - Mỹ<br>Phú Nam | Bắt đầu từ cầu Bàu Sàng 2                 | Đến trụ sở ấp Mỹ Phú<br>Nam       | 310                    | 380                   |         |
| 6   | Tuyến kênh HB 16            | Bắt đầu từ kênh HB 16 (đầu<br>kênh)       | Đến kênh HB 16 (cuối<br>kênh)     | 310                    | 380                   |         |
| 7   | Tuyến kênh HB 18            | Bắt đầu từ cầu ông Minh<br>(kênh HB 18)   | Đến kênh HB 18 (cuối<br>kênh)     | 250                    | 280                   |         |
| 8   | Lộ Minh Hòa                 | Bắt đầu từ cầu nhà ông Đầy                | Đến cầu Trung ương<br>Đoàn        | 310                    | 380                   |         |

| STT | Tên đường                     | Đoạn đường                               |                                                 | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                               | Điểm đầu                                 | Điểm cuối                                       |                        |                       |         |
| 9   | Lộ Thanh Hưng II - Mỹ Phú Nam | Bắt đầu từ cầu Trung ương Đoàn           | Đến giáp xã Hưng Phú                            | 250                    | 280                   |         |
| 10  | Đường Cây Đông                | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà 2 Miên        | Đến hết ranh đất nhà bà Nguyệt                  | 250                    | 280                   |         |
| 11  | Tuyến Cây Đông Cựa Gà         | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mót          | Đến hết ranh đất nhà bà Lài                     | 250                    | 280                   |         |
| 12  | Lộ Minh Hòa                   | Bắt đầu từ cầu Trung ương Đoàn           | Đến giáp kênh HB                                | 250                    | 280                   |         |
| 13  | Lộ tẻ Thanh Sơn               | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Lắm | Đến giáp Vĩnh Mỹ B                              | 250                    | 280                   |         |
| 14  | Tuyến ấp Thanh Sơn            | Bắt đầu từ cầu chùa Đìa Chuối            | Đến hết ranh đất nhà ông 4 Dứt (giáp Vĩnh Mỹ B) | 250                    | 280                   |         |
| 15  | Lộ tẻ ấp 17 - 20              | Bắt đầu từ cầu Đình 17 - 20              | Đến hết ấp 20 (giáp xã Phong Thạnh Đông)        | 250                    | 280                   |         |
| 16  | Tuyến kênh Vĩnh Phong ấp 17   | Bắt đầu từ ranh đất kho đạn              | Đến ngã 3 cầu Châu                              | 280                    | 350                   |         |
| 17  | Tuyến đường ấp 17             | Bắt đầu từ ngã 3 cầu Châu                | Đến cầu Bàu Sàng                                | 280                    | 350                   |         |

| STT | Tên đường                          | Đoạn đường                               |                                        | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                    | Điểm đầu                                 | Điểm cuối                              |                        |                       |         |
| 18  | Lộ tế ấp Thanh Sơn                 | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Lắm | Đến giáp Vĩnh Mỹ B                     | 250                    | 280                   |         |
| 19  | Đường 18 - 19                      | Bắt đầu từ cổng nhà 7 Quân               | Đến giáp xã Phong Thạnh Đông (Giá Rai) | 400                    | 480                   |         |
| 20  | Lộ Ninh Lợi                        | Bắt đầu từ cầu chùa Đìa Chuối            | Đến cầu Trung ương Đoàn                | 310                    | 380                   |         |
| 21  | Đường Thanh Sơn                    | Bắt đầu từ cầu Trung ương Đoàn           | Đến hết ranh đất nhà ông Tuấn          | 250                    | 280                   |         |
| 22  | Lộ 19                              | Bắt đầu từ trụ sở ấp 19                  | Đến hết ranh đất nhà ông Linh          | 250                    | 280                   |         |
| 23  | Đường Mỹ Phú Nam                   | Bắt đầu từ cầu nhà ông Nghiệp            | Đến kênh thủy nông nội đồng            | 250                    | 280                   |         |
| 24  | Tuyến đường 17 - 19                | Bắt đầu từ cầu Trâu                      | Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Đông      |                        | 280                   | Bổ sung |
| 25  | Tuyến đường ấp Ninh Lợi            | Bắt đầu từ nhà ông Khô                   | Đến nhà ông Danh Vệ                    |                        | 280                   | Bổ sung |
| 26  | Tuyến đường ấp Kế Phòng - Minh Hòa | Bắt đầu từ nhà ông Đầy                   | Đến nhà ông Trường                     |                        | 280                   | Bổ sung |

| STT      | Tên đường                   | Đoạn đường                                      |                                                 | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|----------|-----------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|          |                             | Điểm đầu                                        | Điểm cuối                                       |                        |                       |         |
| 27       | Tuyến đường 18 - 19         | Bắt đầu từ chùa ấp 18                           | Đến nhà ông Bét                                 |                        | 280                   | Bổ sung |
| <b>V</b> | <b>XÃ VĨNH HẬU A</b>        |                                                 |                                                 |                        |                       |         |
| 1        | Đường Giồng Nhân - Gành Hào | Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Hậu                | Đến giáp ranh phường Nhà Mát                    | 600                    | 800                   |         |
| 2        | Đường Đê Đông (đê biển)     | Bắt đầu từ giáp ranh phường Nhà Mát             | Đến giáp ranh xã Vĩnh Hậu                       | 500                    | 600                   |         |
| 3        | Tuyến kênh 7 (phía Tây)     | Đê Đông                                         | Đến giáp kênh Giồng Me ấp 17                    | 350                    | 400                   |         |
| 4        | Đường kênh 9 (phía Tây)     | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Năm Ánh              | Đến giáp lộ Cây Gừa                             | 350                    | 400                   |         |
| 5        | Tuyến phía Đông kênh 12     | Bắt đầu từ cầu 12 (đường Giồng Nhân - Gành Hào) | Đến giáp trụ sở ấp Cây Gừa                      | 350                    | 400                   |         |
| 6        | Tuyến phía Đông Tây 12      | Bắt đầu từ cầu kênh 12                          | Đến nhà ông Huỳnh Văn Hiền (ấp 13, xã Vĩnh Hậu) |                        | 350                   | Bổ sung |
| 7        | Tuyến đường Cây Gừa         | Bắt đầu từ ấp Cây Gừa                           | Đến hết ranh đất nhà ông Lộc giáp Phường 2      | 250                    | 280                   |         |
| 8        | Tuyến đường Cây             | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông                     | Đến cầu Thanh Niên                              | 250                    | 280                   |         |

| STT | Tên đường                | Đoạn đường                                 |                                          | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|--------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                          | Điểm đầu                                   | Điểm cuối                                |                        |                       |         |
|     | Gừa - Giồng Tra          | Lâm Phước Sơn                              |                                          |                        |                       |         |
| 9   | Tuyến phía Bắc Giồng Tra | Bắt đầu từ cầu Thanh Niên                  | Đến kênh Cây Mét giáp Phường 8           | 250                    | 280                   |         |
| 10  | Đường kênh 7 (phía Đông) | Bắt đầu từ đường Giồng Nhãn - Gành Hào     | Đến giáp kênh Giồng Me ấp 17             | 250                    | 280                   |         |
| 11  | Tuyến kênh 9 (phía Đông) | Bắt đầu từ Đê Đông                         | Đến đường Giồng Nhãn - Gành Hào          | 350                    | 380                   |         |
| 12  | Tuyến Đông kênh 12       | Bắt đầu từ Đê Đông                         | Đến cầu kênh 12                          | 600                    | 600                   |         |
| 13  | Tuyến Tây kênh 12        | Bắt đầu từ Đê Đông                         | Đến cầu kênh 12                          | 300                    | 350                   |         |
| 14  | Tuyến Tây Giồng Tra      | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lộc ấp Cây Gừa | Đến giáp cầu nhà ông Lượm (ấp Giồng Tra) | 250                    | 280                   |         |
| 15  | Chợ tạm ấp 15            | Bắt đầu từ chợ tạm ấp 15                   | Đến cầu kênh 1 ấp 15                     | 250                    | 280                   |         |
| 16  | Đê Đông kênh 6 ấp 15     | Bắt đầu từ Đê Đông                         | Đến kênh 2 ấp 15                         | 250                    | 280                   |         |
| 17  | Kênh ranh ấp 17          | Bắt đầu từ kênh 7                          | Đến kênh 9                               | 250                    | 280                   |         |
| 18  | Khu dân tộc Khmer        | Bắt đầu từ đường Giồng Nhãn - Gành Hào     | Đến kênh 1 ấp 6                          | 250                    | 280                   |         |
| 19  | Lộ bê tông phía Nam      | Bắt đầu từ cầu Thanh Niên                  | Đến hết ranh đất nhà                     | 250                    | 280                   |         |

| STT | Tên đường                 | Đoạn đường                            |                              | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------|---------------------------------------|------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                           | Điểm đầu                              | Điểm cuối                    |                        |                       |         |
|     | kênh Giồng Tra            |                                       | ông Huỳnh Tấn Đạt            |                        |                       |         |
| 20  | Lộ bê tông kênh 1 ấp 16   | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Khiết     | Đến giáp Vườn chim           | 250                    | 280                   |         |
| 21  | Lộ bê tông kênh Cựa Gà    | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hiền      | Đến giáp kênh 5 ấp 12        | 250                    | 280                   |         |
| 22  | Lộ bê tông kênh giáp ranh | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông tám Hoàng | Đến giáp kênh Phường 2       | 250                    | 280                   |         |
| 23  | Kênh 4 ấp 15              | Bắt đầu từ kênh Trường Sơn            | Đến Đê Đông                  | 250                    | 280                   |         |
| 24  | Kênh 6 ấp 17              | Bắt đầu từ giáp kênh số 7             | Đến giáp nhà ông Dư          | 250                    | 280                   |         |
| 25  | Lộ bê tông kênh 7         | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thu Ba     | Đến giáp kênh 9              | 250                    | 280                   |         |
| 26  | Phía Tây kênh số 4 ấp 15  | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nghĩa     | Đến giáp kênh Trường Sơn 2   | 250                    | 280                   |         |
| 27  | Lộ bê tông (kênh 130)     | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nghĩa     | Giáp Đê Đông                 | 250                    | 280                   |         |
| 28  | Phía Tây cầu Dàn Xây      | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Xuân       | Giáp kênh Giồng Me - cây Dừa | 250                    | 280                   |         |

| STT       | Tên đường                          | Đoạn đường                            |                                    | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|           |                                    | Điểm đầu                              | Điểm cuối                          |                        |                       |         |
| 29        | Lộ bê tông                         | Bắt đầu từ cầu Thanh Niên             | Giáp nhà ông Tô Thành Lâm          | 250                    | 280                   |         |
| 30        | Lộ bê tông khu 37ha<br>ấp Cây Gừa  | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đào        | Giáp kênh số 9                     | 250                    | 280                   |         |
| 31        | Tuyến kênh 10 (phía<br>Đông)       | Bắt đầu từ Đê Đông                    | Đến đường Giồng Nhãn -<br>Gành Hào |                        | 350                   | Bổ sung |
| 32        | Tuyến kênh 11 phía<br>Đông kênh 12 | Bắt đầu từ kênh 130                   | Đến giáp kênh Trường<br>Sơn 2      |                        | 350                   | Bổ sung |
| 33        | Tuyến vành đai Sân<br>chim         | Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh<br>Văn Quang | Đến giáp nhà ông Tiểu              |                        | 350                   | Bổ sung |
| 34        | Tuyến đường phía<br>Đông kênh 9    | Bắt đầu từ nhà ông Chính              | Đến giáp nhà ông Nga               |                        | 350                   | Bổ sung |
| <b>VI</b> | <b>XÃ VĨNH HẬU</b>                 |                                       |                                    |                        |                       |         |
| 1         | Đường Hòa Bình -<br>Vĩnh Hậu       | Bắt đầu từ cầu Lung Lớn               | Đến cây xăng ông Vạn               | 360                    | 600                   |         |
|           |                                    | Bắt đầu từ cây xăng ông Vạn           | Đến kênh 5M4                       | 450                    | 800                   |         |
|           |                                    | Bắt đầu từ kênh 5M4                   | Đến Đê Đông                        | 360                    | 600                   |         |

| STT | Tên đường                                        | Đoạn đường                                     |                                    | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                  | Điểm đầu                                       | Điểm cuối                          |                        |                       |         |
| 2   | Lộ Đê Đông                                       | Bắt đầu từ giáp xã Vĩnh Hậu A                  | Đến kênh mương I (nhà ông Hàn Lê)  | 500                    | 600                   |         |
| 3   | Đường Giồng Nhãn - Gành Hào                      | Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Hậu A             | Đến kênh mương I (nhà ông Hai Bắc) | 500                    | 800                   |         |
| 4   | Tuyến đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu (phía Đông kênh) | Bắt đầu từ giáp thị trấn Hòa Bình              | Đến cầu 3 Thân                     | 250                    | 280                   |         |
|     |                                                  | Bắt đầu từ ranh đất nhà 9 Hiến                 | Đến kênh 130                       | 250                    | 280                   |         |
| 5   | Đường Toàn Thắng                                 | Bắt đầu từ ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hậu C | Đến kênh 12                        | 300                    | 360                   |         |
| 6   | Đường miếu Toàn Thắng - Cái Tràm                 | Bắt đầu từ kênh Hòa Bình - Vĩnh Hậu            | Đến giáp ranh Vĩnh Hậu A           | 250                    | 280                   |         |
| 7   | Đường Lung Lớn                                   | Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu              | Đến mương I nhà ông Hàn Lê         | 350                    | 400                   |         |
| 8   | Đường cầu Trâu                                   | Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu              | Đến kênh mương I                   | 310                    | 350                   |         |
| 9   | Đường Mương 6                                    | Bắt đầu từ kênh 5m4                            | Đến kênh 130                       | 250                    | 280                   |         |



| STT        | Tên đường                                          | Đoạn đường                           |                                                | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|            |                                                    | Điểm đầu                             | Điểm cuối                                      |                        |                       |         |
| 10         | Đường Mường 8                                      | Bắt đầu từ kênh Trường Sơn           | Đến kênh 130                                   | 250                    | 280                   |         |
| 11         | Đường Kênh Tế II                                   | Bắt đầu từ kênh Cây Gừa              | Đến Đê Đông                                    | 250                    | 280                   |         |
| 12         | Đường kênh Làng<br>Hưu                             | Bắt đầu từ kênh Cây Gừa              | Đến Đê Đông                                    | 250                    | 280                   |         |
| 13         | Đường Nam kênh<br>Trường Sơn                       | Bắt đầu từ cầu xã                    | Đến kênh Mường 1                               | 300                    | 350                   |         |
| 14         | Đường 5M4                                          | Bắt đầu từ lộ Hòa Bình -<br>Vĩnh Hậu | Đến kênh 8                                     | 250                    | 280                   |         |
| 15         | Đường ấp Thống Nhất                                | Bắt đầu từ đê Trường Sơn II          | Đến Đê Đông                                    | 250                    | 280                   |         |
| <b>VII</b> | <b>XÃ VĨNH MỸ A</b>                                |                                      |                                                |                        |                       |         |
| 1          | Đoạn chợ Vĩnh Mỹ A<br>(lộ giao thông nông<br>thôn) | Bắt đầu từ cầu chợ                   | Đến cầu ông Nghĩa                              | 400                    | 480                   |         |
|            |                                                    | Bắt đầu từ cầu chợ                   | Đến cầu Bánh Bò                                | 400                    | 480                   |         |
|            |                                                    | Bắt đầu từ cầu chợ                   | Đến hết ranh đất Trường<br>Tiểu học Vĩnh Mỹ A1 | 350                    | 400                   |         |
|            |                                                    | Bắt đầu từ cầu chợ                   | Đến cầu miếu Thành<br>Hoàng                    | 400                    | 450                   |         |

| STT | Tên đường                    | Đoạn đường                            |                                   | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                              | Điểm đầu                              | Điểm cuối                         |                        |                       |         |
|     |                              | Bắt đầu từ cầu chợ                    | Đến nghĩa địa Phước Hải           | 400                    | 450                   |         |
|     |                              | Bắt đầu từ cầu chợ                    | Đến chùa Hưng Mỹ Tự               | 350                    | 390                   |         |
|     |                              | Bắt đầu từ ngã tư Đình                | Đến ngã 3 hết ranh đất nhà ông Độ |                        | 450                   | Bổ sung |
| 2   | Đường Vĩnh Mỹ A - Vĩnh Thịnh | Bắt đầu từ ngã tư nghĩa địa Phước Hải | Đến cầu ông Sang                  | 350                    | 420                   |         |
|     |                              | Bắt đầu từ cầu ông Sang               | Đến giáp ranh xã Vĩnh Thịnh       |                        | 350                   | Bổ sung |
|     |                              | Bắt đầu từ cầu 6 Tập                  | Đến nghĩa địa Phước Hải           | 400                    | 480                   |         |
|     |                              | Bắt đầu từ ngã tư nghĩa địa Phước Hải | Đến cầu Tào Lang                  | 400                    | 430                   |         |
|     |                              | Bắt đầu từ cầu Tào Lang               | Đến cầu Rạch Vinh                 | 300                    | 350                   |         |
|     |                              | Bắt đầu từ cầu rạch Vinh              | Đến cảng cầu cảng Bà Cồng         | 280                    | 330                   |         |
|     |                              | Bắt đầu từ cầu rạch Vinh              | Đến giáp ranh xã Vĩnh Thịnh       |                        | 280                   | Bổ sung |
|     |                              | Bắt đầu từ cầu Sáu Tập (ấp 15a)       | Đến ngã ba Xóm Lung               | 450                    | 480                   |         |

| STT | Tên đường | Đoạn đường                                |                                                       | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |           | Điểm đầu                                  | Điểm cuối                                             |                        |                       |         |
|     |           | Bắt đầu từ ranh đất Trường TH Vĩnh Mỹ A 2 | Đến giáp ấp Vĩnh Bình - xã Vĩnh Thịnh                 | 300                    | 350                   |         |
|     |           | Bắt đầu từ ngã 3 Xóm Lung                 | Đến giáp ranh xã Vĩnh Thịnh                           | 300                    | 350                   |         |
|     |           | Bắt đầu từ ngã ba nhà ông Ruộng           | Đến nhà thờ ấp Châu Phú                               | 300                    | 350                   |         |
|     |           | Bắt đầu từ ngã 3 nhà ông Quân             | Đến nghĩa địa Đất Thánh (hết ranh đất ông Lê Văn Lâm) | 250                    | 280                   |         |
|     |           | Bắt đầu từ cầu 5 Đầu                      | Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiến                 |                        | 280                   | Bổ sung |
|     |           | Bắt đầu từ cầu Lung Lớn                   | Đến ranh đất nhà ông Tăng Bảy                         |                        | 280                   | Bổ sung |
|     |           | Bắt đầu từ cầu ông Rắn                    | Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chính                 |                        | 280                   | Bổ sung |
|     |           | Bắt đầu từ cầu ông Vạn                    | Đến giáp kênh Vĩnh Thành                              |                        | 280                   | Bổ sung |
|     |           | Bắt đầu từ cầu kênh ngang (ấp Vĩnh Tiến)  | Đến cầu kênh ngang (ấp Vĩnh Tân)                      |                        | 280                   | Bổ sung |

| STT | Tên đường                  | Đoạn đường                                   |                                           | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                            | Điểm đầu                                     | Điểm cuối                                 |                        |                       |         |
|     |                            | Bắt đầu từ cầu Châu Phú                      | Đến giáp ngã ba kênh ông Liếm             |                        | 280                   | Bổ sung |
|     |                            | Bắt đầu từ cầu ông Tuấn                      | Đến lộ Hòa Bình - Vĩnh Mỹ A               | 350                    | 450                   |         |
|     |                            | Bắt đầu từ ngã tư Đình                       | Đến cầu ông Nghĩa                         | 400                    | 430                   |         |
| 3   | Ấp Vĩnh Tiến               | Đập Cây Trương (giáp ranh thị trấn Hòa Bình) | Đến cầu Lung Lớn, xã Vĩnh Hậu             | 400                    | 460                   |         |
|     |                            | Bắt đầu từ ngã ba cầu Bánh Bò (Châu Phú)     | Đến hết ranh đất nhà ông Phan Văn Phần    | 250                    | 280                   |         |
| 4   | Đường liên ấp xã Vĩnh Mỹ A | Bắt đầu từ cầu 5 Thanh                       | Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiến | 250                    | 280                   |         |
|     |                            | Bắt đầu từ cầu 5 Thanh                       | Đến hết ranh đất nhà ông Lê Hoàng Dũng    | 250                    | 280                   |         |
| 5   | Ấp Vĩnh Tân                | Bắt đầu từ cầu ông Rắn                       | Đến hết ranh đất nhà ông Tăng Bảy         | 250                    | 280                   |         |
| 6   | Ấp Xóm Lớn                 | Bắt đầu từ cầu Cái Hưu                       | Đến cầu 3 Chư                             | 250                    | 300                   |         |
|     |                            | Bắt đầu từ cầu 3 Chư                         | Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chính | 250                    | 280                   |         |

| STT  | Tên đường                                 | Đoạn đường                                |                                               | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|      |                                           | Điểm đầu                                  | Điểm cuối                                     |                        |                       |         |
| 7    |                                           | Bắt đầu từ ngã 3 Xóm Lung<br>(Tu Muối cũ) | Đến cầu Cây Vong                              | 300                    | 350                   |         |
|      |                                           | Bắt đầu từ cầu Tào Lang                   | Đến giáp ngã 3 kênh Tào<br>Lang - kênh 5 Đẩu  |                        | 280                   | Bổ sung |
|      |                                           | Bắt đầu từ cầu 3 Chư                      | Đến hết ranh đất của ông<br>Nguyễn Công Khanh |                        | 280                   | Bổ sung |
|      |                                           | Bắt đầu từ cầu Bà Thẽ                     | Đến cầu ông 5 An                              |                        | 280                   | Bổ sung |
|      |                                           | Bắt đầu từ cầu 3 Bình                     | Đến hết ranh đất nhà ông<br>Đoàn Văn Vui      |                        | 280                   | Bổ sung |
|      |                                           | Bắt đầu từ cầu ông Nghi                   | Đến cầu Đám Lá                                |                        | 280                   | Bổ sung |
|      |                                           | Bắt đầu từ cầu Út Lác                     | Đến hết ranh đất ông<br>Trần Quốc Thái        |                        | 280                   | Bổ sung |
|      |                                           | Bắt đầu từ cầu Bà Lan                     | Đến hết nhà ông Hùng                          |                        | 280                   | Bổ sung |
|      |                                           | Bắt đầu từ cầu 4 Chà                      | Đến hết ranh đất bà<br>Nguyễn Thị Trang       |                        | 280                   | Bổ sung |
|      | Đường Lê Thị Riêng<br>(đường đi Vĩnh Hậu) | Bắt đầu từ ranh thị trấn Hòa<br>Bình      | Đến cầu Lung Lớn                              | 400                    | 1,200                 |         |
| VIII | XÃ VĨNH THỊNH                             |                                           |                                               |                        |                       |         |

| STT | Tên đường                          | Đoạn đường                                    |                                        | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                    | Điểm đầu                                      | Điểm cuối                              |                        |                       |         |
| 1   | Tuyến lộ Xóm Lung -<br>Cái Cùng    | Bắt đầu từ cầu đê Trường<br>Sơn - ấp Vĩnh Lạc | Đến giáp ấp Vĩnh Hội -<br>Xã Vĩnh Mỹ A | 300                    | 400                   |         |
| 2   | Chợ công Cái Cùng                  | Bắt đầu từ đê Trường Sơn                      | Đến cầu Chữ Thập Đỏ                    | 800                    | 1,100                 |         |
| 3   | Lộ dưới ấp Vĩnh Lạc                | Bắt đầu từ cầu qua sông Cái<br>Cùng           | Đến cầu Chữ Thập Đỏ                    | 380                    | 450                   |         |
| 4   | Đường Trường An                    | Bắt đầu từ cầu Vĩnh Tiến                      | Đến đê Trường Sơn                      | 300                    | 370                   |         |
| 5   | Đường Kinh Tế                      | Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa                       | Đến đê Trường Sơn ấp<br>Vĩnh Mới       | 400                    | 460                   |         |
| 6   | Đường Giồng Nhân -<br>Gành Hào     | Bắt đầu từ cầu đê Trường<br>Sơn - ấp Vĩnh Lạc | Đến giáp ấp Vĩnh Mẫu -<br>xã Vĩnh Hậu  | 400                    | 450                   |         |
| 7   | Tuyến kênh Bảy Hồng                | Bắt đầu từ ấp Vĩnh Bình                       | Đến ấp Vĩnh Hòa                        | 250                    | 280                   |         |
| 8   | Đường kinh 4 ngang<br>trụ sở xã cũ | Bắt đầu từ cầu ấp Vĩnh Lập                    | Đến cầu Vĩnh Hòa                       | 350                    | 400                   |         |
| 9   | Tuyến 500                          | Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lạc                        | Đến ấp Vĩnh Mới                        | 250                    | 280                   |         |
| 10  | Tuyến lộ nhựa                      | Bắt đầu từ cầu Chữ Thập Đỏ                    | Đến lộ Đê Đông                         | 350                    | 390                   |         |
| 11  | Đường Vĩnh Hòa                     | Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa                       | Đến ấp Vĩnh Tân, xã<br>Vĩnh Mỹ A       | 250                    | 280                   |         |

| STT | Tên đường                     | Đoạn đường                                             |                                              | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                               | Điểm đầu                                               | Điểm cuối                                    |                        |                       |         |
| 12  | Tuyến Đê Đông                 | Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lạc, xã Vĩnh Thịnh                  | Đến cầu Mương I                              | 350                    | 380                   |         |
| 13  | Tuyến lộ Vĩnh Hòa - Vĩnh Kiều | Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa giáp ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A | Đến cầu Lung Lớn ấp Vĩnh Thạnh - xã Vĩnh Hậu | 250                    | 280                   |         |
| 14  | Tuyến đường Kim Em            | Bắt đầu từ kênh ấp Vĩnh Hòa                            | Đến mương I (giáp xã Vĩnh Hậu)               | 250                    | 280                   |         |
| 15  | Tuyến Ông Tà                  | Bắt đầu từ ấp Vĩnh Mới                                 | Đến mương I (giáp xã Vĩnh Hậu)               | 250                    | 280                   |         |
| 16  | Đường Bình Tiến               | Bắt đầu từ cầu Vĩnh Tiến                               | Đến giáp cầu Vĩnh Thành - xã Vĩnh Mỹ A       | 250                    | 280                   |         |
| 17  | Đường hậu cơ quan             | Đê Trường Sơn                                          | Đến Hạt Kiểm lâm liên huyện (ấp Vĩnh Lạc)    | 360                    | 400                   |         |
| 18  | Đường Cống Đá                 | Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lập                                 | Đến kênh 7 Hồng (ấp Vĩnh Bình)               | 250                    | 280                   |         |
| 19  | Tuyến đường kênh Đốc Thiện    | Bắt đầu từ ấp Vĩnh Bình                                | Đến ấp Vĩnh Hòa                              | 250                    | 280                   |         |
| 20  | Đường Kinh Tế                 | Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa                                | Đến đê Trường Sơn ấp Vĩnh Mới (phía bên      | 350                    | 390                   |         |

| STT | Tên đường                 | Đoạn đường                                            |                                | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                           | Điểm đầu                                              | Điểm cuối                      |                        |                       |         |
|     |                           |                                                       | sông)                          |                        |                       |         |
| 21  | Tuyến sau hậu             | Bắt đầu từ đường vô Trạm Y tế xã                      | Đến kênh Trường Sơn            | 250                    | 280                   |         |
| 22  | Tuyến cặp kênh Trường Sơn | Bắt đầu từ cầu Vĩnh Lạc                               | Đến đến lộ sau hậu             | 250                    | 280                   |         |
| 23  | Tuyến cầu thừa kênh cạn   | Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lập                                | Đến ấp Vĩnh Hòa                | 250                    | 280                   |         |
| 24  | Tuyến đường Mường 4       | Bắt đầu từ ấp Vĩnh Mới (đường Giồng Nhãn - Gành Hào)  | Đến Đê Đông (Vĩnh Mới)         | 250                    | 280                   |         |
| 25  | Tuyến đường Mường 7       | Bắt đầu từ ấp Vĩnh Tiến (đường Giồng Nhãn - Gành Hào) | Đến Đê Đông (Vĩnh Tiến)        | 250                    | 280                   |         |
| 26  | Tuyến đường Lái Hai       | Đường Giồng Nhãn - Gành Hào                           | Đến kênh 500 (ấp Vĩnh Mới )    | 250                    | 280                   |         |
| 27  | Tuyến đường Nông trường   | Đường Giồng Nhãn - Gành Hào                           | Đến kênh Học Máu (ấp Vĩnh Mới) | 250                    | 280                   |         |
| 28  | Tuyến đường Mường I       | Đường Giồng Nhãn - Gành                               | Đến cầu nhà ông Trần           | 250                    | 280                   |         |



| STT | Tên đường                            | Đoạn đường                             |                               | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                      | Điểm đầu                               | Điểm cuối                     |                        |                       |         |
|     |                                      | Hào (ấp Vĩnh Mới)                      | Hòa Bình (ấp Vĩnh Kiều)       |                        |                       |         |
| 29  | Tuyến đường Sua Đũa                  | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Minh | Đến tuyến đường Kim Em        | 250                    | 280                   |         |
| 30  | Tuyến đường Vĩnh Hòa (phía bên sông) | Bắt đầu từ cầu kênh Ông Tà             | Đến ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A |                        | 280                   | Bổ sung |
| 31  | Tuyến đường điện gió                 | Bắt đầu từ đường Đê Đông               | Đến ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A |                        | 300                   | Bổ sung |

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**PHỤ LỤC 04**

**Bảng giá điều chỉnh đất ở thị trấn, đầu mối giao thông, trung tâm xã huyện Hồng Dân - tỉnh Bạc Liêu**  
(Kèm theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m<sup>2</sup>

| STT | Tên đường         | Đoạn đường                                     |                                                       | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                   | Điểm đầu                                       | Điểm cuối                                             |                        |                       |         |
| I   | THỊ TRẤN NGAN DỪA |                                                |                                                       |                        |                       |         |
|     | ẤP NỘI Ô          |                                                |                                                       |                        |                       |         |
| 1   | Khu 1A            | Bắt đầu từ ngã ba lộ chợ Ngan Dừa (vòng xuyên) | Đến đầu cầu Lúng Mới (lộ trước phố)                   | 3,500                  | 4,400                 |         |
|     |                   | Bắt đầu từ đầu cầu Lún                         | Đến giáp Trường Tiểu học A                            | 1,900                  | 2,500                 |         |
|     |                   | Bắt đầu từ đầu cầu Lún                         | Đến hết ranh đất ông Hồ Công Uẩn (giáp ấp Thống Nhất) | 1,600                  | 2,300                 |         |
| 2   | Khu 1B            | Bắt đầu từ ngã ba lộ chợ Ngan Dừa (vòng xuyên) | Đến lộ Trần Hưng Đạo                                  | 2,200                  | 2,600                 |         |
|     |                   | Bắt đầu từ Trường Tiểu học A (lộ sau)          | Đến lộ Trần Hưng Đạo                                  | 1,400                  | 2,000                 |         |

| STT | Tên đường | Đoạn đường                                      |                                                                            | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |           | Điểm đầu                                        | Điểm cuối                                                                  |                        |                       |         |
|     |           | Bắt đầu từ ranh đất ông Út Bé                   | Đến giáp ranh Trại cửa Tám Tương (trên lộ và mé sông)                      | 1,100                  | 1,500                 |         |
|     |           | Bắt đầu từ cổng Trường Tiểu học A               | Đến giáp lộ trước (đến ranh đất ông Trịnh Văn Y)                           | 1,700                  | 2,100                 |         |
|     |           | Bắt đầu từ giáp ranh Trại cửa Tám Tương         | Đến giáp ấp Bà Gồng (hết ranh đất ông Trần Văn Bé phía trên lộ và mé sông) | 800                    | 1,100                 |         |
| 3   | Khu 2     | Bắt đầu từ ranh đất ông Trang Hoàng Ân          | Đến hết ranh đất Chùa Phật                                                 | 2,000                  | 2,500                 |         |
|     |           | Bắt đầu từ ranh đất bà Trần Thị Nô              | Đến Hết ranh đất ông Danh lợi (giáp kênh xáng cầu mới đường Thống Nhất II) | 1,100                  | 1,500                 |         |
|     |           | Bắt đầu từ ranh đất ông Tăng Văn Nhàn           | Đến ranh đất miếu Quan Đế (chùa Ông Bồn)                                   | 3,500                  | 3,800                 |         |
|     |           | Bắt đầu từ ranh đất miếu Quan Đế (Chùa ông Bồn) | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Khởi An                                        | 2,000                  | 2,700                 |         |

| STT | Tên đường                                                               | Đoạn đường                                          |                                         | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                                         | Điểm đầu                                            | Điểm cuối                               |                        |                       |         |
| 4   | Đoạn giáp khu hành chính                                                | Bắt đầu từ ranh đất nhà Nguyễn Khởi An              | Đến giáp lộ Thống Nhất II               | 1,500                  | 2,000                 |         |
|     |                                                                         | Bắt đầu từ ranh đất ông Văn Tỷ                      | Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Toàn Ân | 2,100                  | 2,700                 |         |
| 5   | Khu III                                                                 | Bắt đầu từ đầu cầu Lún                              | Đến ngã tư kinh xáng Trung tâm Y tế     | 850                    | 1,200                 |         |
| 6   | Đoạn từ cầu Lún đến đầu kinh Nhỏ                                        | Bắt đầu từ đầu cầu Lún khu III                      | Đến hết ranh đất nhà ông Lê Minh Hải    | 850                    | 1,200                 |         |
|     |                                                                         | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Tền           | Đến đầu cầu kinh Nhỏ                    | 680                    | 820                   |         |
|     |                                                                         | Bắt đầu từ đầu cầu kinh Nhỏ khu III (theo kênh Nhỏ) | Đến chùa Hưng Kiến Tự                   | 600                    | 800                   |         |
| 7   | Đoạn từ cầu Lún đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang (giáp lộ kinh Nhỏ) |                                                     |                                         |                        |                       |         |
|     |                                                                         | Bắt đầu từ 0m                                       | Đến 30m                                 | 850                    | 1,000                 |         |
|     |                                                                         | Bắt đầu từ 30m tiếp theo                            | Đến 60m                                 | 600                    | 800                   |         |
|     |                                                                         | Bắt đầu từ 60m tiếp theo                            | Đến ranh đất ông Nguyễn Văn Sang        | 400                    | 650                   |         |

| STT | Tên đường                  | Đoạn đường                                                            |                                                            | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                            | Điểm đầu                                                              | Điểm cuối                                                  |                        |                       |         |
| 8   | ẤP XỂO QUAO                |                                                                       |                                                            |                        |                       |         |
|     | Đường Trèm Trẹm - Xểo Quao | Bắt đầu từ ranh đất bà Dương Thị Thanh (dọc theo sông Cái Trầu)       | Đến hết ranh đất Đình Thần Trung Trực                      | 350                    | 350                   |         |
| 9   | ẤP BÀ HIÊN                 |                                                                       |                                                            |                        |                       |         |
|     |                            | Bắt đầu từ ranh tái định cư                                           | Đến trụ sở ấp Bà Hiên                                      | 500                    | 720                   |         |
|     |                            | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Tuyết Thắng                        | Đến miếu Bà Hiên                                           | 450                    | 580                   |         |
|     |                            | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ca Văn Quang                              | Đến ngã tư Bà Gòong (đến ranh đất ông Trần Tuấn Mạnh)      | 300                    | 370                   |         |
|     |                            | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuấn Mạnh                            | Đến giáp khu tái định cư (hết ranh đất ông Lương Văn Được) | 350                    | 420                   |         |
| 10  | Khu tái định cư            | Đường Hai Bà Trưng (từ kênh xáng)                                     | Đến rạch Ngan Dừa - Tà Ben                                 | 850                    | 1,000                 |         |
|     |                            | Dãy nhà tiếp giáp hệ thống thoát nước vòng sau hậu đường Hai Bà Trưng |                                                            | 700                    | 880                   |         |
|     |                            | Dãy nhà dành cho hộ có thu nhập thấp (lô III)                         |                                                            | 550                    | 730                   |         |

| STT | Tên đường                  | Đoạn đường                                  |                                                       | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                            | Điểm đầu                                    | Điểm cuối                                             |                        |                       |         |
|     | ẤP TRÈM TRỆM               |                                             |                                                       |                        |                       |         |
| 11  | Bờ Đông                    | Bắt đầu từ ranh đất Trung tâm Y tế          | Đến hết ranh đất chùa Hưng Kiến Tự                    | 600                    | 700                   |         |
| 12  | Bờ Tây                     | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Nghĩa  | Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Oanh                  | 250                    | 280                   |         |
|     |                            | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Oanh | Đến hết ranh miếu Rạch Chùa                           | 420                    | 460                   |         |
|     | Đường Trèm Trèm - Xẻo Quao | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Bình Đăng   | Đến ngã ba Vàm Xáng (hết ranh đất bên đò ông Bảy Đực) | 350                    | 350                   |         |
|     |                            | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sơn Hồng Bảy    | Đến hết ranh đất ông Võ Văn So                        | 290                    | 350                   |         |
|     | Đường Trèm Trèm - Xẻo Quao | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Thị Thanh  | Đến hết ranh đất Bảy Đực                              | 300                    | 300                   |         |
| 13  | Bờ Bắc Rạch Chùa           | Cầu Trung ương Đoàn                         | Đến hết ranh ông Lâm Dù Cạc                           | 250                    | 280                   |         |
| 14  | ẤP THỐNG NHẤT              |                                             |                                                       |                        |                       |         |
|     |                            | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Thê    | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Bê                      | 1,300                  | 1,800                 |         |

| STT | Tên đường           | Đoạn đường                                                  |                                                       | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                     | Điểm đầu                                                    | Điểm cuối                                             |                        |                       |         |
|     |                     | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Sáu                  | Đến Cầu Kè                                            | 700                    | 1,100                 |         |
|     |                     | Bắt đầu từ Cầu Kè                                           | Đến bến phà (hết ranh đất bà Hương)                   | 620                    | 800                   |         |
|     | Đường Trần Hưng Đạo | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Út Nhỏ (tuyến lộ Thống Nhất II) | Đến bến phà Vàm Ngan Dừa                              | 600                    | 600                   |         |
| 15  | ẤP BÀ GỒNG          |                                                             |                                                       |                        |                       |         |
|     |                     | Bắt đầu từ ngã tư Bà Gồng (từ ranh đất ông Trương Kim Năm)  | Đến giáp khu 1B Nội Ô (giáp ranh đất ông Trần Văn Bé) | 700                    | 820                   |         |
|     |                     | Bắt đầu từ cầu 19 tháng 5                                   | Đến ngã tư Bà Gồng (đến ranh đất ông Quách Văn Siêu)  | 480                    | 550                   |         |
|     |                     | Bắt đầu từ ngã tư Bà Gồng (từ ranh đất Trường Tiểu học)     | Đến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới             | 600                    | 680                   |         |
|     |                     | Bắt đầu từ ranh đất nhà Lê Thị Tình                         | Đến hết ranh nhà ông Danh Khen (chuồng dơi)           | 250                    | 280                   |         |

| STT | Tên đường                                                      | Đoạn đường                                  |                                       | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                                | Điểm đầu                                    | Điểm cuối                             |                        |                       |         |
|     |                                                                | Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Danh Khen   | Đến ranh xã Ninh Hòa                  | 250                    | 280                   |         |
| 16  | Cầu Bụi Dứa                                                    | Bắt đầu từ ranh đất ông Dương Thanh Văn     | Đến cầu Bụi Dứa                       | 250                    | 280                   |         |
| 17  | Rạch Tà Ben                                                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Thanh Văn | Đến rạch Bà Hiên                      | 250                    | 280                   |         |
| 18  | Đoạn từ Cầu Kè đến lộ Thống Nhất II                            |                                             |                                       |                        |                       |         |
|     |                                                                | Bắt đầu từ đầu lộ (giáp lộ Thống Nhất)      | Đến 60m                               | 700                    | 800                   |         |
|     |                                                                | Bắt đầu từ 60m tiếp theo                    | Đến giáp lộ Thống Nhất II             | 550                    | 620                   |         |
| 19  | Đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hòa |                                             |                                       |                        |                       |         |
|     |                                                                | Bắt đầu từ bến phà Vàm Ngan Dừa             | Đến hết ranh đất ông Sáu Búi          | 450                    | 530                   |         |
|     |                                                                | Bắt đầu từ hết ranh đất ông Sáu Búi         | Đến hết ranh đất ông Trịnh Văn Tổng   | 380                    | 430                   |         |
|     |                                                                | Bắt đầu từ cầu ông Ba Mậu                   | Đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hòa | 300                    | 380                   |         |



| STT | Tên đường                                               | Đoạn đường                |                            | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                         | Điểm đầu                  | Điểm cuối                  |                        |                       |         |
| 20  | Khu Trung tâm hành chính (trừ khu Trung tâm Thương mại) |                           |                            |                        |                       |         |
| 21  | Đường Lê Duẩn                                           | Đường Trần Hưng Đạo       | Đường Nguyễn Bình Khiêm    | 2,500                  | 3,350                 |         |
| 22  | Đường Võ Thị Sáu                                        | Đường Trần Hưng Đạo       | Đường Lê Duẩn              | 2,500                  | 3,350                 |         |
| 23  | Đường Bùi Thị Trường                                    | Đường Trần Hưng Đạo       | Đường Lê Duẩn              | 2,500                  | 3,350                 |         |
| 24  | Đường Trần Hưng Đạo                                     | Đầu cầu Ngan Dừa          | Đường Lộc Ninh             | 2,500                  | 3,350                 |         |
| 25  | Đường Nguyễn Huệ                                        | Bắt đầu từ cầu 19 tháng 5 | Đường Võ Thị Sáu           | 2,500                  | 3,350                 |         |
| 26  | Đường Trần Văn Bảy                                      | Đường Trần Hưng Đạo       | Đường Lê Duẩn              | 2,500                  | 3,350                 |         |
| 27  | Đường Lê Thị Riêng                                      | Đường Lê Duẩn             | Đường Nguyễn Bình Khiêm    | 2,500                  | 3,350                 |         |
| 28  | Đường Nguyễn Thị Minh Khai                              | Đường Lê Thị Riêng        | Đường Nguyễn Bình Khiêm    | 2,500                  | 3,350                 |         |
| 29  | Đường Trần Kim Túc                                      | Đường Trương Văn An       | Đường Nguyễn Bình Khiêm    | 2,300                  | 3,150                 |         |
| 30  | Đường Trương Văn An                                     | Đường Lê Duẩn             | Đường Nguyễn Thị Minh Khai | 2,300                  | 3,150                 |         |

| STT | Tên đường               | Đoạn đường               |                         | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------|--------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                         | Điểm đầu                 | Điểm cuối               |                        |                       |         |
| 31  | Đường Phùng Ngọc Liêm   | Đường Lê Duẩn            | Đường Trần Hưng Đạo     | 2,300                  | 3,150                 |         |
| 32  | Đường Nguyễn Đình Chiểu | Đường Lê Duẩn            | Đường Lê Thị Riêng      | 2,300                  | 3,150                 |         |
| 33  | Đường Thị Châm          | Đường Lê Duẩn            | Đường Lê Thị Riêng      | 2,300                  | 3,150                 |         |
| 34  | Đường Nguyễn Thị Mười   | Đường Bùi Thị Trường     | Đường Nguyễn Đình Chiểu | 2,500                  | 3,150                 |         |
| 35  | Đường Trần Văn Tấn      | Đường Võ Thị Sáu         | Đường Lộc Ninh          | 2,300                  | 3,150                 |         |
| 36  | Đường Nguyễn Thị Năm    | Đường Trần Kim Túc       | Đường Trần Văn Tấn      | 2,300                  | 3,150                 |         |
| 37  | Đường Lộc Ninh          | Đường Lê Duẩn            | Đường Trần Hưng Đạo     | 2,300                  | 3,150                 |         |
| 38  | Đường Chu Văn An        | Đường Trần Hưng Đạo      | Đường Nguyễn Trung Trực | 2,300                  | 3,150                 |         |
| 39  | Đường Lý Thường Kiệt    | Đường Trần Hưng Đạo      | Đường Nguyễn Trung Trực | 2,300                  | 3,150                 |         |
| 40  | Đường Nguyễn Bình Khiêm | Đường Trần Hưng Đạo      | Đường Lê Duẩn           | 2,300                  | 3,150                 |         |
| 41  | Đường Nguyễn Trung Trực | Đầu đường Lý Thường Kiệt | Đường Trần Hưng Đạo     | 2,300                  | 3,150                 |         |

| STT | Tên đường                                                                         | Đoạn đường                                                                       |                                          | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                                                   | Điểm đầu                                                                         | Điểm cuối                                |                        |                       |         |
| 42  | Đường Nguyễn Du<br>(đường số 01)                                                  | Đường Nguyễn Thị Minh Khai                                                       | Đường Lê Duẩn                            | 2,300                  | 3,150                 |         |
| 43  | Đoạn nối giữa đoạn từ cầu Lún đến Trung tâm Y tế huyện Hồng Dân (đường Ngô Quyền) |                                                                                  |                                          |                        |                       |         |
|     |                                                                                   | Bắt đầu từ 0km (đầu đường)                                                       | Đến đường dẫn cầu Gia Diễn (Lê Văn Đông) | 700                    | 800                   |         |
|     |                                                                                   | Bắt đầu từ giáp ranh đất bồi thường đường dẫn cầu Gia Diễn (đất ông Lê Văn Đông) | Đến hết đường Ngô Quyền                  | 550                    | 620                   |         |
|     | Khu III                                                                           |                                                                                  |                                          |                        |                       |         |
| 44  | Đoạn nối giữa đường Ngô Quyền với lộ kênh Nhỏ                                     | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Vui                                              | Đến ranh đất bà Nguyễn Thị Ly            | 400                    | 480                   |         |
| 45  | Đoạn bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II                    |                                                                                  |                                          |                        |                       |         |
|     |                                                                                   | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Thị Bé Sáu                                      | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mười     | 1,400                  | 1,700                 |         |
|     |                                                                                   | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Mười                                      | Đến hết sân Tennis                       | 980                    | 1,200                 |         |

| STT | Tên đường                                                        | Đoạn đường                              |                                       | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                                  | Điểm đầu                                | Điểm cuối                             |                        |                       |         |
|     |                                                                  | Bắt đầu từ hết ranh đất sân Tennis      | Đến lộ Thống Nhất II                  | 700                    | 800                   |         |
| 46  | Từ cầu kinh Nhỏ (quán Vinh Hạnh) đến Đình Thần Nguyễn Trung Trực |                                         |                                       |                        |                       |         |
|     |                                                                  | Bắt đầu từ cầu kênh Nhỏ                 | Đến cầu chùa Ngan Dừa                 | 440                    | 500                   |         |
|     |                                                                  | Bắt đầu từ cầu chùa Ngan Dừa            | Đến hết đất ông Võ Văn So             | 370                    | 420                   |         |
|     |                                                                  | Bắt đầu từ cầu Đoàn Thanh niên          | Đến Đình Thần Nguyễn Trung Trực       | 300                    | 380                   |         |
| 47  | Ngan Dừa -NH-NQ                                                  | Bắt đầu từ lộ Thống Nhất II             | Đến cầu mới Bà Gòg                    | 600                    | 700                   |         |
|     |                                                                  | Bắt đầu từ cầu mới Bà Gòg               | Đến hết ranh thị trấn (bãi rác)       | 500                    | 580                   |         |
|     |                                                                  | Bắt đầu từ dốc cầu Gia Diễn             | Đến ngã 4 đường Ngô Quyền             | 600                    | 700                   |         |
| 48  | Trèm Trèm giáp Nội Ô                                             | Bắt đầu từ ngã tư Ngô Quyền             | Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Nhiệm |                        | 1100                  | Bổ sung |
| 49  | Bà Hiên                                                          | Bắt đầu từ ranh đất ông Lương Văn Được  | Đến ranh đất ông Trần Quốc Nghiêm     |                        | 800                   | Bổ sung |
| 50  | Rạch Chùa                                                        | Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Thanh Tuấn | Đến ranh đất ông Trần Quốc Dũng       |                        | 320                   | Bổ sung |

| STT | Tên đường       | Đoạn đường                                    |                                        | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                 | Điểm đầu                                      | Điểm cuối                              |                        |                       |         |
| II  | XÃ LỘC NINH     |                                               |                                        |                        |                       |         |
| 1   | Ấp Kênh Xáng    | Bắt đầu từ cầu kênh xáng (miếu Ông Bồn)       | Đến cổng chào                          | 850                    | 900                   |         |
|     |                 | Bắt đầu từ cổng chào                          | Đến hết ranh đất cây xăng Hoàng Quân   | 650                    | 730                   |         |
|     |                 | Bắt đầu từ ranh đất cây xăng Hoàng Quân       | Đến giáp kinh thủy lợi ông Ca Văn Ngọc | 500                    | 600                   |         |
|     |                 | Bắt đầu từ kênh thủy lợi ông Ca Văn Ngọc      | Đến giáp xã Ninh Hòa (cầu bà Hiên )    | 400                    | 470                   |         |
|     |                 | Bắt đầu từ cầu kênh xáng (miếu Ông Bồn)       | Đến ranh đất Hăng nước đá Út Nhỏ       | 700                    | 750                   |         |
| 2   | Ấp Đầu Sáu Đông | Bắt đầu từ miếu Ông Bồn                       | Đến rạch đường Trâu (cổng ông Cọn)     | 500                    | 550                   |         |
| 3   | Ấp Đầu Sáu Đông | Bắt đầu từ rạch đường Trâu (cổng ông Cọn)     | Đến cầu chùa Đầu Sáu                   | 400                    | 450                   |         |
| 4   | Ấp Kênh Xáng    | Bắt đầu từ ranh đất hăng nước đá Út Nhỏ       | Đến hết ranh đất hăng nước đá Trần Tấn | 550                    | 600                   |         |
|     |                 | Bắt đầu từ hết ranh đất hăng nước đá Trần Tấn | Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Tan       | 500                    | 550                   |         |

| STT | Tên đường                         | Đoạn đường                                       |                                                       | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                   | Điểm đầu                                         | Điểm cuối                                             |                        |                       |         |
|     |                                   | Bắt đầu từ hết ranh đất ông Lâm Văn Tan          | Đến cầu Tám Tụ                                        | 400                    | 450                   |         |
|     |                                   | Bắt đầu từ giáp cầu Tám Tụ                       | Đến giáp xã Vĩnh Lộc (hết ranh đất ông Hàng Văn Sinh) | 300                    | 350                   |         |
| 5   | Kênh xáng Đầu Sáu Đông            | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lâm Thị Dũng          | Đến ranh đất nhà bà Thị Diện                          | 750                    | 810                   |         |
| 6   | Đường dẫn cầu Lộc Ninh - Ngan Dừa | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Du            | Đến giáp móng cầu Lộc Ninh - Ngan Dừa                 | 750                    | 810                   |         |
| 7   | Ấp Đầu Sáu Đông                   | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thị Diện              | Đến giáp ranh xã Ninh Hòa                             | 250                    | 280                   |         |
| 8   | ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi | Bắt đầu từ ranh đất trụ sở xã (giáp cầu ông Tân) | Đến hết ranh đất ông Lê Hoàng Chư                     | 760                    | 760                   |         |
| 9   | Ấp Bà Ai I                        | Bắt đầu từ hết ranh đất ông Lê Hoàng Chư         | Đến cầu ông Lý Hoàng Thọ                              | 390                    | 440                   |         |
| 10  | Ấp Bà Ai I, Tà Suối               | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Hà Thị Sớm            | Đến hết cầu nhà Năm Hiền                              | 270                    | 300                   |         |
| 11  | ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phương    | Đến hết ranh đất ông Phồn (giáp xã NTL)               | 550                    | 550                   |         |

| STT | Tên đường                         | Đoạn đường                               |                                                             | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                   | Điểm đầu                                 | Điểm cuối                                                   |                        |                       |         |
| 12  | Ấp Bà Ai I                        | Bắt đầu từ cầu 12000 (ranh ông Dện)      | Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc                                   | 250                    | 280                   |         |
| 13  | Ấp Bà Ai I, II, Cai Giăng         | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lý Hoàng Thọ | Đến hết ranh đất chùa Thành Thất                            | 390                    | 430                   |         |
| 14  | Ấp Kênh Xáng, Đầu Sáu Tây         | Bắt đầu từ kênh xáng (nhà ông Đình)      | Đến hết ranh ông Danh Khum                                  | 250                    | 280                   |         |
|     |                                   | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Văn Bình     | Đến giáp ranh xã Ninh Hòa                                   | 250                    | 280                   |         |
| 15  | Ấp Đầu Sáu Tây                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Danh Khum    | Đến giáp kênh Xáng Hòa Bình                                 | 250                    | 280                   |         |
| 16  | ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi | Bắt đầu từ kênh 12000                    | Đến hết ranh đất ông Dện                                    | 500                    | 500                   |         |
| 17  | Phước Hòa                         | Bắt đầu từ cầu trường học Phước Hòa      | Đến giáp thị trấn Phước Long (hết ranh đất ông Đoàn Văn Cơ) | 300                    | 340                   |         |
| 18  | Ấp Cai Giăng                      | Bắt đầu từ cầu ông Phôn                  | Đến hết ranh đất chùa Cai Giăng (giáp xã Vĩnh Lộc)          | 300                    | 340                   |         |

| STT | Tên đường                         | Đoạn đường                                               |                                                   | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                   | Điểm đầu                                                 | Điểm cuối                                         |                        |                       |         |
| 19  | Ấp Tà Suôl, Bình Dân              | Bắt đầu từ cầu Tà Suôl (từ ranh đất ông Nguyễn Văn Sỏi)  | Đến hết ranh đất ông Phan Minh Hoàng              | 300                    | 340                   |         |
| 20  | Ấp Đầu Sáu Tây                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Danh Phen                    | Đến giáp cầu Bà Ai 1 (cầu Sắt)                    | 280                    | 300                   |         |
| 21  | ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi | Bắt đầu từ hết ranh đất ông Dện (cầu kênh xáng Hòa Bình) | Đến hết ranh đất ông Lưu Văn Súa                  | 500                    | 500                   |         |
| 22  | Ấp Bà Ai I                        | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Văn Súa                  | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Cửa                 | 400                    | 440                   |         |
| 23  | Ấp Bà Ai I                        | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Cửa                 | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đồng              | 350                    | 380                   |         |
| 24  | Ấp Bà Ai I                        | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đồng              | Đến hết ranh đất ông Võ Hoàng Thọ                 | 300                    | 330                   |         |
| 25  | Ấp Bình Dân, Tà Suôl, Bà Ai I     | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Quêl (kênh 6.000)     | Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc (bờ Đông kênh Hòa Bình) | 300                    | 330                   |         |
| 26  | Ấp Bình Dân                       | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hai Hoàng                    | Đến giáp xã Ninh Hòa (đối diện nhà ông Danh Phal) | 300                    | 330                   |         |



| STT        | Tên đường                      | Đoạn đường                                   |                                                   | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|------------|--------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|            |                                | Điểm đầu                                     | Điểm cuối                                         |                        |                       |         |
| 27         | Ấp Cai Giảng - Phước Hòa       | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Cang    | Đến hết ranh đất ông Đoàn Văn Cơ (đầu kênh 6.000) | 300                    | 330                   |         |
| 28         | Tuyến đường nhựa mặt đường 2m  | Bắt đầu từ hết ranh đất ông Phạm Văn Cả      | Đến giáp cầu Trường học Phước Hòa                 | 250                    | 280                   |         |
| 29         | Ấp Bà Ai I                     | Bắt đầu từ trụ sở UBND xã (giáp cầu ông Tân) | Đến cầu Thanh niên (rạch Thầy Cai)                | 590                    | 620                   |         |
| 30         | Ấp Tà Suôl                     | Bắt đầu từ cầu Thanh niên (rạch Thầy Cai)    | Đến cầu 1000 (ranh đất Nguyễn Văn Sưa)            | 420                    | 450                   |         |
| 31         | Ấp Cai Giảng                   | Bắt đầu từ cầu ông 7 Nhỏ                     | Đến giáp kênh 3 tháng 2                           | 250                    | 280                   |         |
| 32         | Tuyến Vĩnh Ninh - ấp Kinh Xáng | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đức   | Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc                         | 250                    | 280                   |         |
| <b>III</b> | <b>XÃ NINH QUỚI</b>            |                                              |                                                   |                        |                       |         |
| 1          | ấp Phú Tây                     |                                              |                                                   |                        |                       |         |
|            |                                | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Phương  | Đến cầu 30 tháng 4                                | 450                    | 490                   |         |
|            |                                | Bắt đầu từ cầu 30 tháng 4                    | Đến cầu Bà Âu                                     | 250                    | 280                   |         |
|            |                                | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Sách    | Đến hết ranh đất ông Quách Văn Tạo                | 360                    | 390                   |         |

| STT | Tên đường    | Đoạn đường                                                       |                                                            | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|--------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |              | Điểm đầu                                                         | Điểm cuối                                                  |                        |                       |         |
|     |              | Bắt đầu từ ngã tư chợ Ninh Quới (Nguyễn Ngọc Ẩn)                 | Đến hết ranh đất ông Trịnh Văn Ty                          | 360                    | 400                   |         |
|     |              | Bắt đầu từ cầu chợ Ninh Quới                                     | Đến hết ranh đất công                                      | 400                    | 440                   |         |
|     |              | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sử Văn Khuyên                        | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quận                       | 350                    | 390                   |         |
|     |              | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Thủy                       | Đình Thàn Nguyễn Trung Trực                                | 280                    | 300                   |         |
|     |              | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Khanh                          | Đến 1/2 ranh đất ông Danh Chanh                            | 250                    | 280                   |         |
|     |              | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Thủy                       | Đến hết ranh đất ông Trần Hoàng Em                         | 280                    | 300                   |         |
|     |              | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trần Thị Hai (cầu giáp ranh Ninh Hòa) | Đến hết ranh Thái Đức Hồng                                 | 350                    | 390                   |         |
| 2   | Ấp Ninh Phú  | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Giỏi                           | Đến Đình Thàn Nguyễn Trung Trực                            | 280                    | 300                   |         |
| 3   | Ấp Ninh Điền | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuyết Dương                     | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thế (cầu giáp Ninh Quới A) | 280                    | 300                   |         |

| STT | Tên đường     | Đoạn đường                                   |                                       | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------|----------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |               | Điểm đầu                                     | Điểm cuối                             |                        |                       |         |
| 4   | Ấp Ninh Bình  | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Thép    | Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Dợt     | 280                    | 300                   |         |
| 5   | Ấp Ngọn       | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Còn     | Đến hết ranh ông Đặng Văn Thạch       | 280                    | 300                   |         |
| 6   | Ấp Vàm        | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Thạch   | Đến cầu Bà Âu                         | 280                    | 300                   |         |
| 7   | Ấp Ninh Điền  |                                              |                                       |                        |                       |         |
|     |               | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Diệp Văn Út      | Đến hết ranh đất ông Phan Văn Còn     | 280                    | 300                   |         |
|     |               | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trương Văn Thắng | Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Lô       | 280                    | 300                   |         |
|     |               | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Be    | Đến hết ranh đất ông Chiền            | 280                    | 300                   |         |
| 8   | Ấp Ninh Thành | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Quận  | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thuần | 280                    | 300                   |         |
| 9   | Ấp Ninh Tân   | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Sơn       | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thuần | 260                    | 280                   |         |
| 10  | Kênh Trà Đốt  | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Ngự       | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Văn   | 260                    | 280                   |         |

| STT | Tên đường          | Đoạn đường                                         |                                             | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                    | Điểm đầu                                           | Điểm cuối                                   |                        |                       |         |
| 11  | Tuyến Lung Phèn    | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Thu           | Đến hết ranh đất ông 6 Chem                 | 280                    | 300                   |         |
| 12  | Ấp Ngọn            | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Tư (Tư Rút)   | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Nghị (bờ Tây) | 250                    | 280                   |         |
|     |                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Tư (Tư Rút)   | Đến hết ranh đất ông Huỳnh Trung Liên       | 280                    | 300                   |         |
|     |                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 2 Trà                  | Đến hết ranh đất ông Trần Hoàng Thọ         | 280                    | 300                   |         |
| 13  | Ấp Ninh Tân        | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Nghị (bờ Tây) | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sự          | 280                    | 300                   |         |
|     |                    | Bắt đầu từ cầu 2 Ân                                | Hết ranh thửa đất ông Nguyễn Văn Cuôi       | 280                    | 300                   |         |
| 14  | Ấp Ngan Kè         | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Hùng Dũng       | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Ngọc Hương      | 280                    | 300                   |         |
|     |                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 7 Lạc                  | Đến hết ranh đất ông 7 Nỹ                   | 280                    | 300                   |         |
| 15  | Tuyến kênh Ngan Kè | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Chí Nguyên         | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Giới        | 280                    | 300                   |         |

| STT       | Tên đường                          | Đoạn đường                                           |                                                | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|           |                                    | Điểm đầu                                             | Điểm cuối                                      |                        |                       |         |
| 16        | Ấp Xóm Tre                         | Bắt đầu từ cầu 7 Cẩm                                 | Hết ranh thửa đất ông 6 Tiến                   | 280                    | 300                   |         |
| 17        | Tuyến Cây Me                       | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 4 Ngàn                   | Kênh Cây Me                                    | 280                    | 300                   |         |
| 18        | Ấp Ninh Thành                      | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Trứ           | Đến ranh đất ông Lâm Mười Lớn                  | 280                    | 300                   |         |
| <b>IV</b> | <b>XÃ NINH QUỚI A</b>              |                                                      |                                                |                        |                       |         |
| 1         | Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau           | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Vĩnh (ông 7 Chành)   | Đến hết ranh đất bà Nguyễn Thị Lan             | 600                    | 650                   |         |
| 2         | Bờ bắc kênh Quản lộ Phụng Hiệp     | Bắt đầu từ giáp ranh đất bà Nguyễn Thị Lan           | Đến ấp Phước Hòa Tiền - thị trấn Phước Long    | 500                    | 570                   |         |
| 3         | Đường bờ Bắc kênh Quản lộ          | Bắt đầu từ Trạm Giao thông đường thủy huyện Hồng Dân | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Ri (ấp Ninh Lợi) | 500                    | 570                   |         |
| 4         | Đường bờ Nam kênh QL (chợ)         | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Tài             | Đến cầu Rạch Cũ (ông Lý Ích)                   | 1,500                  | 1,750                 |         |
| 6         | Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ) |                                                      |                                                |                        |                       |         |

| STT | Tên đường                          | Đoạn đường                                   |                                                     | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                    | Điểm đầu                                     | Điểm cuối                                           |                        |                       |         |
|     |                                    | Bắt đầu từ chùa Hưng Thiên Tự                | Đến hết ranh đất ông Lưu Minh Trung                 | 500                    | 560                   |         |
|     |                                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Minh Trung   | Đến hết ranh đất kho lương thực                     | 450                    | 520                   |         |
|     |                                    | Bắt đầu từ hết ranh đất kho lương thực       | Đến giáp ranh Phường 3, TX. Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng | 400                    | 450                   |         |
|     |                                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Xiếu       | Hướng Cầu Sập giáp cầu 3 Đẽ                         | 500                    | 560                   |         |
|     |                                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà Ba Hòn               | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Hùng                  | 450                    | 520                   |         |
| 7   | Kênh Xóm Chùa                      | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Châu             | Đến Quản lộ Phụng Hiệp                              | 300                    | 340                   |         |
| 8   | Đường lộ hậu sau chợ               | Bắt đầu từ trụ sở xã Ninh Quới A (trụ sở cũ) | Đến đường cầu mới Ninh Quới A                       | 1,000                  | 1,150                 |         |
| 9   | Đường phía Tây Ninh Quới - Cầu sập | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phải  | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Luân                  | 1,000                  | 1,150                 |         |
|     |                                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Liệt    | Đến hết ranh đất ông Diệp Bình Hồng                 | 900                    | 1,000                 |         |

| STT | Tên đường                                          | Đoạn đường                                   |                                                | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                    | Điểm đầu                                     | Điểm cuối                                      |                        |                       |         |
|     |                                                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Khải    | Đến hết ranh ông Nguyễn Văn Việt               | 800                    | 860                   |         |
|     |                                                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Đăng    | Đến cầu Chín Tôn (giáp huyện Phước Long)       | 700                    | 760                   |         |
| 10  | Đường phía Tây Ninh Quới A - Ngan Dừa              | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hiệp             | Đến cầu 3 Gió                                  | 500                    | 550                   |         |
|     |                                                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Ủ                 | Đến Ninh Thạnh II xã Ninh Hòa (cầu 3.000)      | 350                    | 380                   |         |
| 11  | Đường phía Đông Ninh Quới - Ngan Dừa               |                                              |                                                |                        |                       |         |
|     |                                                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Phiếng | Đến hết ranh đất ông Lê Thanh Hải              | 500                    | 550                   |         |
| 12  | Đường phía Bắc Ninh Quới A - Vĩnh Quới - Sóc Trăng | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Biểu  | Đến giáp ranh xã Vĩnh Quới, Ngã Năm, Sóc Trăng | 350                    | 380                   |         |
| 13  | Đường phía Đông Ninh Quới A - Ngan Dừa             |                                              |                                                |                        |                       |         |
|     |                                                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Vân        | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Đức              | 400                    | 440                   |         |
|     |                                                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Điện    | Đến hết ranh đất ông Trương Văn Hải            | 320                    | 360                   |         |

| STT | Tên đường            | Đoạn đường                                     |                                                     | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                      | Điểm đầu                                       | Điểm cuối                                           |                        |                       |         |
|     |                      | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Mai Thị Vân         | Kênh Mười Sộp                                       | 300                    | 350                   |         |
| 14  | Các tuyến lộ nhựa 2m | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ | Đến hết ranh đất ông Huỳnh Thanh Dân (ấp Ninh Tiến) | 250                    | 280                   |         |
|     |                      | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Sắc                 | Đến nhị tỷ Ninh Hiệp (giáp ranh xã Mỹ Quới )        | 300                    | 330                   |         |
|     |                      | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lệ                  | Đến chùa Chệt Sĩa (giáp ranh xã Mỹ Quới )           | 250                    | 280                   |         |
|     |                      | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đỗ Thị Sáng         | Đến hết ranh đất ông Lê Văn Diêu (ấp Ninh Hiệp)     | 300                    | 330                   |         |
|     |                      | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Đăng Thêm     | Đến hết ranh đất ông Hồng Văn Khởi (vàm Tư Tảo)     | 250                    | 280                   |         |
|     |                      | Bắt đầu từ cầu Chín Điệu                       | Đến hết ranh đất ông Danh Thượng (Ninh Chùa)        | 250                    | 280                   |         |
|     |                      | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Phương      | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quang (cầu 3 Tài)   | 250                    | 280                   |         |



| STT | Tên đường                                          | Đoạn đường                                                  |                                                  | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                    | Điểm đầu                                                    | Điểm cuối                                        |                        |                       |         |
|     |                                                    | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mai Văn Sanh                    | Đến hết ranh đất ông Lê Bửu Trang                | 350                    | 380                   |         |
| 15  | Đường cầu mới Ninh Quới A                          |                                                             |                                                  |                        |                       |         |
| 16  | Đoạn nối giữa đường Ngan Dừa - Ninh Quới A (lộ 63) | Bắt đầu từ 0m (tính từ mép Lộ 63)                           | Đến hết ranh đất miếu Ông Bồn                    | 500                    | 560                   |         |
| 17  | Đoạn nối giữa đường Ninh Quới A - Cầu Sập          | Bắt đầu từ 0m (tính từ mép lộ đường Ninh Quới A - Cầu Sập)  | Đến cầu mới Ninh Quới A                          | 700                    | 780                   |         |
| 18  | Quản lộ Phụng Hiệp                                 | Bắt đầu từ ranh đất ông Ba Ta                               | Đến cổng Hai Quan                                | 600                    | 680                   |         |
| 19  | Đường dẫn Cổng âu thuyền                           | Bắt đầu từ cổng Âu thuyền                                   | Đến cổng phân ranh mặn ngọt: Cầu Sập - Ninh Quới | 350                    | 390                   |         |
| 20  | Đường Lộ Hậu                                       | Bắt đầu từ đường Cầu Sập - Ninh Quới                        | Đến cầu Rạch Cũ                                  | 500                    | 560                   |         |
| 21  | Đường lộ mới trụ sở xã Ninh Quới A                 | Bắt đầu từ trụ sở UBND xã Ninh Quới A (từ ranh nhà ông Thọ) | Đến đường Cầu Sập - Ninh Quới (chợ mới)          | 1,000                  | 1,150                 |         |

| STT | Tên đường                     | Đoạn đường                               |                                      | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                               | Điểm đầu                                 | Điểm cuối                            |                        |                       |         |
| 22  | Kênh 3/2                      | Bắt đầu từ cầu 3/2                       | Đến hết ranh đất nhà bà Cao Thị Ngân |                        | 280                   | Bổ sung |
| 23  | Kênh Ba Đồng                  | Bắt đầu từ cầu 3 Tài                     | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Ngọc |                        | 280                   | Bổ sung |
| 24  | Cầu 7 Mai                     | Bắt đầu từ ranh đất bà Võ Thị Anh Đào    | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn On   |                        | 280                   | Bổ sung |
| 25  | Kênh Le Le (đường phía Nam)   | Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Thanh Hải     | Đến hết ranh đất ông Đặng Thành Việt |                        | 280                   | Bổ sung |
| 26  | Kênh Le Le (đường phía Bắc)   | Bắt đầu từ ranh đất bà Lê Thị Tú Em      | Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Phấn   |                        | 280                   | Bổ sung |
| 27  | Kênh Le Le (đường phía Nam)   | Bắt đầu từ ranh đất ông Phạm Văn Nghiệp  | Đến hết ranh đất ông Trần Thanh Hải  |                        | 280                   | Bổ sung |
| 28  | Tuyến lộ nhựa 2m              | Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Đăng    | Đến hết ranh đất ông Cao Trung Dương |                        | 280                   | Bổ sung |
| 29  | Kênh 6 Tào                    | Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Nhuận   | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Thúc   |                        | 280                   | Bổ sung |
| 30  | Kênh Tư Tào (đường phía Đông) | Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Vũ Phưởng | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Xem    |                        | 280                   | Bổ sung |

| STT | Tên đường                       | Đoạn đường                                                    |                                                | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                 | Điểm đầu                                                      | Điểm cuối                                      |                        |                       |         |
| V   | XÃ NINH THẠNH LỢI               |                                                               |                                                |                        |                       |         |
| 1   | Tuyến Ninh Thạnh Lợi - Xã Thoàn | Bắt đầu từ ranh đất trụ sở UBND xã (ông Phạm Văn Bạch)        | Đến hết ranh đất chùa Bửu Lâm                  | 500                    | 560                   |         |
|     |                                 | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Nho                         | Đến hết ranh đất ông Võ Văn Chứng              | 300                    | 450                   |         |
|     |                                 | Bắt đầu từ ranh đất bà Ngô Diệu Dễ                            | Đến hết ranh đất ông Võ Văn Oai                | 300                    | 400                   |         |
|     |                                 | Bắt đầu từ ranh đất bà Đào Thanh Phương                       | Đến hết ranh đất ông Lục Văn Nghị              | 300                    | 350                   |         |
|     |                                 | Bắt đầu từ ranh Trường Tiểu học Nguyễn Văn Huyền              | Đến cầu Vàm Xẻo Gừa                            | 300                    | 300                   |         |
|     |                                 | Bắt đầu từ ranh đất bà Phạm Thị Lạc (đối diện trụ sở UBND xã) | Đến hết ranh đất ông Đinh Văn Giới             | 450                    | 490                   |         |
| 2   | Tuyến Ninh Thạnh Lợi - Xã Thoàn | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Răng                     | Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Khanh (đầu kênh) | 350                    | 390                   |         |

| STT | Tên đường | Đoạn đường                                                        |                                                                      | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |           | Điểm đầu                                                          | Điểm cuối                                                            |                        |                       |         |
|     |           | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Thuận (đầu kênh 13.000)      | Đến hết ranh đất ông Lê Văn Sĩ (đầu kênh 14.000)                     | 280                    | 300                   |         |
|     |           | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Tùng (đầu kênh 14000)        | Đến hết ranh đất ông Trần Bách Chiến                                 | 250                    | 280                   |         |
|     |           | Bắt đầu từ ranh đất trụ sở UBND xã                                | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mới                                  | 500                    | 560                   |         |
|     |           | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quách Văn Lăng                        | Đến hết ranh đất ông Trần Xiêm                                       | 450                    | 490                   |         |
|     |           | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quách Văn Khải                        | Đến giáp cầu kênh 10.000 (Kos Thum) Danh Cáo                         | 400                    | 450                   |         |
|     |           | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Hoàng Phấn (đầu kênh 10.000)       | Đến hết ranh đất ông Danh Hoàng Phên (kênh 6.000 giáp xã Phước Long) | 350                    | 380                   |         |
|     |           | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Phạm Thị Lạc (đối diện trụ sở UBND xã) | Đến hết ranh đất ông Ngô Diệu Liêm                                   | 450                    | 490                   |         |

| STT | Tên đường                                | Đoạn đường                                                                              |                                                         | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                          | Điểm đầu                                                                                | Điểm cuối                                               |                        |                       |         |
|     |                                          | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Thành                                              | Đến hết ranh đất ông Quách Văn Nghiêm (đầu kênh 13.000) | 350                    | 390                   |         |
|     |                                          | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Quốc Bảo                                                 | Đến đầu kênh 12.000 (giáp xã Ninh Thạnh Lợi A)          | 300                    | 350                   |         |
| 3   | Khu Trung tâm chợ xã                     | Bắt đầu từ ranh đất ông Võ Văn Nghi (đọc theo tuyến Lộc Ninh - Ninh Thạnh Lợi)          | Đến hết ranh đất ông Tăng Thanh Bình                    | 500                    | 550                   |         |
| 4   | Tuyến lộ nội bộ xã                       | Từ Ngã ba lộ nội bộ (giáp phần đất ông Lưu Hùng Liệt)                                   | Đến trước ngã ba lộ chợ (nhà ông Nguyễn Hoàng Tân)      | 700                    | 770                   |         |
|     |                                          | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiến                                            | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hay                     | 700                    | 770                   |         |
| 5   | Tuyến Vàm Xẻo Gừa - Cái Chanh - Cạnh Đền | Bắt đầu từ giáp móng cầu vàm Xẻo Gừa - Cây Cui qua ấp Cây Cui                           | Đến hết ranh đất ông Trương Thanh Hà (cầu kênh 14.000)  | 250                    | 280                   |         |
| 6   | Tuyến Cạnh Đền - Phó Sinh                | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bảy Nhờ (đầu kênh Dân Quân - giáp ranh xã Ninh Thạnh Lợi A) | Đến ranh đất ông Trương Minh Hùng                       | 400                    | 450                   |         |

| STT | Tên đường                             | Đoạn đường                                                                      |                                                                        | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                       | Điểm đầu                                                                        | Điểm cuối                                                              |                        |                       |         |
|     |                                       | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trương Minh Hùng                                    | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Nghĩa (đầu kênh 14.000)                  | 350                    | 390                   |         |
| 7   | Tuyến kênh Dân Quân                   | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quách Văn Nam                                       | Đến hết ranh đất ông Lê Văn Tuấn                                       | 400                    | 450                   |         |
|     |                                       | Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Lê Văn Tuấn                                     | Đến ranh đất ông Bảy Nhờ (cầu kênh Dân Quân - giáp ranh xã NT Lợi A)   | 350                    | 390                   |         |
| 8   | Tuyến kênh 3/2                        | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khải                                     | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Bó (đầu kênh ông Danh Kẹo) phía Tây      | 300                    | 340                   |         |
| 9   | Tuyến kênh 3/2 (phía đối diện lộ 3/2) | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Điền Côn - (đầu kênh ông Danh Kẹo) - phía Đông | Đến hết ranh đất ông Phạm Phước Hương                                  | 250                    | 280                   |         |
|     |                                       | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Bó (dọc theo kênh ông Kẹo)                 | Đến hết ranh đất ông Quách Văn Chiến                                   | 250                    | 280                   |         |
|     |                                       | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trần Mỹ Án (cầu kênh ranh)                           | Đến cầu kênh Cộng Hòa giáp xã Lộc Ninh (hết ranh đất ông Lại Văn Nhịn) | 300                    | 340                   |         |

| STT | Tên đường                                      | Đoạn đường                                                        |                                                                      | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                | Điểm đầu                                                          | Điểm cuối                                                            |                        |                       |         |
| 10  | Tuyến kênh Ranh                                | Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Quốc Toàn (giáp cầu kênh Ranh)     | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hải                                  | 350                    | 380                   |         |
|     |                                                | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Thanh Hiền                        | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Khoa (đầu kênh Bùng Bình)              | 300                    | 380                   |         |
|     |                                                | Bắt đầu từ ranh cầu Bùng Bình                                     | Đến hết ranh đất Trg. TH Nguyễn Văn Huyền (Ngô Kim)                  | 280                    | 300                   |         |
| 11  | Tuyến kênh Ranh                                | Bắt đầu từ phần đất ông Phạm Ngọc Diệp                            | Đến ranh đất ông Trương Quang Ba                                     | 250                    | 280                   |         |
| 12  | Tuyến kênh Cộng Hòa                            | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thành (kênh Cai Giăng Vàm) | Hết ranh đất ông Trần Văn Cang - đầu kênh 6.000 (giáp xã Phước Long) | 380                    | 420                   |         |
| 13  | Tuyến Cai Giăng - Vàm Chùa - Ngô Kim - Cây Cui |                                                                   |                                                                      |                        |                       |         |
|     |                                                | Bắt đầu từ ranh đất Trần Văn Uẩn (điểm áp Cai Giăng)              | Đến hết ranh đất ông Trần Quốc Lâm (cầu xã sang)                     | 350                    | 380                   |         |

| STT | Tên đường                                         | Đoạn đường                                                               |                                                             | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                   | Điểm đầu                                                                 | Điểm cuối                                                   |                        |                       |         |
|     |                                                   | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Quốc Thống (cầu xã sang)                | Đến hết ranh đất ông Trương Quang Ba (cầu kênh Ranh)        | 300                    | 330                   |         |
| 14  | Tuyến kênh Dân Quân                               | Bắt đầu từ đầu kênh ông Yêm (giáp xã NTLợi A)                            | Đến hết ranh đất ông Lý Văn Vũ - giáp ranh Ninh Thạnh Lợi A | 250                    | 280                   |         |
| 15  | Tuyến kênh 6.000<br>Phía Bắc                      | Bắt đầu từ hết ranh đất ông Danh Hoàng Phên (cầu kênh 6.000)             | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Cang (kênh Cộng Hòa)          | 300                    | 330                   |         |
| 16  | Tuyến kênh 7.000 (ấp Cai Giăng + Ninh Thạnh Đông) |                                                                          |                                                             |                        |                       |         |
|     |                                                   | Bắt đầu từ hết ranh đất ông Nguyễn Văn Chiến - đầu cầu 7.000 (bờ Tây)    | Đến hết ranh đất ông Thái Văn Bạch                          | 300                    | 340                   |         |
|     |                                                   | Bắt đầu từ hết ranh đất ông Thái Văn Bạch (đầu cầu kênh 7.000 - bờ Đông) | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Quân                          | 280                    | 320                   |         |
| 17  | Kênh 8.000 (ấp Cai Giăng )                        | Bắt đầu từ hết ranh đất bà Võ Thị Diệu (bờ Tây)                          | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lòi                         | 300                    | 340                   |         |



| STT | Tên đường                       | Đoạn đường                                                            |                                                                  | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                 | Điểm đầu                                                              | Điểm cuối                                                        |                        |                       |         |
|     |                                 | Bắt đầu từ hết ranh đất ông Võ Văn Buôi (đầu cầu kênh 8000 - bờ Đông) | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quân                             | 280                    | 300                   |         |
| 18  | Tuyến kênh 9.000 (ấp Kos thum ) | Bắt đầu từ hết ranh đất ông Tăng Bình (bờ Tây)                        | Đến hết ranh đất ông Mười Nhỏ                                    | 280                    | 300                   |         |
|     |                                 | Bắt đầu từ hết ranh đất bà Trần Thị Luối (bờ Đông)                    | Đến hết ranh đất ông Châu Văn Hội                                | 280                    | 300                   |         |
| 19  | Tuyến kênh 10.000 (ấp Kos Thum) | Bắt đầu từ hết ranh đất ông Danh Mộ                                   | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Xuân Hồng (phía Tây kênh Cộng Hòa)   | 250                    | 280                   |         |
|     |                                 | Bắt đầu từ hết ranh đất ông Tăng Đờ Ra                                | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Xuân Hồng (hướng Đông kênh Cộng Hòa) | 300                    | 330                   |         |
| 20  | Tuyến kênh Cai Giăng (hai bên)  | Từ hết ranh đất ông Trần Xón                                          | Đến hết ranh đất ông Cao Văn Thành                               | 280                    | 300                   |         |
| 21  | Tuyến kênh xã sang              | Từ hết ranh đất ông Danh Cáo (ấp KosThum)                             | Đến giáp ranh đất ông Trần Quốc Thống (cầu xã sang)              | 300                    | 330                   |         |

| STT | Tên đường                              | Đoạn đường                                                              |                                                              | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                        | Điểm đầu                                                                | Điểm cuối                                                    |                        |                       |         |
|     |                                        | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thị Đạm (ấp KosThum) - Bờ Tây                | Đến hết ranh đất ông Trần Quốc Lâm (cầu xã sang)             | 250                    | 280                   |         |
| 22  | Tuyến Tà Hong                          | Từ ranh đất ông Danh Cảnh (ấp Kos Thum) - bờ Tây                        | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Quân (hướng Tây kênh Cộng Hòa) | 400                    | 440                   |         |
|     |                                        | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Nhiếp (ngang chùa Kos Thum) - bờ Đông | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nguyễn (đầu kênh 7.000)      | 300                    | 340                   |         |
| 23  | Tuyến vành đai Kos Thum Ninh Thạnh Tây |                                                                         |                                                              |                        |                       |         |
|     |                                        | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quách Văn Bình                              | Đến hết ranh đất ông Đặng Hữu Tâm                            | 300                    | 340                   |         |
|     |                                        | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Ánh (đọc theo lộ nhựa)                   | Đến ranh đất nhà ông Danh Xương (cầu chùa Kos Thum)          | 400                    | 450                   |         |
|     |                                        | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quách Kía                                   | Đến hết ranh cầu Giác Dao (Tăng Bạch)                        | 300                    | 330                   |         |
|     |                                        | Bắt đầu từ ranh đất Lý Văn Liếp (đọc theo xóm 3)                        | Đến hết ranh đất ông Danh Nhị                                | 280                    | 300                   |         |

| STT | Tên đường                  | Đoạn đường                                                |                                                       | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                            | Điểm đầu                                                  | Điểm cuối                                             |                        |                       |         |
|     |                            | Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Khêl                         | Đến hết ranh đất ông Danh Thol                        | 280                    | 300                   |         |
| 24  | Tuyến bùng binh ấp Xẻo Gừa | Bắt đầu từ ranh đất nhà Lê Văn Tú (Vàm Xẻo Gừa)           | Đến hết ranh đất bà 9 Ky                              | 250                    | 280                   |         |
|     |                            | Bắt đầu từ ranh đất nhà của ông Nguyễn Văn Đèo            | Đến hết ranh đất của ông Sáu Sài - cầu Bùng Binh      | 250                    | 280                   |         |
| 25  | Tuyến kênh Hào Xĩa         | Bắt đầu từ ranh đất ông 3 Em (đầu kênh)                   | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Trang (cuối kênh)     | 250                    | 280                   |         |
|     |                            | Bắt đầu từ ranh đất nhà của ông Nguyễn Văn Hơn (đầu kênh) | Đến hết ranh đất ông Thu (cuối kênh)                  | 250                    | 280                   |         |
| 26  | Tuyến kênh Cây Mết         | Bắt đầu từ cầu ông Út Quán (ấp Cây Mết)                   | Đến hết ranh đất bà Nguyễn Thị Bé Năm (Cai Giăng)     | 250                    | 280                   |         |
|     |                            | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Thừa                 | Đến hết ranh đất ông Từ Văn Như (giáp kênh Cai Giăng) | 250                    | 280                   |         |
| 27  | Tuyến kênh Đồn             | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Thịnh               | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Tuấn                    | 250                    | 280                   |         |

| STT       | Tên đường                  | Đoạn đường                                             |                                                  | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----------|----------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|           |                            | Điểm đầu                                               | Điểm cuối                                        |                        |                       |         |
|           |                            | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Nghĩa           | Đến hết ranh đất ông Lê Hoàng Hiến               | 250                    | 280                   |         |
| 28        | Kênh Tập Đoàn              | Cầu ông Yêm                                            | Đến giáp ranh Ninh Thạnh Lợi A                   | 250                    | 280                   |         |
| 29        | Kênh 12.000                | Bắt đầu từ ranh nhà ông Trần Hồng Dân (cầu kênh 12000) | Đến giáp ranh Ninh Thạnh Lợi A (cầu bà Chưng)    | 250                    | 280                   |         |
| 30        | Tuyến kênh 14              | Bắt đầu từ đất ông Trần Thanh Hóa (bờ Đông)            | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lâm              |                        | 280                   | Bổ sung |
|           |                            | Bắt đầu từ đất ông Nguyễn Thanh Tạo (bờ Tây)           | Đến giáp ranh đất ông Lê Văn Biểu                |                        | 280                   | Bổ sung |
| 31        | Tuyến kênh 15              | Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Sĩ (bờ Đông)            | Đến ranh đất ông Trương Văn Chính                |                        | 280                   | Bổ sung |
|           |                            | Bắt đầu từ ranh đất bà Nguyễn Thị Ngọc Thu (bờ Tây)    | Đến ranh đất ông Trần Văn Nghĩa                  |                        | 280                   | Bổ sung |
| <b>VI</b> | <b>XÃ NINH THẠNH LỢI A</b> |                                                        |                                                  |                        |                       |         |
| 1         | Kênh Cạnh Đền - Phó Sinh   | Bắt đầu từ cầu kênh Dân Quân                           | Đến giáp cổng chào xã Phước Long (đất ông Khuê ) | 350                    | 380                   |         |

| STT | Tên đường                             | Đoạn đường                                                               |                                                                           | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                       | Điểm đầu                                                                 | Điểm cuối                                                                 |                        |                       |         |
|     |                                       | Bắt đầu từ ngã tư Cạnh Đèn<br>(từ ranh đất ông Huỳnh Văn Hà)             | Đến cầu kênh Dân Quân<br>(hết ranh đất bà Mát)                            | 400                    | 440                   |         |
|     |                                       | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông<br>Trần Văn Nhờ (cầu kênh<br>Dân Quân)       | Đến kênh 6.000 (hết ranh<br>đất ông Nguyễn Văn Cua<br>giáp xã Phước Long) | 350                    | 380                   |         |
| 2   | Tuyến Cạnh Đèn                        | Bắt đầu từ ngã tư cạnh đèn<br>(từ ranh đất ông 7 Cừ)                     | Đến đường dẫn vào cơ<br>quan xã (giáp ranh đất bà<br>Nguyễn Thị Cẩm Như)  | 400                    | 430                   |         |
|     |                                       | Đến đường dẫn vào cơ quan<br>xã (giáp ranh đất bà Nguyễn<br>Thị Cẩm Như) | Từ ranh đất chùa Phong<br>Lợi Tự                                          | 350                    | 380                   |         |
|     |                                       | Bắt đầu từ ranh đất chùa<br>Phong Lợi Tự                                 | Đến cầu kênh Dân Quân<br>(hết ranh đất ông Sáu<br>Dộp)                    | 350                    | 380                   |         |
| 3   | Kênh Ninh Thạnh Lợi                   | Bắt đầu từ kênh 12000 (từ<br>ranh đất ông Út Lồng Đèn)                   | Đến cầu kênh 6.000 giáp<br>xã Phước Long (Vũ<br>Thanh Tòng)               | 300                    | 340                   |         |
| 4   | Kênh 20 ấp Thống<br>Nhất - kênh 8.000 | Bắt đầu từ cầu kênh Ngan<br>(từ ranh đất bà Đỗ Thị Húl)                  | Đến giáp kênh xáng Xã<br>Thoàn (hết ranh đất<br>Trường Trần Kim Túc)      | 300                    | 340                   |         |

| STT | Tên đường               | Đoạn đường                                                    |                                                                 | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                         | Điểm đầu                                                      | Điểm cuối                                                       |                        |                       |         |
| 5   | Kênh 8.000              | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Năm Hèm                           | Đến cầu kênh Ngan (hết ranh đất bà Nguyễn Thị Qui)              | 350                    | 390                   |         |
| 6   | Kênh ông Yêm            | Bắt đầu từ cầu kênh thủy lợi giáp xã Ninh Thạnh Lợi (Danh Ươ) | Đến kênh 13.000 (Danh Đẹp )                                     | 300                    | 340                   |         |
| 7   | Kênh Dân Quân           | Từ cầu kênh Dân Quân (từ ranh đất nhà ông Thanh)              | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Thành Nghiệp                        | 350                    | 380                   |         |
| 8   |                         | Bắt đầu từ hết ranh đất ông Nguyễn Thành Nghiệp               | Đến hết ranh đất miếu Ông Tà                                    | 300                    | 330                   |         |
| 9   | Kênh 12.000             | Bắt đầu từ ranh đất ông Tám Đô                                | Đến giáp ranh đất xã Ninh Thạnh Lợi (hết ranh đất ông Danh Hươ) | 250                    | 280                   |         |
| 10  | Kênh 6.000              | Bắt đầu từ kênh xáng nhà Lầu (từ ranh đất ông Ba Quấn)        | Đến giáp ranh xã Phước long (cột mốc ranh xã Phước Long)        | 350                    | 380                   |         |
| 11  | Tuyến Bắc kênh Dân Quân | Bắt đầu từ cầu kênh Dân Quân (hết ranh đất bà Mát)            | Đến hết ranh đất ông Hai Hùng                                   | 350                    | 380                   |         |
| 12  | Tuyến kênh Cạnh Đèn     | Bắt đầu từ cầu kênh Dân Quân (từ ranh đất bà Thủy)            | Đến kênh Tập Đoàn (hết ranh đất Huyện đội)                      | 300                    | 340                   |         |

| STT        | Tên đường                 | Đoạn đường                                                     |                                                         | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|            |                           | Điểm đầu                                                       | Điểm cuối                                               |                        |                       |         |
| 13         | Tuyến phía Bắc kênh 6.000 | Bắt đầu từ kênh 6.000 (từ ranh đất ông Khánh)                  | Đến kênh xáng Xã Thoàn (hết ranh đất ông Vũ Thanh Tòng) | 300                    | 340                   |         |
| 14         | Tuyến kênh 10.000         | Bắt đầu từ kênh Xã Thoàn - từ ranh đất nhà ông Nguyễn Việt Hải | Đến Bưu điện Văn hóa - ấp Nhà Lâu 1                     | 250                    | 280                   |         |
| <b>VII</b> | <b>XÃ VĨNH LỘC</b>        |                                                                |                                                         |                        |                       |         |
| 1          | Chợ Cầu Đỏ                | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đinh Thị Tuyết                      | Đến hết ranh đất ông Bùi Văn Minh                       | 850                    | 940                   |         |
| 2          | Chợ Cầu Đỏ                | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Văn Mùi                         | Đến cầu Trạm Y tế                                       | 710                    | 800                   |         |
|            |                           | Bắt đầu từ Đội Thuế (từ ranh đất Đội Thuế xã)                  | Đến hết ranh đất bà Nguyễn Hồng Nhan                    | 850                    | 940                   |         |
|            |                           | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Hoàng Nay                   | Đến hết ranh đất bà Nguyễn Hồng Tươi                    | 580                    | 700                   |         |
|            |                           | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Út Ba                         | Đến hết ranh đất nhà bà Hoàng Kim Oanh (tính cả 2 bên)  | 500                    | 700                   |         |
|            |                           | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đinh Văn Tâm                       | Cầu Ngan Dọp                                            | 300                    | 340                   |         |

| STT | Tên đường                       | Đoạn đường                                         |                                                        | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                 | Điểm đầu                                           | Điểm cuối                                              |                        |                       |         |
|     |                                 | Bắt đầu từ cầu Ngan Dọp                            | Đến cầu nhà Võ Thị Á                                   | 300                    | 500                   |         |
|     |                                 | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Thanh Giáp         | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Thành Trung (khu chữ U)    | 850                    | 920                   |         |
| 3   | Đường liên xã                   | Bắt đầu từ ngã 3 - ranh đất ông Phạm Văn Sự        | Đến cầu Trắng Hòa Bình                                 | 350                    | 500                   |         |
|     |                                 | Bắt đầu từ cầu Trắng Hòa Bình                      | Đến cầu chùa Sơn Trắng                                 | 280                    | 350                   |         |
|     |                                 | Bắt đầu từ cầu chùa ấp Sơn Trắng                   | Đến giáp xã Lộc Ninh                                   | 280                    | 350                   |         |
| 4   | Tuyến đường Trèm Trèm           | Bắt đầu từ trụ sở ấp Sơn Trắng                     | Đến hết ranh đất ông Đồng Văn Xuyên (cuối lộ)          | 250                    | 280                   |         |
| 5   | Tuyến Lung Chích                | Bắt đầu từ cầu Lung Chích                          | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Lực - kênh xáng Hòa Bình | 250                    | 280                   |         |
| 6   | Tuyến kênh Tây Ký               | Bắt đầu từ cầu Trắng Hòa Bình                      | Đến hết ranh đất ông Tượng                             | 250                    | 280                   |         |
| 7   | Bờ Tây kênh Tây Ký (hướng Đông) | Bắt đầu từ ranh đất Nhà máy Xay xát lúa gạo ông Đơ | Đến hết ranh đất ông Sáu Lùng                          | 250                    | 280                   |         |



| STT | Tên đường          | Đoạn đường                                          |                                                              | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                    | Điểm đầu                                            | Điểm cuối                                                    |                        |                       |         |
| 8   | Kênh Sóc Sáp       | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chín Đức                | Đến ngã tư Sóc Sáp                                           | 250                    | 280                   |         |
| 9   | Kênh Chín Cò       | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuấn Nhi           | Đến hết ranh đất Trường Tiểu học Nhựt Cẩm                    | 250                    | 280                   |         |
| 10  | Kênh lộ xe         | Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Nững             | Đến hết ranh đất ông Hà Văn Thắng                            | 250                    | 280                   |         |
| 11  | Tuyến rạch Bà AI   | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Lùng                | Đến hết ranh đất nhà ông Lưu Văn Xuân                        | 250                    | 280                   |         |
| 12  | Kênh xáng Hòa Bình | Bắt đầu từ ranh đất ông Mung                        | Đến hết ranh đất nhà ông Hà Văn Vện (tính hai bên kênh xáng) | 250                    | 280                   |         |
|     |                    | Bắt đầu từ Trạm Y tế                                | Hết ranh đất nhà ông Phong                                   | 300                    | 340                   |         |
| 13  | Kênh Ngang         | Bắt đầu từ lộ Chín Cò ranh đất ông Nguyễn Quốc Tuấn | Đến hết ranh đất nhà ông Được                                | 250                    | 280                   |         |
| 14  | Kênh Tư Bời        | Bắt đầu từ kênh xáng Hòa Bình                       | Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Phong                        | 250                    | 280                   |         |
| 15  | Kênh Vĩnh Ninh     | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hồ Văn Nhàn             | Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Phương - giáp xã Lộc Ninh  | 250                    | 280                   |         |

| STT         | Tên đường                             | Đoạn đường                                        |                                                 | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|             |                                       | Điểm đầu                                          | Điểm cuối                                       |                        |                       |         |
| 16          | Kênh Ba Quy                           | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Hòa          | Cầu Ba Quy                                      | 250                    | 280                   |         |
| 17          | Tuyến lộ xe - Cựa Gà                  | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Công Định        | Đến giáp móng cầu Võ Thị Á (giáp xã Vĩnh Lộc A) | 250                    | 300                   |         |
| 18          | Tuyến Hai Thiệu                       | Bắt đầu từ cầu Hai Cát                            | Đến kênh xáng Hòa Bình                          | 250                    | 280                   |         |
| 19          | Tuyến kênh Trạm Y tế                  | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Hạnh                   | Đến hết ranh đất nhà ông Định Văn Dũng          | 250                    | 400                   |         |
| 20          | Lộ Mới đoạn nối Vĩnh Lộc - Vĩnh Lộc A | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Ngọc        | Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Phương       | 250                    | 500                   |         |
| 21          | Tuyến đường cột                       | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 8 Nên                 | Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Thi             | 250                    | 280                   |         |
| <b>VIII</b> | <b>XÃ VĨNH LỘC A</b>                  |                                                   |                                                 |                        |                       |         |
| 1           | Tuyến khu vực chợ                     | Bắt đầu từ ranh đất ông Ba Thắng (ngã ba vào chợ) | Đến cầu Chùa                                    | 2,200                  | 2,550                 |         |
|             |                                       | Bắt đầu từ trụ sở ấp Ba Đình                      | Đến hết ranh đất buru điện                      | 2,200                  | 2,550                 |         |
|             |                                       | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nhựt                  | Đến hết ranh đất ông Hòa Cuội                   | 2,200                  | 2,550                 |         |

| STT | Tên đường                   | Đoạn đường                            |                                   | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                             | Điểm đầu                              | Điểm cuối                         |                        |                       |         |
|     |                             | Bắt đầu từ ranh đất ông Siêu          | Đến hết ranh đất quán nước ông Tỷ | 2,200                  | 2,550                 |         |
|     |                             | Bắt đầu từ ranh đất ông Bảy Ràng      | Đến hết ranh đất ông Mười Hề      | 500                    | 1,500                 |         |
| 2   | Tuyến Bến Bào về Ba Đình    | Bắt đầu từ ranh đất ông Tiêu Chí Long | Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tỷ | 300                    | 500                   |         |
| 3   | Tuyến Vĩnh Lộc - Vĩnh Lộc A | Bắt đầu từ trụ sở UBND xã             | Đến giáp xã Vĩnh Lộc              | 300                    | 360                   |         |
| 4   | Tuyến kênh lộ xe (bờ Đông)  | Bắt đầu từ ranh đất ông Chín Kia      | Đến hết ranh đất ông Lâm Ngọc Thi | 250                    | 280                   |         |
| 5   | Tuyến kênh lộ xe (bờ Tây)   | Bắt đầu từ ranh đất ông Chín To       | Đến hết ranh đất nền đồn cũ       | 250                    | 280                   |         |
| 6   | Sông Cá Chanh               | Bắt đầu từ ranh đất ông Tư Lan        | Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Sáng | 250                    | 280                   |         |
| 7   | Tuyến đầu kênh Mới          | Bắt đầu từ ranh đất ông Chín Kia      | Đến hết ranh đất ông Nguyên       | 250                    | 280                   |         |
| 8   | Kênh Sóc Sáp                | Bắt đầu từ Trường TH Nguyễn Trường Tộ | Hết ranh ông Trần Văn Chương      | 250                    | 280                   |         |

| STT | Tên đường         | Đoạn đường                               |                                               | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                   | Điểm đầu                                 | Điểm cuối                                     |                        |                       |         |
| 9   | Tuyến đầu kênh 3  | Bắt đầu từ ranh đất ông Hào              | Đến hết ranh đất ông Chanh                    | 250                    | 280                   |         |
| 10  | Lộ Bình Lộc       | Bắt đầu từ ranh đất ông Dương Văn Ba     | Đến hết ranh đất Bến Luông                    | 260                    | 300                   |         |
| 11  | Tuyến kênh 8 Lang | Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Kịch  | Đến hết ranh đất ông Trần Văn Sĩ              | 260                    | 300                   |         |
| 12  | Tuyến kênh Giữa   | Bắt đầu từ ranh đất ông Bảy Hón          | Đến hết ranh đất điểm Trường Nguyễn Trường Tộ | 250                    | 280                   |         |
| 13  | Kênh Chuối        | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đỗ Hoàng Hên | Đến giáp đất ông Đinh Văn Nguyễn              | 250                    | 280                   |         |
| 14  | Kênh Tám          | Bắt đầu từ cầu kênh Tám                  | Đến giáp kênh Giữa                            | 250                    | 280                   |         |
| 15  | Kênh Bà Từ        | Bắt đầu từ cầu Út Nhỏ                    | Đến giáp kênh Bến Bào                         | 250                    | 280                   |         |
| 16  | Kênh Mười         | Bắt đầu từ cầu Cây Khô                   | Đến giáp kênh Giữa                            | 250                    | 280                   |         |
| 17  | Sông Cái Tàu      | Bắt đầu từ cầu kênh 7                    | Đến hết ranh nhà ông Trần Văn Khoa            | 250                    | 280                   |         |
| 18  | Kênh Lô           | Bắt đầu từ cầu kênh Lô                   | Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Kiệt          | 250                    | 280                   |         |

| STT       | Tên đường                                   | Đoạn đường                                     |                                                          | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----------|---------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|           |                                             | Điểm đầu                                       | Điểm cuối                                                |                        |                       |         |
| 19        | Ô đê bao                                    | Bắt đầu từ ranh đất bà Phan Kim Dol            | Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Đèo                         |                        | 280                   | Bổ sung |
| 20        | Ô đê bao                                    | Bắt đầu từ ranh đất ông Ngô Văn Sáng           | Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Bền                         |                        | 280                   | Bổ sung |
| 21        | Kênh Chín Hý                                | Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Lâm             | Đến ranh đất ông Đinh Văn Nguyễn                         |                        | 280                   | Bổ sung |
| <b>IX</b> | <b>XÃ NINH HÒA</b>                          |                                                |                                                          |                        |                       |         |
| 1         | Tuyến lộ 63 (DT78)                          | Bắt đầu từ ranh đất Trạm Y tế                  | Đến giáp ranh xã Ninh Quới A (cầu 3.000)                 | 350                    | 380                   |         |
|           |                                             | Bắt đầu từ cầu 6.000 (Ninh Thạnh II)           | Đến hết ranh đất bà Lê Thị Hương (giáp cầu 7.000)        | 400                    | 450                   |         |
|           |                                             | Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Phi (cầu 7.000) | Đến giáp ranh xã Lộc Ninh (hết ranh đất ông Trần Văn Bá) | 360                    | 400                   |         |
| 2         | Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới | Bắt đầu từ ngã ba cầu chữ Y                    | Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Đực                      | 400                    | 440                   |         |
|           |                                             | Bắt đầu ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng           | Đến giáp thị trấn Ngan Dừa                               | 300                    | 340                   |         |

| STT | Tên đường                                                   | Đoạn đường                                                         |                                                                 | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                             | Điểm đầu                                                           | Điểm cuối                                                       |                        |                       |         |
|     |                                                             | Bắt đầu từ ngã ba cầu chữ Y                                        | Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Mừng                        | 400                    | 440                   |         |
|     |                                                             | Bắt đầu ranh đất Lê Hoàng Thoại                                    | Đến cầu Xéo Tràm                                                | 300                    | 340                   |         |
|     |                                                             | Bắt đầu từ cầu Xéo Tràm                                            | Đến cầu Ninh Quới (cầu Ba Hùng)                                 | 300                    | 340                   |         |
| 3   | Khu vực Cầu chữ Y                                           | Bắt đầu từ ngã ba Cầu Chữ Y                                        | Đến hết ranh đất bà Võ Thị Mừng (phía Đông)                     | 400                    | 440                   |         |
|     |                                                             | Bắt đầu từ ngã ba Cầu Chữ Y                                        | Đến hết ranh đất ông Võ Văn Đục (phía Tây về thị trấn Ngan Dừa) | 400                    | 440                   |         |
|     |                                                             | Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Hoàng Thoại (về Ninh Quới)              | Đến cầu Xéo Tràm                                                | 300                    | 340                   |         |
|     |                                                             | Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng (về Thị trấn Ngan Dừa)     | Đến cổng Bảy Ú                                                  | 300                    | 340                   |         |
| 4   | Tuyến Ninh Thạnh II - Tà Ky - Ninh Phước (phía có lộ nhựa ) | Bắt đầu từ cầu 8.000 Ninh Thạnh II, bờ có lộ nhựa (từ ranh bà Cam) | Đến giáp kênh xáng Hòa Bình hết ranh đất bà Nguyễn Thị Cẩm)     | 250                    | 280                   |         |

| STT | Tên đường                                | Đoạn đường                                                            |                                      | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                          | Điểm đầu                                                              | Điểm cuối                            |                        |                       |         |
| 5   | Tuyến Ninh Phước - Tà Óc - Ninh Thạnh II |                                                                       |                                      |                        |                       |         |
|     |                                          | Bắt đầu từ ranh đất Trường Trương Vĩnh Ký (ngã 3 Ninh Phước) - bờ Tây | Đến cầu 3.000 - ranh đất ông Hai Đại | 250                    | 280                   |         |
|     |                                          | Bắt đầu từ ranh đất ông Mười Sộp                                      | Đến cầu Bà Hiên, thị trấn Ngan Dừa   | 260                    | 300                   |         |
| 6   | Lộ nông thôn                             | Bắt đầu từ cầu Chín Khanh (Ninh Thạnh I)                              | Đến cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)      | 250                    | 280                   |         |
|     |                                          | Bắt đầu từ cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)                                | Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Mèo    | 250                    | 280                   |         |
|     |                                          | Bắt đầu từ cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)                                | Đến hết ranh đất ông Bảy Tý          | 280                    | 310                   |         |
|     |                                          | Bắt đầu từ cầu chữ Y - Bắt đầu từ ranh đất Huỳnh Văn Phận             | Đến cầu Ngan Châu                    | 250                    | 280                   |         |
|     |                                          | Bắt đầu từ ranh đất ông Lương Văn Cường                               | Đến hết ranh đất bà Đặng Thị Bé Hai  | 250                    | 280                   |         |
|     |                                          | Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Rít                                    | Đến cống Lá Viết                     | 280                    | 300                   |         |

| STT | Tên đường                                                         | Đoạn đường                                     |                                                            | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                                                   | Điểm đầu                                       | Điểm cuối                                                  |                        |                       |         |
| 7   | Đường vành đai sông Cái                                           | Bắt đầu từ ranh đất Trần Phong Sắc (Vĩnh An)   | Đến cầu Ba Hùng (giáp Ninh Quới)                           | 300                    | 340                   |         |
| 8   | Tuyến ngã tư Ninh An - Ninh Quới                                  | Bắt đầu từ ranh đất ông Võ Văn Hát             | Đến cầu ngã tư Ninh An (hết ranh đất bà Trần Thị Thích)    | 250                    | 280                   |         |
|     |                                                                   | Bắt đầu từ cầu Rọc Lá (ranh đất ông Võ Văn Nỡ) | Đến cầu Trung ương Đoàn (hết ranh đất ông Lương Văn Cường) | 250                    | 280                   |         |
|     |                                                                   | Bắt đầu từ Trường Tuệ Tĩnh                     | Đến cầu Xẻo Rô (hết ranh đất ông Phan Văn Danh)            | 250                    | 280                   |         |
| 9   | Tuyến Út Xù                                                       | Bắt đầu từ cầu 6 Vạn (Ninh Thạnh I)            | Đến hết ranh đất Danh Vân (Tà Ben)                         | 250                    | 280                   |         |
| 10  | Tuyến kênh Trương Hồ                                              | Bắt đầu từ cầu Trương Hồ (Ninh Phước)          | Đến hết ranh đất Trần Văn Tính (Trương Hồ)                 | 250                    | 280                   |         |
| 11  | Tuyến Ninh Thạnh II - Tà Ky - Ninh Phước (phía không có lộ nhựa ) |                                                |                                                            |                        |                       |         |
|     |                                                                   | Bắt đầu từ cầu 8.000 (bờ Tây Ninh Thạnh II)    | Đến cầu ông Tiếp (Tà Ky)                                   | 250                    | 280                   |         |



| STT | Tên đường                     | Đoạn đường                                                          |                                                                | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                               | Điểm đầu                                                            | Điểm cuối                                                      |                        |                       |         |
|     |                               | Bắt đầu từ cầu ông Tiếp (bờ Đông)                                   | Đến hết ranh đất ông Nguyễn Út Chính - kênh xáng Hòa Bình      | 250                    | 280                   |         |
| 12  | Tuyến kênh xáng Hòa Bình      | Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Chiến Hiền (bờ Đông)                 | Đến hết ranh đất ông Danh Phan                                 | 250                    | 280                   |         |
|     |                               | Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Hậu (giáp TT Phước Long, bờ Tây) | Đến giáp ranh xã Lộc Ninh (đất ông Trần Văn Chánh)             | 250                    | 280                   |         |
|     | Ấp Vĩnh An                    |                                                                     |                                                                |                        |                       |         |
| 13  | Tuyến đường nhựa mặt đường 2m | Bắt đầu từ giáp ranh đất ông 2 Lũy (Tà Ben)                         | Đến giáp ranh đất ông Huỳnh Văn Khải (Vĩnh An)                 | 250                    | 280                   |         |
|     |                               | Bắt đầu từ cầu Quốc Dân                                             | Cầu Bảy Tâm                                                    | 250                    | 280                   |         |
|     |                               | Nguyễn Văn Hồng - bờ Đông                                           | Đến hết ranh đất nhà bà Phan Thị Đẹp (ngã tư Sáu Bàng)         | 250                    | 280                   |         |
|     |                               | Bắt đầu nhà ông Lê Văn Trắng (ngã tư Sáu Bàng)                      | Đến hết ranh đất nhà ông Lê Thành Công (giáp ranh Ninh Quới A) | 250                    | 280                   |         |

| STT | Tên đường                             | Đoạn đường                                     |                                             | Giá đất<br>2020 - 2024 | Giá đất<br>điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|     |                                       | Điểm đầu                                       | Điểm cuối                                   |                        |                       |         |
| 14  | Tuyến kênh Xẻo Tràm                   | Bắt đầu từ cầu Xẻo Tràm (Trà Men)              | Đến cổng Xẻo Tràm                           | 250                    | 280                   |         |
| 15  | Ấp Ninh Thạnh II                      | Bắt đầu từ cầu 6000 (nhà ông Bùi Văn Nho)      | Đến hết ranh nhà ông Đặng Văn Vọng          | 250                    | 280                   |         |
| 16  | Tuyến Hào Hai                         | Bắt đầu từ cầu Hào Hai (nhà ông Nguyễn Văn Vũ) | Đến hết ranh nhà ông Lê Văn Nghĩa (8 Nghĩa) | 250                    | 280                   |         |
| 17  | Ấp Tà Ky - tuyến Kinh Cùng            | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Nhiệm   | Đến hết ranh nhà ông Phan Văn Bòn           | 250                    | 280                   |         |
| 18  | Ấp Tà Ky - tuyến Xóm Lá               | Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Hoàng Huynh     | Đến kênh 9000 giáp ranh xã Lộc Ninh         | 250                    | 280                   |         |
| 19  | Tuyến kênh Ranh (Ninh Định - Ninh An) | Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trương Thị Hộ       | Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Tới         | 250                    | 280                   |         |
| 20  | Tuyến 9000                            | Bắt đầu từ ranh đất Công an huyện              | Đến nhà ông Phan Út Lớn                     |                        | 280                   | Bổ sung |

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

(Xem tiếp Công báo số 11 + 12)